



DÒNG TIỀN MẠNH MẼ

THỊ TRƯỜNG

Top large cap tác động lên VNIndex: VHM
STB VCB NVL BVH

Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 13
Tăng vs 21 Giảm

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần
nhất 27/06)

Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 31
Tăng vs 24 Giảm

GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng Điểm hỗ
trợ 995 -> kháng cự 1035

Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD:
12 Tăng & 13 Sideway vs 0 Giảm

Khuyến nghị kỹ thuật mới: 7 Mua

ĐẦU TƯ

Danh mục PTĐT Rổng Việt: 54 cp, chiếm tỷ
trọng 44% vốn hóa toàn thị trường

Top3 kỳ vọng: LHG (+60%), PAC (+45%) &
DIG (+42%)

Nhóm ngành: Bất động sản (xếp hạng 1/85)

Cổ phiếu hôm nay: KBC, Khuyến nghị: Tích
lũy, giá mục tiêu của Rổng Việt: 16 k/cp

RONG VIET
SECURITIES



**CHÍNH THỨC
PHÁT HÀNH**

HOT

BÁO CÁO NHANH

**CUNG CẤP THÔNG TIN NHANH, GỌN & NỔI BẬT
VỀ DOANH NGHIỆP**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

+84 28 6299 2020 cskh@vdsc.com.vn www.vdsc.com.vn

NỘI DUNG CHÍNH

Dưới đây là một số nội dung QUÝ VỊ có thể quan tâm:

TIN TỨC & BÌNH LUẬN

Một số Tin quốc tế và trong nước nổi bật
Diễn biến 1 số chỉ số chứng khoán và giá hàng hóa thế giới
Tin chứng khoán: REE MSH MSR DXG HNM...

THỊ TRƯỜNG

Large cap nổi bật hôm nay: VHM STB VCB NVL BVH
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 13 Tăng vs 21 Giảm
Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (tăng)

VNIndex +0.83% so với cuối tuần trước
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 24 Tăng vs 28 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: C71 PXS EIB TIG HVG
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: VCR TVB DS3 TLD KDF

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 31 Tăng vs 24 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CTR TSC IDJ
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR DRH MPC HVH

GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng
Điểm hỗ trợ 995 -> kháng cự 1035
Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD: 12 Tăng & 13 Sideway vs 0 Giảm
Xu hướng hiện tại của Top10 tuần này: PXS EIB TIG
Xu hướng hiện tại của Top10 'con sông' gần đây: MBG CTR TIG
Khuyến nghị kỹ thuật mới: 7 Mua

ĐẦU TƯ

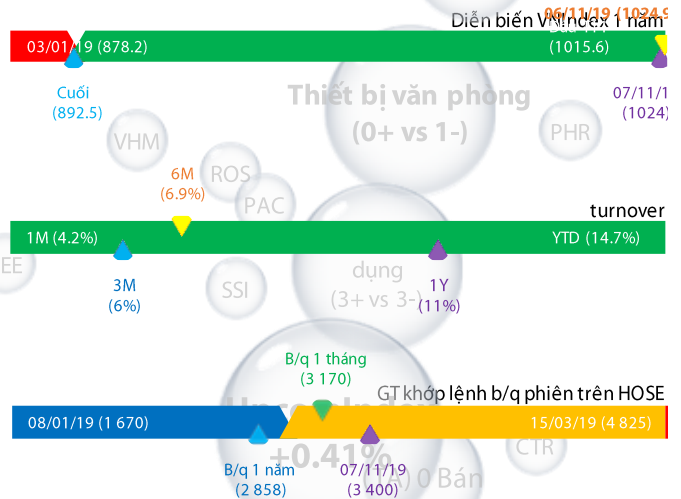
Danh mục PTĐT Rổ Việt: 54 cp
Kỳ vọng tốt nhất: LHG (+60%), PAC (+45%), DIG (+42%)
Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng Doanh thu: HDG CTG AST
Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng lợi nhuận: PHR VIC CTG
Khuyến nghị MUA với P/E 2019F thấp nhất: LTG LHG ANV

Nhóm ngành hôm nay: Bất động sản
Đứng thứ 1/85 ngành về quy mô vốn hóa
Tổng giá trị vốn hóa: 1070 595 tỷ đồng
B/q ngành (trọng số vốn hóa) ->: P/E trail 45.6, P/B 4.6

Cổ phiếu hôm nay: KBC
Ngành: Bất động sản
HOSE - Mid cap
Khuyến nghị: Tích lũy, giá mục tiêu của Rổ Việt: 16 k/cp

VNINDEX

1024.03 (-0.09%)



HNXINDEX

106.88 (+0.12%)

UPCOM INDEX

56.83 (+0.41%)

Nếu QUÝ VỊ có bất kỳ yêu cầu ngoài những nội dung trên
Làm ơn gửi đến ngay cho chúng tôi tại
<https://www.facebook.com/vdsc.com.vn/>

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ▶ TIN QUỐC TẾ

08/11/19 7:55 AM

Stock indexes		Daily	Weekly	Monthly
Dow Jones	27,679	0.68%	2.32%	5.77%
S&P 500	3,086	0.30%	1.57%	6.64%
FTSE 100	7,401	0.09%	2.18%	3.69%
NIKKEI 225	23,505	0.78%	2.88%	9.57%
SHANGHAI	2,978	-0.03%	1.70%	2.24%
KOSPI	2,149	0.22%	2.33%	5.96%
Hang Seng	27,787	0.36%	3.50%	7.55%

Commodities		Daily	Weekly	Monthly
WTI	57.1	-0.18%	1.61%	8.58%
Brent	62.3	-0.15%	1.03%	6.87%
Natural gas	2.8	0.25%	2.61%	24.66%
Gold	1,471.5	0.05%	-2.79%	-2.25%
Milk	19.9	-0.40%	-1.58%	6.20%
Coffee	109.1	1.02%	7.01%	14.00%
Sugar	12.4	-1.35%	-0.72%	-0.56%
Rubber	161.0	1.26%	6.13%	7.40%
Copper	2.7	2.16%	3.25%	6.05%
Steel	3,700.0	2.78%	6.20%	1.40%
Coal	69.6	-0.22%		-0.04%
Lead	2,119.8	-1.80%	-4.77%	-3.26%
Zinc	2,475.0	-0.92%	-2.14%	8.13%



Mỹ - Trung nhất trí dỡ bỏ thuế, Phố Wall lại lập đỉnh lịch sử. Trung Quốc và Mỹ đồng ý gỡ thuế áp lên hàng hóa của đối phương theo từng giai đoạn, ông Gao Feng, phát ngôn viên của Bộ Thương mại Trung Quốc ngày 7/11 cho biết. Lượng hàng hóa được giảm thuế trong thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 của Mỹ và Trung Quốc (dự kiến được ký trong vài tuần tới) sẽ phụ thuộc vào nội dung của thỏa thuận. Ngoài ra, mùa báo cáo lợi nhuận quý III tiếp tục mang đến một số thông tin tích cực. Theo đó, Dow Jones, Nasdaq và S&P 500 đều tăng điểm và lập đỉnh lịch sử trong phiên 7/11. [Xem thêm](#)

FAO: Giá lương thực thế giới tăng lần đầu tiên trong 5 tháng. Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) ngày 7/11 cho biết giá lương thực thế giới trong tháng 10 tăng lần đầu tiên trong 5 tháng, do sự tăng mạnh trong giá đường và ngũ cốc. Chỉ số giá lương thực của FAO, đánh giá sự thay đổi hàng tháng đối với các mặt hàng ngũ cốc, hạt có dầu, sản phẩm bơ sữa, thịt và đường, trung bình đạt hơn 172 điểm trong tháng 10, tăng gần 2% so với tháng 9 và tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái. FAO cũng dự báo sản xuất ngũ cốc sẽ đạt mức gần 3 tỷ tấn trong năm nay, giảm nhẹ so với dự báo trước đó. [Xem thêm](#)



Liên minh châu Âu hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Eurozone năm 2019. Ngày 7/11, Liên minh châu Âu (EU) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế vốn đã thấp của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong năm 2019, làm gia tăng sức ép đối với Đức và các nước giàu khác phải tăng chi tiêu nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế của khu vực này. Ủy ban châu Âu (EC) dự báo kinh tế Eurozone sẽ chỉ tăng trưởng 1,1% trong năm 2019, giảm so với mức dự báo tăng 1,2% được đưa ra hồi tháng Bảy. Theo EC - ủy ban giám sát chặt chẽ việc chi tiêu công của 28 nước thành viên EU - kinh tế Eurozone sẽ phục hồi yếu lên 1,2% trong năm 2020 và năm 2021. [Xem thêm](#)

Nợ công toàn cầu tăng lên mức kỷ lục 188 nghìn tỷ USD. Nợ toàn cầu đã tăng lên mức kỷ lục - 188 nghìn tỷ USD, tương đương 230% sản lượng kinh tế thế giới. Tổng Giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva, đã thông báo con số trên, với lời cảnh báo nợ công đang có nguy cơ đe dọa ổn định tài chính toàn cầu. Theo người đứng đầu IMF, sự gia tăng nợ công gần đây tại các nền kinh tế phát triển nhìn chung là do chính sách ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, gây ra từ sự sụp đổ của Ngân hàng đầu tư Lehman Brothers Holdings Inc. của Mỹ hồi năm 2008. Bà kêu gọi sự phối hợp hiệu quả hơn giữa các quốc gia đi vay và cho vay nhằm cải thiện những quy định về hợp đồng vay, có thể giúp giảm bớt những rủi ro và tăng tính trách nhiệm. [Xem thêm](#)



Trung Quốc dừng gom vàng. Hôm nay (7/11), Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) cho biết, vẫn giữ vàng dự trữ tháng 10 ở mức 62,64 triệu ounce, không thay đổi so với tháng 9. Trước đó, Bắc Kinh đã gom vàng hơn 100 tấn vàng trong 10 tháng liên khi bị kẹt trong cuộc chiến thương mại với Mỹ làm ảnh hưởng tới tăng trưởng. Sau thông tin Mỹ - Trung đã đồng ý sẽ gỡ bỏ thuế nhập khẩu hiện tại theo từng giai đoạn, giá vàng đã giảm 0,3% xuống còn hơn 1.486 USD mỗi ounce tại thị trường Bắc Kinh. Dù vậy, giá kim loại quý này đã tăng 16% từ đầu năm nay. [Xem thêm](#)

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► VIETNAM VS GLOBAL INDEXES

Số lượng chỉ số: 23

tradingeconomics.com/stocks Nov.08.2019 07:55 AM

Daily (+19 vs -4)			Weekly (+23 vs -0)		
U.S			U.S		
Dow Jones	→ +0.68%	→ +2.32%	Dow Jones		
S&P 500	→ +0.3%	→ +1.57%	S&P 500		
NASDAQ 100	→ +0.31%	→ +1.68%	NASDAQ 100		
S&P MidCap 400	→ +0.12%	→ +1.91%	S&P MidCap 400		
NYSE Composite	→ +0.33%	→ +1.7%	NYSE Composite		
Europe			Europe		
FTSE 100	→ +0.09%	→ +2.18%	FTSE 100		
DAX	→ +0.7%	→ +3.29%	DAX		
CAC 40	→ +0.22%	→ +2.81%	CAC 40		
Euronext 100	→ +0.33%	→ +2.66%	Euronext 100		
Euro Stoxx 50	→ +0.33%	→ +2.84%	Euro Stoxx 50		
Asia			Asia		
NIKKEI 225	→ +0.78%	→ +2.88%	NIKKEI 225		
SHANGHAI	← -0.03%	→ +1.7%	SHANGHAI		
SENSEX	→ +0.45%	→ +1.31%	SENSEX		
KOSPI	→ +0.22%	→ +2.33%	KOSPI		
TAIEX	← -0.40%	→ +2.18%	TAIEX		
SET 50	→ +1.16%	→ +3.06%	SET 50		
FKLCI	→ +0.38%	→ +0.71%	FKLCI		
Hang Seng	→ +0.36%	→ +3.5%	Hang Seng		
PSEi	→ +0.6%	→ +1.21%	PSEi		
HNX	→ +0.12%	→ +1.61%	HNX		
VN	← -0.09%	→ +2.52%	VN		
Australia			Australia		
ASX 50	← -0.03%	→ +0.87%	ASX 50		
NZX 50	→ +0.55%	→ +0.86%	NZX 50		

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN TRONG NƯỚC



Ngân hàng Nhà nước đề xuất bổ sung quy định về tiền điện tử. Tuy nhiên, trước bối cảnh và thực tiễn hiện nay, Nghị định 101 đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế như cơ chế pháp lý về tiền điện tử chưa đồng bộ; thiếu cơ chế quản lý các giao dịch thanh toán quốc tế; một số điều kiện kinh doanh về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cần tiếp tục phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện. Một nội dung mới tại dự thảo đáng được chú ý là việc Ngân hàng Nhà nước đề xuất bổ sung quy định về tiền điện tử, bao gồm khái niệm tiền điện tử; các hình thức thể hiện của tiền điện tử là ví điện tử, thẻ trả trước (Prepaid Card), tiền di động (Mobile Money). [Xem thêm](#)

Doanh nghiệp sản xuất - xây dựng kinh doanh lao dốc. Chỉ số Nhà Quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam do HIS Markit thu thập cho thấy sự sụt giảm trong 3 tháng gần đây. Tăng trưởng lĩnh vực sản xuất của Việt Nam chậm lại khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm lại và sản lượng giảm liên tục. Nguyên nhân là do nhu cầu khách hàng giảm và ảnh hưởng căng thẳng thương mại Mỹ - Trung. Báo cáo kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán cũng cho thấy bức tranh kém tích cực với các doanh nghiệp sản xuất. Theo số liệu của BSC, tính đến 31/10, 85% công ty niêm yết trên HSX và HNX công bố kết quả kinh doanh quý III với lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 14,6% so cùng kỳ 2018, nhóm ngân hàng đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng với 86,4% giá trị lợi nhuận tuyệt đối tăng trưởng. [Xem thêm](#)



Mở thêm kho phân loại tự động, Giao Hàng Nhanh muốn dẫn đầu mảng logistics. Giao Hàng Nhanh (GHN) vừa đưa vào vận hành kho phân loại hàng hoá tự động với diện tích 3.000 mét vuông tại TP.HCM. Kho phân loại này hầu hết được tự động hoá, có công suất tối đa 40 ngàn đơn hàng/giờ, tiết kiệm được gần ¾ lượng nhân công. Kế hoạch của GHN sắp tới phải mở đến 100 ngàn mét vuông kho bãi, đáp ứng nhu cầu trung chuyển hàng hoá, fulfillment, warehouse cho công ty lẫn đối tác. GHN mới đây được Temasek rót vốn, với quy mô "khủng" nhất từ trước tới nay mà GHN nhận được. Cả hai phía không tiết lộ giá trị khoản đầu tư nhưng có nguồn tin cho biết quỹ đầu tư của Singapore đã bỏ ra khoảng 100 triệu USD vào công ty khởi nghiệp sáng giá của Việt Nam. [Xem thêm](#)

Tỷ lệ nội địa hóa cực thấp kéo giảm cạnh tranh ô tô Việt. Bộ Công Thương đánh giá: Nhìn chung tỷ lệ nội địa hóa đối với xe thương mại trong nước cơ bản đáp ứng các mục tiêu đề ra tại Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành ô tô, tuy nhiên đối với ô tô con, tỷ lệ nội địa hóa lại rất thấp. Tỷ lệ nội địa hóa thấp, các linh kiện, phụ tùng để sản xuất, lắp ráp ô tô phải nhập khẩu từ nước ngoài... là những nguyên nhân khiến cho ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước có năng lực cạnh tranh kém hơn (đặc biệt về giá thành) so với ô tô nhập khẩu nguyên chiếc từ ASEAN. [Xem thêm](#)



Giá tôm nguyên liệu tăng trở lại, người nuôi tôm có lãi ổn định. Khoảng hơn 2 tháng trở lại đây, giá tôm nguyên liệu ở Bạc Liêu tăng trở lại, người nuôi tôm có lãi ổn định, nhưng sản lượng tôm nuôi không nhiều, cả người nuôi và doanh nghiệp thu mua không mấy thuận lợi. Nhiều thương lái thu mua tôm cho biết, dù giá tôm nguyên liệu tăng mạnh gần đây, nhưng nguồn tôm nguyên liệu thu mua rất hạn chế. Nếu như trước đây mỗi tháng thu mua hàng chục tấn, hiện nay giảm còn khoảng 70% sản lượng. Theo ông Ngô Quốc Hùng, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, giá tôm hiện tại tăng trung bình từ 20.000-25.000 đồng/kg (tùy theo loại) so với 3 tháng trước. Với giá tôm hiện tại, người nuôi tôm có lãi dao động từ 30-40%, nhưng vụ mùa nuôi tôm năm nay gặp không ít khó khăn. [Xem thêm](#)

Hàng Việt xuất khẩu bị khởi xướng điều tra 154 vụ trong 9 tháng 2019. Theo thống kê, tính đến thời điểm hiện tại, Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra 15 vụ việc phòng vệ thương mại, trong đó gồm 8 vụ việc chống bán phá giá, 6 vụ việc tự vệ và 1 vụ việc chống lẩn tránh thuế tự vệ. "So với con số hơn 150 vụ việc mà các nước đã điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thì con số 15 vụ việc vẫn còn khiêm tốn", Bộ Công Thương đánh giá. Nguyên nhân được Bộ này cho là do chủ trương khuyến khích tự do hóa thương mại của ta và Việt Nam chỉ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trong trường hợp thật sự cần thiết trên cơ sở kết quả điều tra đảm bảo các quy định pháp luật. [Xem thêm](#)



TIN TỨC & BÌNH LUẬN ▶ TIN CHỨNG KHOÁN

REE

HOSE
Large cap
EPS (ttm): 5.61
P/E: 6.86
BV: 32.08
P/B: 1.2

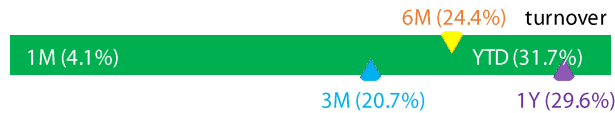
38.50

1N: +1.6%

1Thg: +4.1%

YTD: +31.7%

REE mua 49% cổ phần thủy điện Mường Hum, nâng danh mục doanh nghiệp điện lên 13. Công ty cơ điện lạnh cho biết vừa hoàn tất giao dịch mua lại cổ phần của Công ty thủy điện Mường Hum (MHP) đạt tỷ lệ sở hữu 49% vốn. Do vậy, kể từ BCTC quý IV, MHP là công ty liên kết của REE. Thông tin từ Báo Lào Cai điện tử, Thủy điện Mường Hum trực tiếp quản lý, kinh doanh nhà máy Thủy điện Mường Hum (công suất 32 MW), điện lượng hằng năm đạt 121,86 kWh, đã phát điện thương mại lên lưới điện quốc gia từ tháng 3/2011. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Máy công nghiệp (34 cp), REE xếp hạng 2 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VEA REE LLM MIE CKD SRF CTB FT1 L10 SDK PMS

MSH

HOSE
Mid cap
EPS (ttm): 9.34
P/E: 5.45
BV: 25.88
P/B: 1.97

50.90

1N: -0.2%

1Thg: -12.2%

YTD: +24.1%

May Sông Hồng báo lãi 357 tỷ đồng trong 9 tháng, tăng gần 31% so với cùng kỳ. CTCP May Sông Hồng công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2019 với doanh thu và lợi nhuận đều tăng nhẹ so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019 doanh thu thuần đạt 3.456,3 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành 80,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 437 tỷ đồng, hoàn thành trên 92% kế hoạch lợi nhuận được giao cho cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 357 tỷ đồng, tăng 30,7% so với lợi nhuận đạt được 9 tháng đầu năm 2018. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Hàng May mặc (50 cp), MSH xếp hạng 2 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VGT MSH VGG STK TCM PPH TNG MNB M10 GIL HUG

MSR

UPCOM
Large cap
EPS (ttm): 0.89
P/E: 18.66
BV: 14
P/B: 1.18

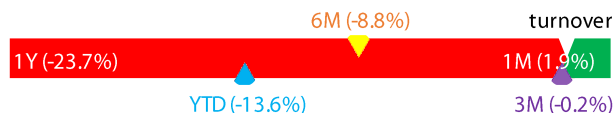
16.53

1N: +0.5%

1Thg: +1.9%

YTD: -13.6%

Giá cổ phiếu giảm 25%, Masan Resources phát hành 90 triệu cổ phiếu trả cổ tức. CTCP Tài nguyên Masan vừa chốt quyền trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng là 18/11, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 15/11. Năm 2018, công ty đặt kế hoạch trả cổ tức 10%. Như vậy, công ty đã hoàn thành chỉ tiêu năm. Sau 9T đầu năm, MSR đã hoàn thành 48% kế hoạch doanh thu và 68% kế hoạch lợi nhuận. Doanh thu giảm do giá vonfram diễn biến ở mức thấp và tồn kho nhiều, tồn kho đồng cũng ở mức cao. Công ty có kế hoạch thanh lý tất cả hàng tồn kho đồng trước quý I/2020. Lợi nhuận giảm không nhiều nhờ vụ thắng kiện Jacobs. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Khai khoáng (40 cp), MSR xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: MSR SQC KSV KSB MVB HGM BMC MTA DHM BMJ MTM

DXG

HOSE
Mid cap
EPS (ttm): 3.06
P/E: 5.29
BV: 12.96
P/B: 1.25

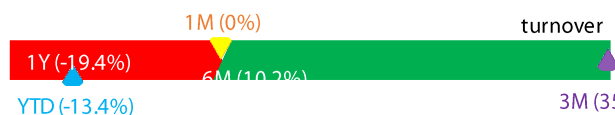
16.20

1N: 0%

1Thg: 0%

YTD: -13.4%

Gia tăng đầu tư, Đất Xanh (DXG) đối mặt với lịch pha tài chính. Đất Xanh vừa trúng đấu giá 92 ha đất tại khu vực Long Thành (Đồng Nai) với tổng trị giá 3.060 tỷ đồng. Theo đó, tổng quỹ đất của Đất Xanh đã nâng lên 415 ha. Công ty cho biết sẽ lên kế hoạch khai thác trong vòng 3 - 5 năm tới. Như vậy, CTCP Tập đoàn Đất Xanh đang tiếp tục mở rộng diện tích đất và gia tăng đầu tư. Việc này cho thấy sự chuẩn bị dài hơi, nhưng cũng tạo ra áp lực không nhỏ lên cán cân tài chính của doanh nghiệp. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Bất động sản (117 cp), DXG xếp hạng 9 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: NVL BCM KDH SDI PDR DXG SIP NLG KBC VPI IDC

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ▶ TIN CHỨNG KHOÁN

HNM

HNX
Small cap
EPS (ttm): 0.67
P/E: 6.69
BV: 9.32
P/B: 0.48

4.50

1N: 0%

1Thg: 0%

YTD: +66.7%

Hanoimilk lún sâu trong khó khăn. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa quyết định tạm ngừng giao dịch với cổ phiếu HNM của Công ty cổ phần Sữa Hà Nội (Hanoimilk). Nguyên nhân là công ty vi phạm về quy định về công bố thông tin, đặc biệt là chưa công bố báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và bán niên 2019. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Hanoimilk đạt doanh thu hơn 120 tỷ đồng với lợi nhuận vốn vẹn hơn 1 tỷ đồng. Lũy kế đến cuối quý III là hơn 23 tỷ, so với quy mô tổng tài sản hơn 515 tỷ đồng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Thực phẩm (48 cp), HNM xếp hạng 35 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: LAF HSL CAN BKH MCF **HNM** TFC C22 IFC KTS ANT

C69

HNX
Small cap
EPS (ttm): 0.5
P/E: 27.26
BV: 10.68
P/B: 1.27

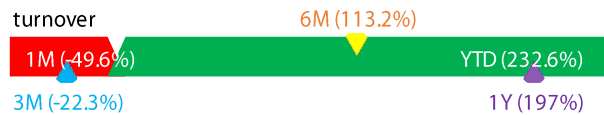
13.60

1N: +8.8%

1Thg: -49.6%

YTD: +232.6%

Doanh thu C69 tăng trưởng nhờ hoạt động xuất khẩu. Công ty cổ phần xây dựng 1369 vừa công bố kết quả kinh doanh quý III/2019 với doanh thu thuần đạt 69,8 tỷ đồng, lợi nhuận ròng đạt 1,49 tỷ đồng, lần lượt tăng tương ứng là 29,7% và 5,7% so với cùng kỳ. Nhờ mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường Hồng Kông (Trung Quốc), Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia..., doanh thu xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2019 của Công ty tăng trưởng 184%. Đây là con số ấn tượng mà công ty đã đạt được trong nhiều năm qua. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Xây dựng (266 cp), C69 xếp hạng 79 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: BCE VC2 HMS C47 LM8 **C69** MES CC4 LIG ICC UDC

IDC

UPCOM
Mid cap
EPS (ttm): 1.28
P/E: 14.51
BV: 11.49
P/B: 1.62

18.61

1N: +1.1%

1Thg: +4.8%

YTD: -17.1%

"Ông trùm" Khu công nghiệp Idico (IDC) đã được chấp thuận niêm yết 192 triệu cổ phiếu trên HNX. Sau 2 năm giao dịch trên UPCoM, ngày 06/11/2019, Sở GDCK Hà Nội (HNX) đã có chấp thuận cho 192 triệu cổ phiếu của Tổng Công ty IDICO – CTCP (IDICO) niêm yết trên sàn HNX. IDICO là một doanh nghiệp lớn và hoạt động trong khá nhiều lĩnh vực. Trong đó, kinh doanh điện, phát triển khu công nghiệp, thủy điện và giao thông là những ngành chính của Tổng công ty. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Bất động sản (117 cp), IDC xếp hạng 14 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: DXG SIP NLG KBC VPI **IDC** HPX TID DIG HDG FLC

NVT

HOSE
Small cap
EPS (ttm): 0.07
P/E: 135.07
BV: 2.77
P/B: 3.2

8.87

1N: +7%

1Thg: +26.9%

YTD: +32.4%

Cổ phiếu NVT liên tục tăng trần trước thêm hợp ĐHĐCĐ bất thường. Từ cuối tháng 10/2019, phía NVT đã tiến hành mời hợp ĐHĐCĐ bất thường lần thứ nhất năm 2019, dự kiến diễn ra vào ngày 12/11 sắp tới. Một số nội dung chính của Đại hội là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc các năm 2017, 2018 và kế hoạch kinh doanh 2019. Tình hình kinh doanh của NVT tương đối ổn định. Sau 9 tháng đầu năm, NVT đã thực hiện 79% chỉ tiêu doanh thu và 143% chỉ tiêu LNST cả năm 2019. Đáng chú ý trên sàn HoSE, giá cổ phiếu NVT liên tục tăng trần trong 3 phiên gần đây. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Bất động sản (117 cp), NVT xếp hạng 48 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: TIX SZL SGR NDN LHG **NVT** VC3 IDV TIP HTN VCR

RONG VIET
SECURITIES



Bản tin 6 giờ



Bản tin phái sinh



Báo cáo công ty



Báo cáo chiến lược



Báo cáo chuyên đề



Báo cáo thị trường chứng khoán



Phân tích cổ phiếu theo yêu cầu

**DỊCH VỤ
PHÂN TÍCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

+84 28 6299 2020

✉ cskh@vdsc.com.vn

🌐 www.vdsc.com.vn

THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG HÔM NAY (07/11/2019)

Top large cap tác động lên VNIndex: VHM STB VCB BVH VRE
Nhóm vốn hóa tỷ USD: 13 tăng giá & 4 đứng giá vs 14 giảm giá
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 13 Tăng vs 21 Giảm

THỊ TRƯỜNG TRONG TUẦN

VNIndex +0.83% so với cuối tuần trước
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 24 Tăng vs 28 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: C71 PXS EIB TIG HVG
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: VCR TVB DS3 TLD KDF

XU HƯỚNG GẦN ĐÂY

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 31 Tăng vs 24 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CTR TSC IDJ
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR DRH MPC HVH

DÒNG TIỀN

Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (tăng)
Dòng tiền trên HOSE: Ra (tăng)
Dòng tiền 5 phiên (3 sàn): Ra (giảm)
Dòng tiền 5 phiên trên HOSE: Ra (giảm)
Top5 dòng tiền VÀO: VHM HPG VRE VCB SSI
Top5 dòng tiền RA: ROS VNM FLC SCR PHR

Tổng số cổ phiếu

1609

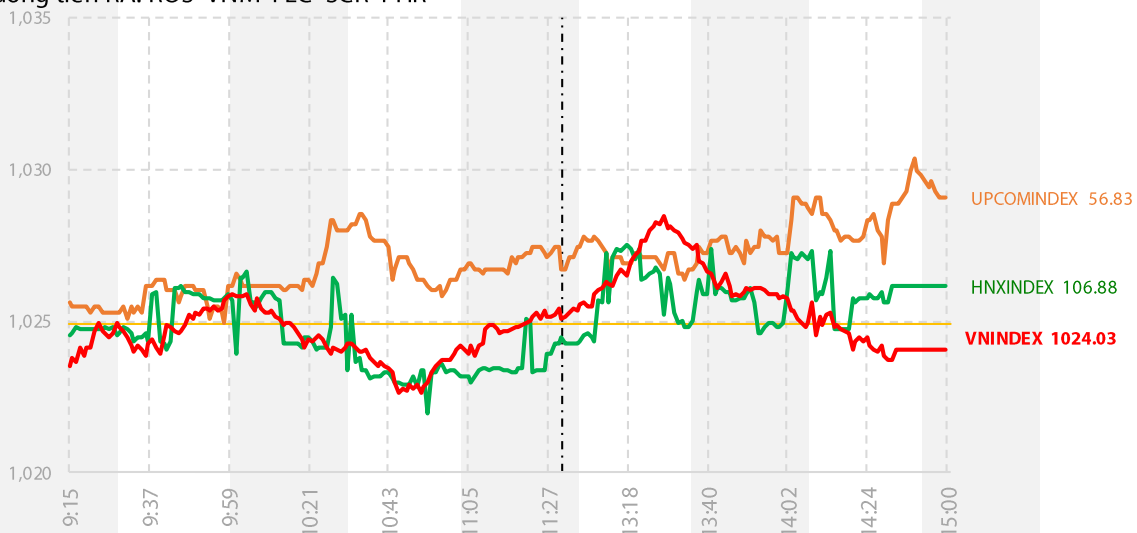
số cổ phiếu tăng giá
giảm giá

295

320

số phiên HNX Index tăng liên tiếp

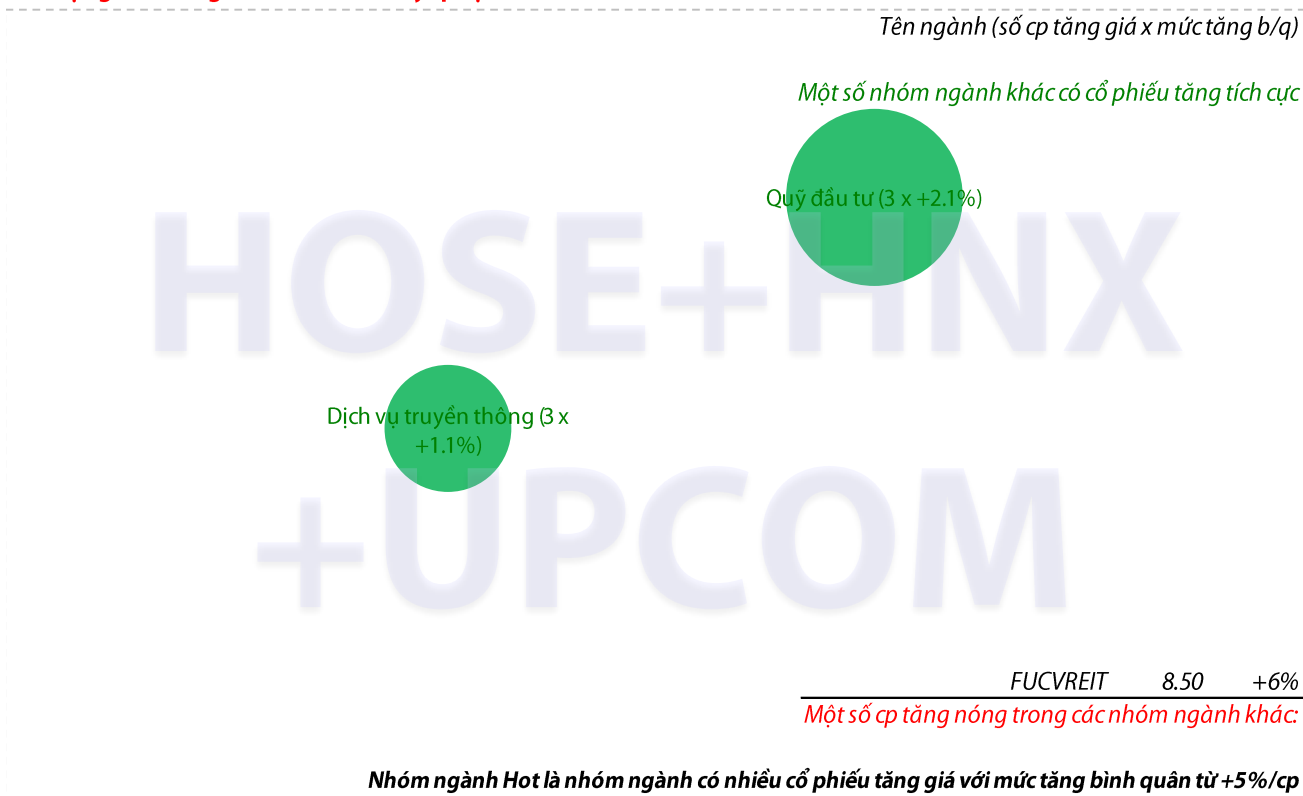
5



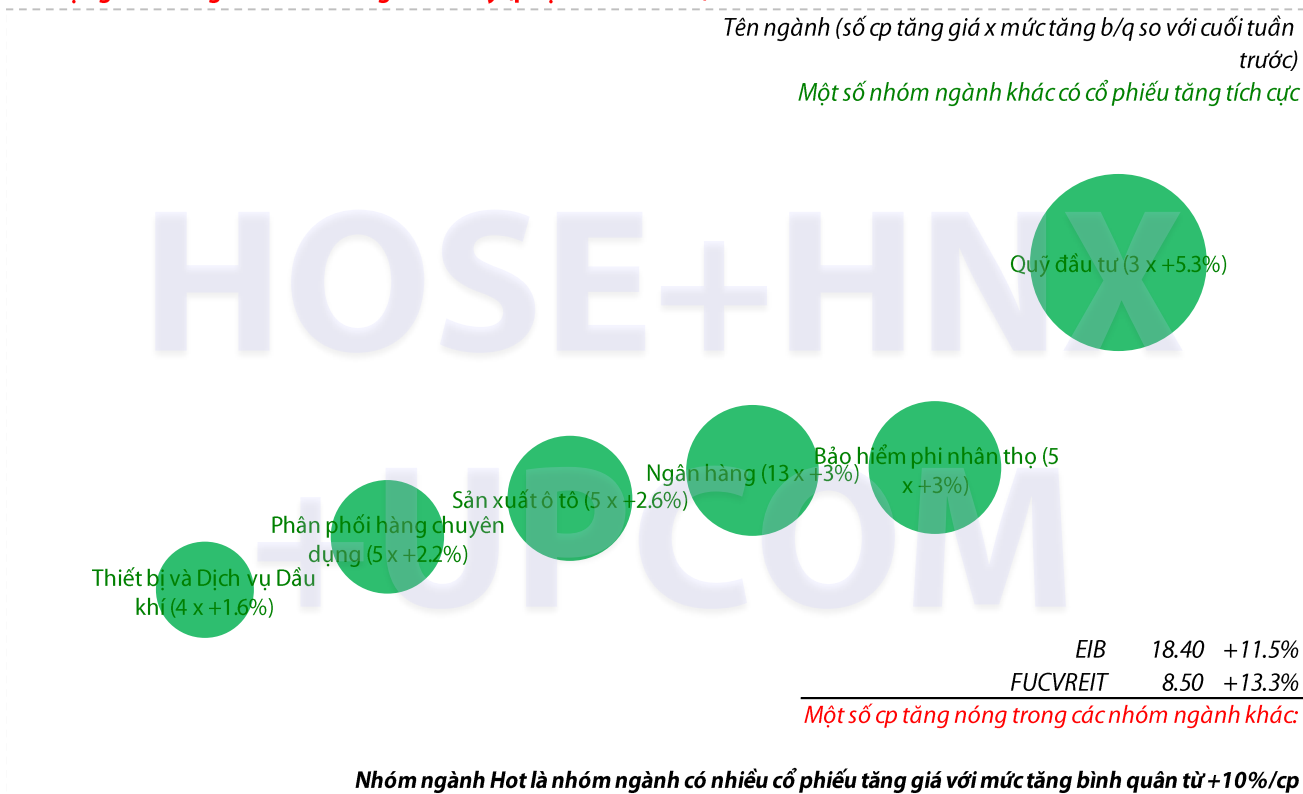
Công nghệ Thông tin	Dầu khí	Dược phẩm và Y tế	Ngân hàng	Tài chính	Viễn thông
4 tăng giá	2	9	8	51	1 tăng giá
19	5 đứng giá	33	4	63 đứng giá	2
6	4	12 giảm giá	6 giảm giá	54	5
Công nghiệp	Dịch vụ Tiêu dùng	Hàng Tiêu dùng	Nguyên vật liệu	Tiện ích Cộng đồng	
86 tăng giá	16	57	34	27 tăng giá	
448	86 đứng giá	143	102 đứng giá	89	
108	27	41 giảm giá	38	19	

THỊ TRƯỜNG ► **NGÀNH HOT HÔM NAY**

Số lượng nhóm ngành HOT hôm nay (phạm vi cả 3 sàn): 0



Số lượng nhóm ngành HOT trong tuần này (phạm vi cả 3 sàn): 0



Các nhóm ngành có diễn biến Tích cực trong tuần này

Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (8 cp: 4 tăng vs 0 giảm)
Phân phối hàng chuyên dụng (10 cp: 5+ vs 3-)
Sản xuất ô tô (10 cp: 5+ vs 2-)
Ngân hàng (18 cp: 13+ vs 3-)
Bảo hiểm phi nhân thọ (9 cp: 5+ vs 2-)

Các nhóm ngành có diễn biến Tiêu cực

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU BỨT PHÁ

Danh sách cổ phiếu TĂNG NÓNG (ít nhất 2 phiên liên tiếp tăng giá tối thiểu +5%/phiên): 17



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc sàn Upcom / Small cap / thanh khoản Thấp

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

Hãy quan tâm sớm các mã mới tăng 2 phiên

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt				Nhóm ngành		GTĐT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	Số phiên tăng giá	Thị giá	Tổng mức tăng 2-3N
1	CLG	Cotec Land	Bất động sản	HOSE	73	Small cap	41,546	Thấp	3+	3.69	20.7%	
2	MCG	Cơ điện và XD VN	Xây dựng	HOSE	113	Small cap	33,797	Thấp	3+	2.32	20.7%	
3	NVT	Ninh Văn Bay	Bất động sản	HOSE	750	Small cap	5,393	Thấp	3+	8.87	20.9%	
4	DTN	Diêm Thống Nhất	Hàng cá nhân	UPCOM	17	Small cap	9	Thấp	3	8.90	42.2%	
5	HBD	Bao bì PP Bình Dương	Containers & Đóng gói	UPCOM	27	Small cap	57	Thấp	3	16.40	41.7%	
6	HKP	Bao bì Hà Tiên	Containers & Đóng gói	UPCOM	26	Small cap	178	Thấp	3+	6.94	32.7%	
7	PRO	Procimex Việt Nam	Thực phẩm	UPCOM	20	Small cap	113	Thấp	3+	7.40	37.5%	
8	COM	Vật tư Xăng dầu	Phân phối hàng chuyên dụng	HOSE	748	Small cap	93	Thấp	2	56.70	13.0%	
9	C69	Xây dựng1369	Xây dựng	HNX	188	Small cap	331,572	Trung bình	2	13.60	18.4%	
10	DNC	Điện nước Hải Phòng	Sản xuất & Phân phối Điện	HNX	88	Small cap	11,325	Thấp	2	22.60	14.8%	
11	MST	Xây dựng 1.1.6.8	Xây dựng	HNX	124	Small cap	185,257	Trung bình	2	3.80	14.6%	
12	BTV	DV Du lịch Bến Thành	Vận tải hành khách & Du lịch	UPCOM	644	Small cap	70	Thấp	2	28.00	16.0%	
13	HAM	HAMACO	Vật liệu xây dựng & Nội thất	UPCOM	118	Small cap	309	Thấp	2	20.00	17.0%	
14	HSM	HANOSIMEX	Hàng May mặc	UPCOM	174	Small cap	170	Thấp	2	9.70	29.0%	
15	NPS	Máy Phú Thịnh - Nhà Bè	Hàng May mặc	UPCOM	46	Small cap	4	Thấp	2	24.60	54.8%	
16	PNT	Kỹ thuật XD Phú Nhuận	Xây dựng	UPCOM	64	Small cap	235	Thấp	2	7.90	29.5%	
17	SDV	Dịch vụ Sonadezi	Chất thải & Môi trường	UPCOM	101	Small cap	15,687	Thấp	2	22.59	26.6%	

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU TĂNG ĐÁNG CHÚ Ý

Danh sách cổ phiếu TĂNG đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 15



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc sàn HNX / Small cap / thanh khoản Thấp

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt				Nhóm ngành	GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	KLGD hôm nay vs b/q 5N trước	Thị giá	+% giá
1	HPG	Hòa Phát	Thép và sản phẩm thép	HOSE	60,744	Tỷ USD	4,263,383	Cao	tăng mạnh	22.70	3.2%
2	PXI	XL CN và dân dụng Đầu khí	Xây dựng	HOSE	60	Small cap	4,526	Thấp	tăng mạnh	2.12	6.5%
3	C69	Xây dựng1369	Xây dựng	HNX	188	Small cap	331,572	Trung bình	tăng mạnh	13.60	8.8%
4	DGC	Hóa chất Đức Giang	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	HNX	3,350	Mid cap	74,408	Trung bình	tăng mạnh	27.20	5.0%
5	KDM	Đầu tư HP Việt Nam	Xây dựng	HNX	16	Small cap	7,596	Thấp	tăng mạnh	2.50	8.7%
6	MBG	Tập đoàn MBG	Vật liệu xây dựng & Nội thất	HNX	1,757	Mid cap	315,841	Trung bình	tăng mạnh	45.30	7.9%
7	MST	Xây dựng 1.1.6.8	Xây dựng	HNX	124	Small cap	185,257	Trung bình	tăng mạnh	3.80	8.6%
8	PVL	Đầu tư Nhà Đất Việt	Bất động sản	HNX	75	Small cap	6,800	Thấp	tăng mạnh	1.60	6.7%
9	FRM	Lâm nghiệp Sài Gòn	Lâm sản và Chế biến gỗ	UPCOM	178	Small cap	5,483	Thấp	tăng mạnh	16.88	11.1%
10	VLC	Chăn nuôi Việt Nam	Nuôi trồng nông & hải sản	UPCOM	971	Small cap	1,622	Thấp	tăng mạnh	17.44	13.3%
11	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	HOSE	1,078	Small cap	8,784	Thấp		16.50	5.1%
12	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Nước	HOSE	2,474	Mid cap	55,695	Trung bình		27.00	4.4%
13	TV4	Tư vấn XD Điện 4	Tư vấn & Hỗ trợ KD	HNX	222	Small cap	6,518	Thấp		15.50	9.9%
14	VC3	Xây dựng Số 3	Bất động sản	HNX	687	Small cap	296,413	Trung bình		25.50	5.4%
15	TND	Than Tây Nam Đá Mài	Khai thác Than	UPCOM	158	Small cap	9,291	Thấp		10.50	6.4%

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU SALE-OFF

(cảnh báo) Danh sách cổ phiếu Giảm mạnh (ít nhất 2 phiên liên tiếp giảm giá tối thiểu -5%/phiên): 3



Đa số cp thuộc sàn HOSE / Small cap / thanh khoản Thấp

Giảm nhiều phiên quá sẽ có cơ hội bắt đáy, nhưng...

Hãy lưu ý sớm các mã mới giảm 2 phiên

Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi độ

Stt	Nhóm ngành			GTĐT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	Số phiên giảm giá	Thị giá	Tổng mức Giảm 2-3N	
1	CLW	Cấp nước Chợ Lớn	Nước	HOSE	296	Small cap	707	Thấp	3	21.50	-18.4%
2	PDN	Cảng Đồng Nai	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	HOSE	1,345	Mid cap	282	Thấp	2	67.80	-13.5%
3	KSQ	CNC Capital Việt Nam	Khai khoáng	HNX	45	Small cap	8,261	Thấp	2	1.40	-12.9%

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU GIẢM ĐÁNG LƯU Ý

Danh sách cổ phiếu GIẢM đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 3



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc sàn Upcom / Small cap / thanh khoản Thấp

(dấu hiệu) Xu hướng tiêu cực có thể bắt đầu...

Hãy lưu ý các mã giảm mạnh hôm nay

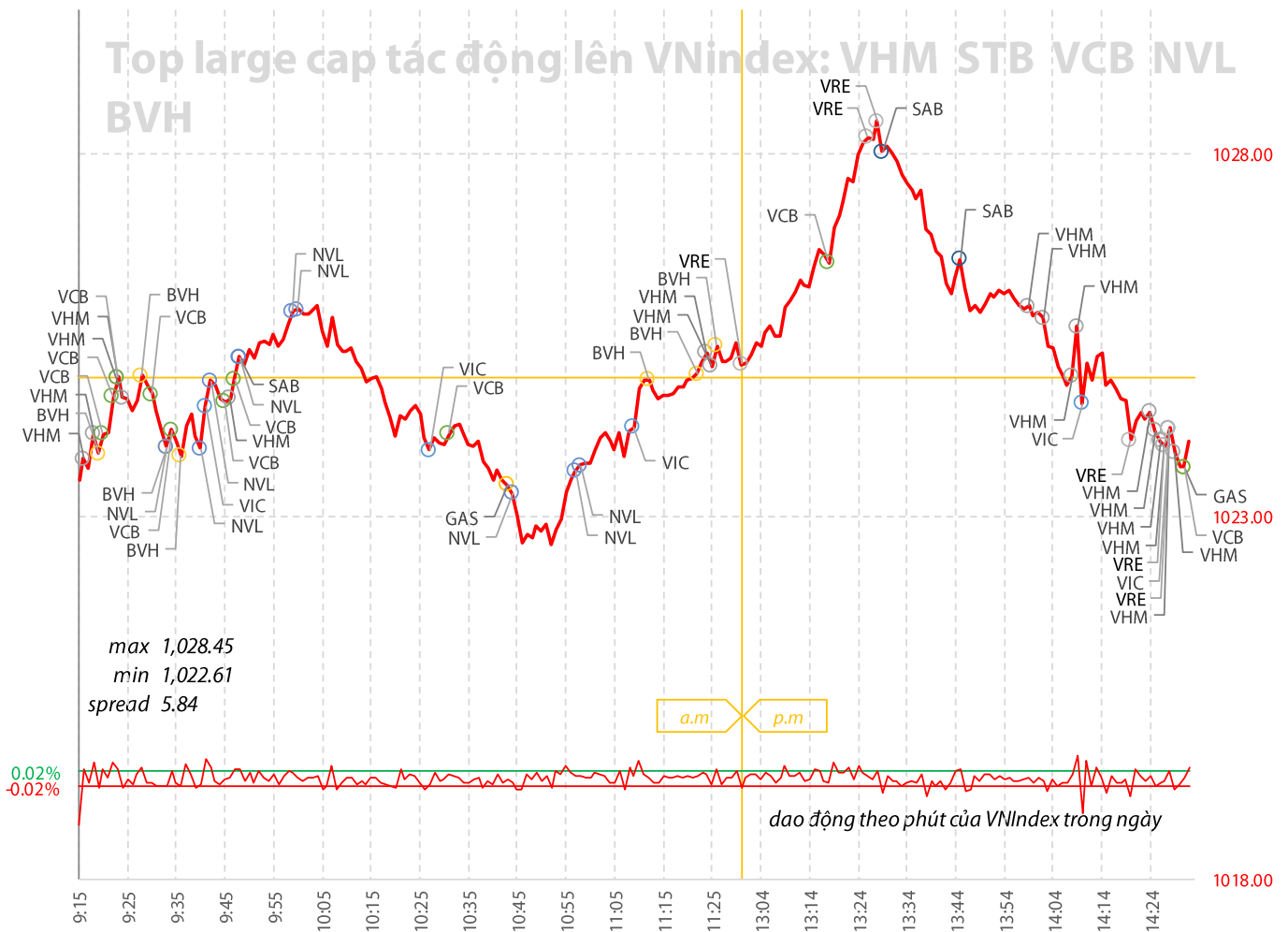
Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt	Nhóm ngành			GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	KLGD hôm nay vs b/q 5N trước	Thị giá	-% giá	
1	VAT	Viễn thông Vạn Xuân	Thiết bị viễn thông	HNX	7	Small cap	18,285	Thấp	tăng mạnh	1.50	-6.3%
2	SBD	Công nghệ Sao Bắc Đẩu	Phần mềm	UPCOM	98	Small cap	48	Thấp	tăng mạnh	8.00	-5.9%
3	HRT	Vận tải đường sắt Hà Nội	Vận tải hành khách & Du lịch	UPCOM	274	Small cap	2,522	Thấp		3.10	-9.5%

THỊ TRƯỜNG ▶ DIỄN BIẾN TRONG PHIÊN

Diễn biến VNIndex trong ngày và tác động của các cổ phiếu vốn hóa lớn lên chỉ số



Bảo.NQ Dòng tiền mạnh mẽ.

Dòng tiền vẫn đang chảy mạnh vào TTCK VN. Kết thúc giao dịch, chỉ số Vnindex giảm không đáng kể -0.88 điểm (-0.09%) và chốt tại mốc 1024.03. Chỉ số HNXindex dùng dằng trên tham chiếu với mức tăng nhẹ +0.14 điểm (+0.13%), đóng cửa tại 106.88 và chỉ số Upcom-index có mức tăng +0.24 điểm (+0.42%), chốt tại 56.83.

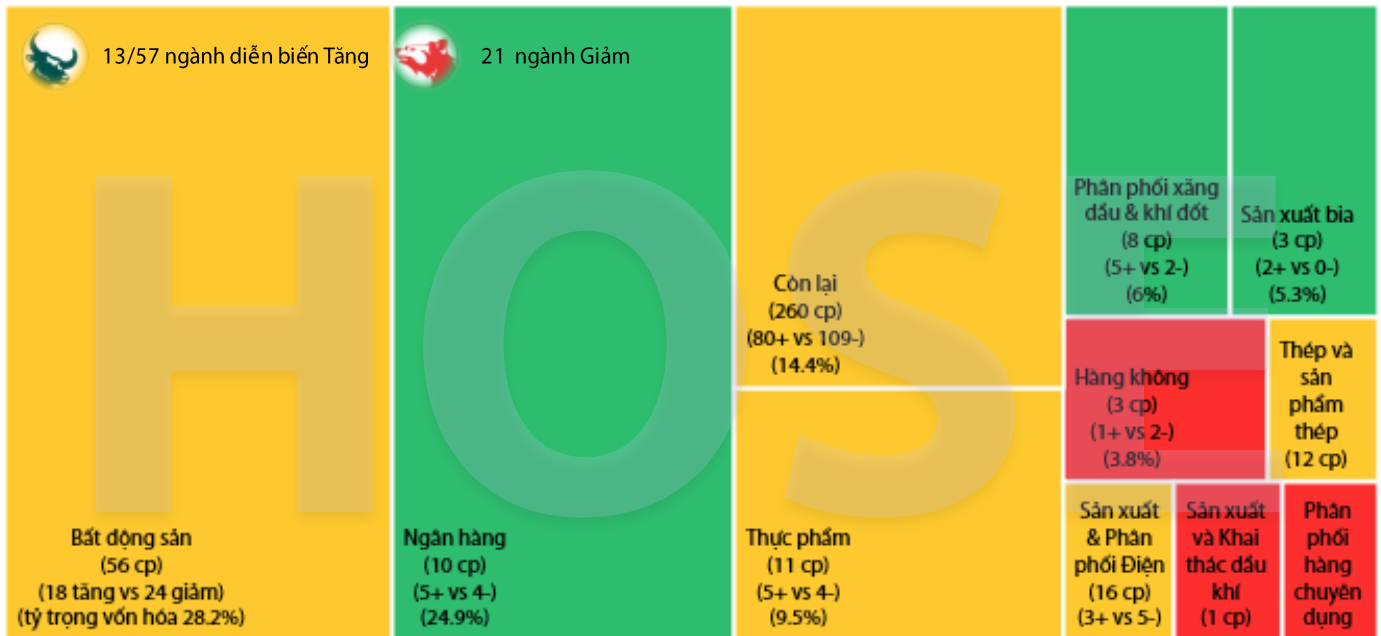
Chỉ số VN30 có khởi sắc hơn khi tăng +1.87 điểm (+0.2%) và chốt phiên tại 944.25. Trong đó các mã cổ phiếu tăng giá chiếm ưu thế so với các mã giảm giá. EIB (+5.7%), HPG (+3.2%), SBT (+2.4%), BID (+2.0%) ... là các mã có mức tăng tốt nhất của nhóm VN30 ở phiên giao dịch hôm nay. Ở chiều ngược lại, các mã như BVH (-1.3%), NVL (+1.0%), STB (-0.9%) ... hãm đà tăng chỉ số VN30.

Nhóm ngân hàng và tài nguyên cơ bản đã để lại dấu ấn tích cực lên chỉ số Vnindex. Ngoài ra, những cổ phiếu có phiên giao dịch hiệu quả trong ngày hôm nay như HVG (+6.8%), TDM (+4.4%), SZL (+2.8%) ... trên sàn HOSE. Ở sàn HNX, những mã cổ phiếu tăng giá nổi bật như MST (+8.6%), MBG (+7.9%), VC3 (+5.4%) ... Sàn Upcom gồm các cổ phiếu như VLC (+13%), NAS (+3.0%), VEA (+2.2%) ... cũng có dấu hiệu lạc quan.

Nhà đầu tư NN đã có phiên mua ròng mạnh +114.78 tỷ ở phiên hôm nay. Cụ thể, khối ngoại mua ròng lên đến +133.47 tỷ trên sàn HOSE, các mã như HPG (+45.7 tỷ), VRE (+62.9 tỷ), VHM (+62.5 tỷ), ROS (+24.9 tỷ) ... được mua ròng mạnh. Ở chiều ngược lại, khối ngoại đã bán ròng ở sàn HNX và Upcom. Các mã bị bán ròng mạnh trên sàn HNX như CEO (-4 tỷ), PVS (-5.8 tỷ), NDN (-4.3 tỷ) ... Và sàn Upcom có các mã cổ phiếu bị bán ròng như ACV (-10.5 tỷ), VLC (-0.9 tỷ) ...

THỊ TRƯỜNG ► BIẾN ĐỘNG GIÁ HOSE HÔM NAY

Biến động giá cp theo nhóm ngành trong ngày 07/11 trên HOSE



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Thiết bị điện (4 cp: 2 tăng vs 0 giảm)
Nhà cung cấp thiết bị (1 cp: 1+ vs 0-)
Dịch vụ giải trí (2 cp: 1+ vs 1-)
Lốp xe (3 cp: 2+ vs 0-)
Đồ gia dụng một lần (1 cp: 1+ vs 0-)
Hàng cá nhân (2 cp: 2+ vs 0-)
Quỹ đầu tư (5 cp: 3+ vs 0-)
Nước (4 cp: 2+ vs 1-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Vận tải hành khách & Du lịch (4 cp: 0 tăng vs 2 giảm)
Công nghệ sinh học (2 cp: 0+ vs 2-)
Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác (11 cp: 3+ vs 6-)
Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 1+ vs 2-)
Sản xuất giấy (4 cp: 0+ vs 2-)
Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 0+ vs 1-)
Tài chính đặc biệt (4 cp: 1+ vs 2-)

Top10 HOSE tăng giảm giá trong ngày theo nhóm vốn hóa:

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 11 tăng vs 9 giảm		
HPG	22.7	3.2%	BVH	74.1	-1.3%
BID	41.6	2.0%	NVL	58.1	-1.0%
HVN	36.2	0.8%	VIC	120.8	-0.9%
MSN	76.5	0.7%	VNM	129.1	-0.8%
MWG	125.3	0.6%	VPB	22	-0.7%
VCB	91.3	0.3%	PLX	58.9	-0.5%
GAS	106.1	0.3%	CTG	22.25	-0.2%
TCB	24.8	0.2%	MBB	23.5	-0.2%
HDB	29.15	0.2%	VJC	143.2	-0.2%
VRE	35.2	0.1%			

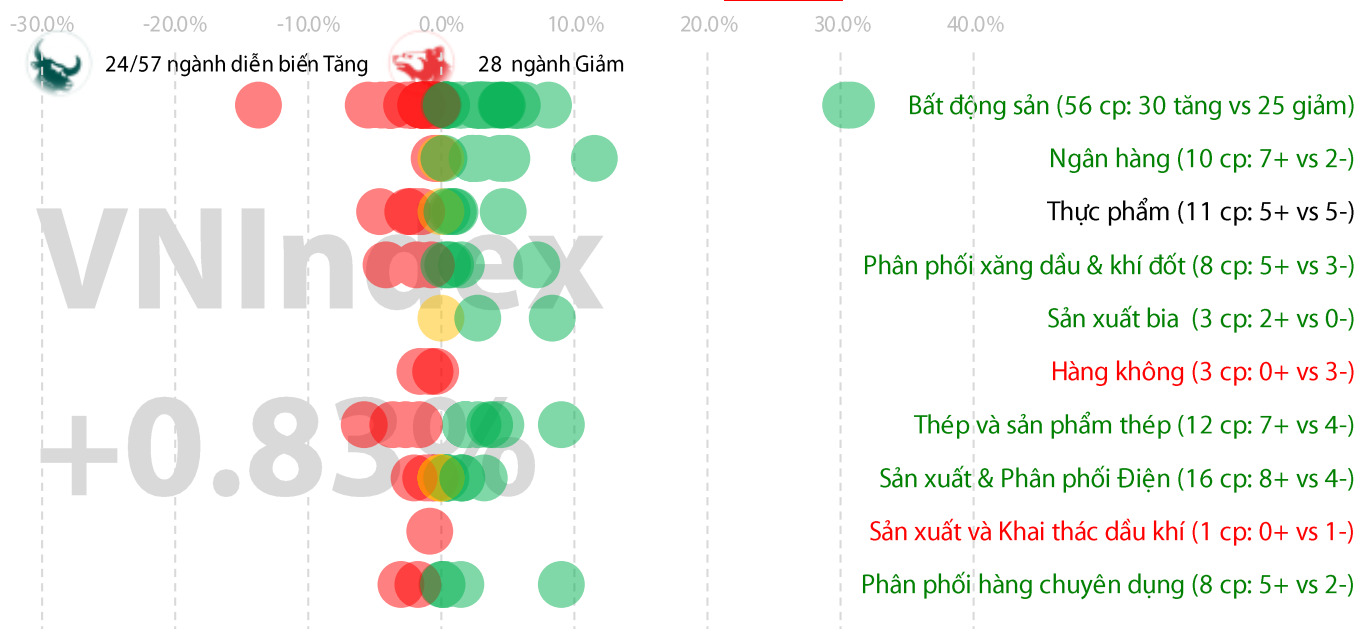
Large cap còn lại			6 tăng vs 2 giảm		
EIB	18.4	5.7%	DHG	93	-1.0%
REE	38.5	1.6%	STB	10.9	-0.9%
KDH	27.2	0.6%			
HNG	14.9	0.3%			
PNJ	85.2	0.2%			
BHN	78.1	0.1%			

Mid cap			43 tăng vs 51 giảm		
HVG	5.95	6.8%	PDN	67.8	-6.6%
PGD	39.7	6.4%	FRT	39.7	-2.9%
DTL	27.65	6.3%	FLC	4.51	-2.6%
TDM	27	4.4%	NSC	82.9	-2.5%
DPG	47.5	2.8%	ANV	25.2	-2.3%
TLG	43.15	2.7%	DVP	38.05	-2.1%
DBC	24.1	2.6%	NBB	21.3	-1.8%
SBT	18.9	2.4%	ITA	3.15	-1.6%
TRA	57.8	2.3%	PHR	58.1	-1.5%
HCM	25.3	2.2%	GTN	21.35	-1.4%

Small cap			67 tăng vs 95 giảm		
EMC	10.7	7.0%	SC5	23.25	-7.0%
NVT	8.87	7.0%	PJT	10.7	-7.0%
COM	56.7	7.0%	RIC	5.91	-6.9%
CLG	3.69	7.0%	CCI	14.8	-6.9%
MCG	2.32	6.9%	HTL	18.9	-6.9%
SMA	13.2	6.9%	FDC	13.5	-6.9%
TPC	10.35	6.8%	VPS	10.8	-6.9%
PXI	2.12	6.5%	TCO	11.55	-6.9%
FUCVREIT	8.5	6.0%	DRH	4.81	-6.8%
SSC	67.1	5.7%	ST8	15.2	-6.7%

THỊ TRƯỜNG ► SO VỚI TUẦN TRƯỚC

Biến động giá cp theo nhóm ngành từ cuối tuần trước 01/11 đến nay trên HOSE



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Sản xuất ô tô (7 cp: 5 tăng vs 2 giảm)
Hàng cá nhân (2 cp: 2+ vs 0-)
Nhựa, cao su & sợi (14 cp: 8+ vs 4-)
Bảo hiểm phi nhân thọ (3 cp: 2+ vs 1-)
Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 1+ vs 0-)
Môi giới chứng khoán (12 cp: 6+ vs 5-)
Quỹ đầu tư (5 cp: 3+ vs 1-)
Nước (4 cp: 2+ vs 1-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Nuôi trồng nông & hải sản (19 cp: 7 tăng vs 11 giảm)
Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0+ vs 1-)
Hàng May mặc (11 cp: 2+ vs 7-)
Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác (11 cp: 2+ vs 8-)
Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 0+ vs 3-)
Khai khoáng (7 cp: 2+ vs 5-)
Tài chính đặc biệt (4 cp: 1+ vs 3-)

Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ cuối tuần trước

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 14 tăng vs 8 giảm		
BID	41.6	4.9%	VNM	129.1	-2.5%
VHM	99.5	4.5%	VJC	143.2	-1.6%
TCB	24.8	4.4%	NVL	58.1	-1.5%
HPG	22.7	3.7%	VIC	120.8	-1.4%
VCB	91.3	2.8%	PLX	58.9	-0.8%
MBB	23.5	2.4%	HVN	36.2	-0.8%
VPB	22	2.3%	HDB	29.15	-0.5%
FPT	59.5	1.7%	CTG	22.25	-0.2%
GAS	106.1	1.5%			
MSN	76.5	1.1%			

Large cap còn lại			8 tăng vs 1 giảm		
EIB	18.4	11.5%	ROS	25	-0.8%
KDH	27.2	4.6%			
BHN	78.1	2.8%			
PNJ	85.2	2.3%			
REE	38.5	2.3%			
HNG	14.9	0.7%			
DHG	93	0.5%			
TPB	22.5	0.2%			

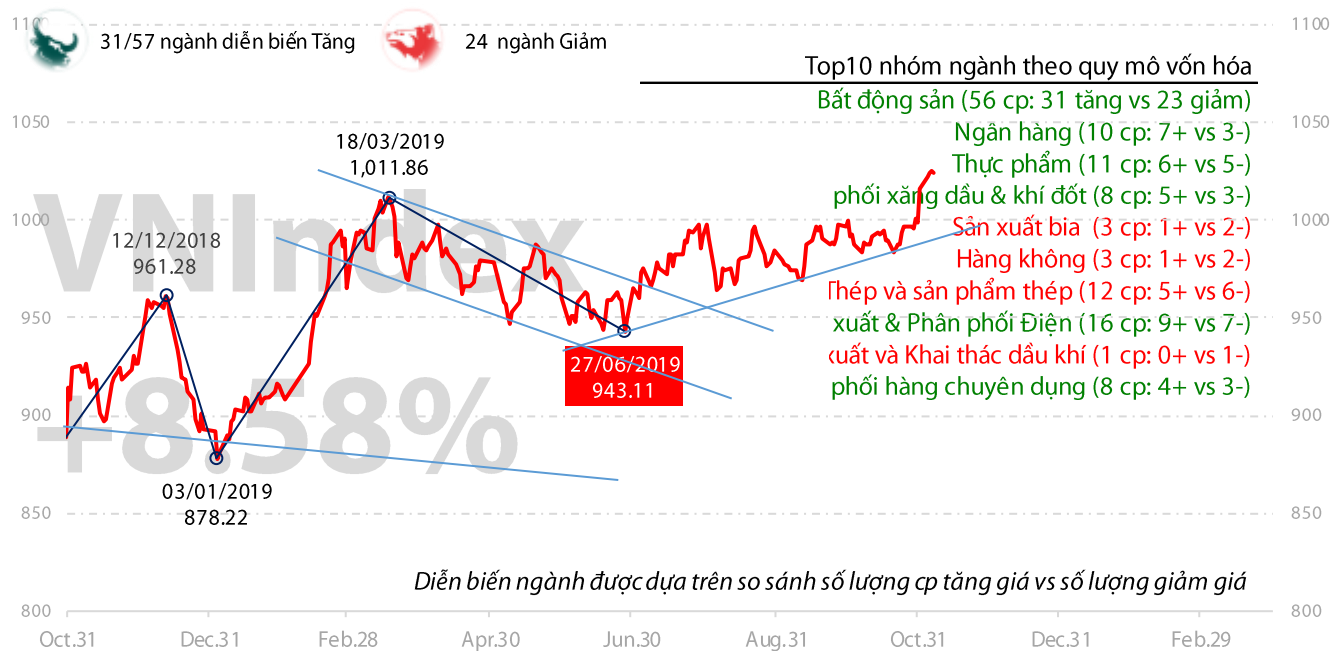
Mid cap			57 tăng vs 59 giảm		
HVG	5.95	9.2%	PDN	67.8	-8.4%
SMB	41.5	8.4%	MSH	50.9	-6.8%
HCM	25.3	5.9%	TLG	43.15	-6.2%
D2D	86.7	5.7%	POM	5.56	-5.8%
SJS	15.3	5.5%	ANV	25.2	-4.5%
DXG	16.2	5.2%	DVP	38.05	-3.7%
DBD	56.6	5.0%	HT1	16.4	-3.0%
GTN	21.35	4.7%	VCI	34.05	-2.7%
HDC	22.85	4.1%	HBC	12.6	-2.7%
DPG	47.5	3.6%	STK	18.6	-2.6%

Small cap			86 tăng vs 117 giảm		
NVT	8.87	30.8%	BTT	33.2	-18.0%
CLG	3.69	30.4%	YBM	4.5	-17.4%
MCG	2.32	28.9%	CLW	21.5	-17.3%
CDC	15.45	20.2%	SGT	5.2	-15.3%
TPC	10.35	14.2%	PTL	4.03	-13.7%
FUCVREIT	8.5	13.3%	TCO	11.55	-13.2%
PXS	5.9	12.6%	HVX	3.01	-9.9%
PXI	2.12	11.6%	EMC	10.7	-8.9%
VNL	15.55	10.7%	TS4	4.2	-8.9%
HU1	8	10.2%	ACC	18.3	-8.5%

QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

THỊ TRƯỜNG ▶ XU HƯỚNG HIỆN TẠI

Biến động giá cp theo nhóm ngành từ ngày 27/06 đến nay trên HOSE



Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Sản xuất ô tô (7 cp: 4 tăng vs 3 giảm)
Lốp xe (3 cp: 2+ vs 1-)
Đồ uống & giải khát (3 cp: 2+ vs 1-)
Hàng cá nhân (2 cp: 1+ vs 1-)
Nhựa, cao su & sợi (14 cp: 7+ vs 7-)
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác (11 cp: 6+ vs 5-)
Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 2+ vs 1-)
Sản xuất giấy (4 cp: 2+ vs 2-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0 tăng vs 1 giảm)
Thiết bị gia dụng (3 cp: 0+ vs 3-)
Hàng May mặc (11 cp: 0+ vs 10-)
Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
Khai khoáng (7 cp: 0+ vs 7-)
Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 0+ vs 1-)
Môi giới chứng khoán (12 cp: 4+ vs 8-)
Nước (4 cp: 1+ vs 3-)

Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ sau ngày 27/06/2019

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 16 tăng vs 7 giảm		
MWG	125.3	37.7%	HVN	36.2	-12.1%
BID	41.6	34.5%	BVH	74.1	-8.4%
FPT	59.5	33.6%	MSN	76.5	-6.7%
VCB	91.3	31.4%	POW	13.6	-5.9%
VHM	99.5	29.9%	PLX	58.9	-4.8%
MBB	23.5	23.2%	SAB	260	-3.9%
TCB	24.8	22.8%	NVL	58.1	-2.4%
VPB	22	16.7%			
VJC	143.2	15.0%			
GAS	106.1	10.8%			

Large cap còn lại			3 tăng vs 7 giảm		
REE	38.5	21.6%	ROS	25	-16.4%
PNJ	85.2	19.6%	DHG	93	-13.5%
KDH	27.2	11.0%	HNG	14.9	-8.6%
			BHN	78.1	-4.3%
			STB	10.9	-3.5%
			EIB	18.4	-1.6%
			TPB	22.5	-0.9%

Mid cap			71 tăng vs 50 giảm		
HVG	5.95	78.7%	YEG	52.2	-31.4%
HDC	22.85	52.8%	PAC	26.25	-26.7%
IJC	15.45	47.1%	CTD	75	-24.2%
BIC	25.95	40.3%	FRT	39.7	-23.9%
DBD	56.6	33.2%	SJS	15.3	-23.5%
D2D	86.7	28.2%	HAG	4.15	-20.8%
DPG	47.5	27.7%	STK	18.6	-20.5%
LDG	10.65	26.9%	TCM	21.7	-19.6%
DRC	22.9	25.1%	TLG	43.15	-17.3%
BMP	53.4	24.2%	TDM	27	-16.1%

Small cap			93 tăng vs 128 giảm		
TSC	3.4	107.3%	FTM	3.4	-85.7%
CLG	3.69	91.2%	SFG	6.8	-49.1%
TNA	19.05	54.9%	YBM	4.5	-46.5%
HOT	50.9	47.8%	VPK	1.92	-45.0%
LAF	9.73	45.9%	GMC	20.95	-42.9%
JVC	4.15	44.6%	SBV	6.8	-42.6%
SVI	70	40.0%	CIG	1.71	-41.0%
BCG	7.9	39.8%	DIC	1.78	-40.7%
ITC	16.5	34.1%	TGG	1.84	-38.5%
TCO	11.55	33.8%	MCP	15.05	-37.3%

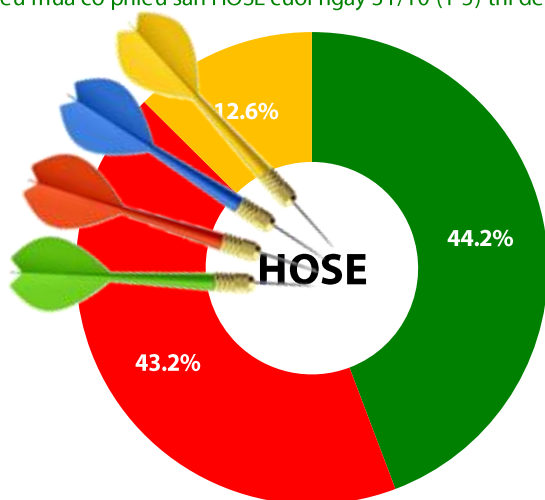
QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

THỊ TRƯỜNG ▶ TRADING T+ DỄ HAY KHÓ?

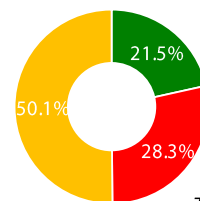
Giả sử quý vị mua NGẪU NHIÊN 1 cổ phiếu nào đó trên sàn HOSE vào cuối ngày 04/11 (T-3) thì đến cuối hôm nay, 07/11 (T) khả năng quý vị mua trúng mã tăng giá:

44.2%

Nếu mua cổ phiếu sàn HOSE cuối ngày 31/10 (T-5) thì đến cuối hôm nay, cơ hội mua trúng mã tăng giá là 45 %

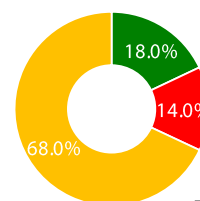
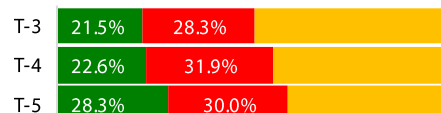


Tổng số cổ phiếu vào ngày T-3: 382



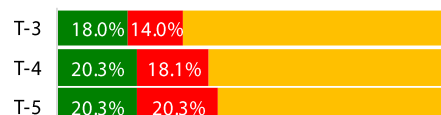
HNX

Tổng số cp ngày T-3: 367



Upcom

Tổng số cp ngày T-3: 857



Cơ hội tăng giá cho nhóm cổ phiếu vốn hóa tỷ USD



Tổng số cp ngày T-3:

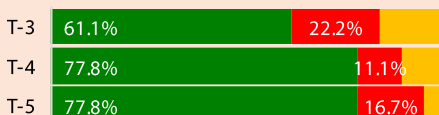
Nhóm Tỷ USD: 31

Large cap: 18

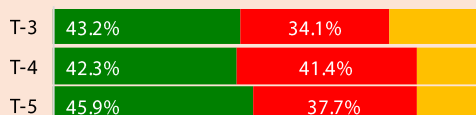
Mid cap: 220

Small cap: 1337

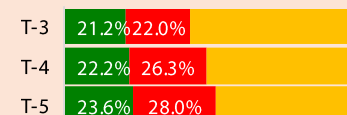
Nhóm largecap còn lại



Midcap

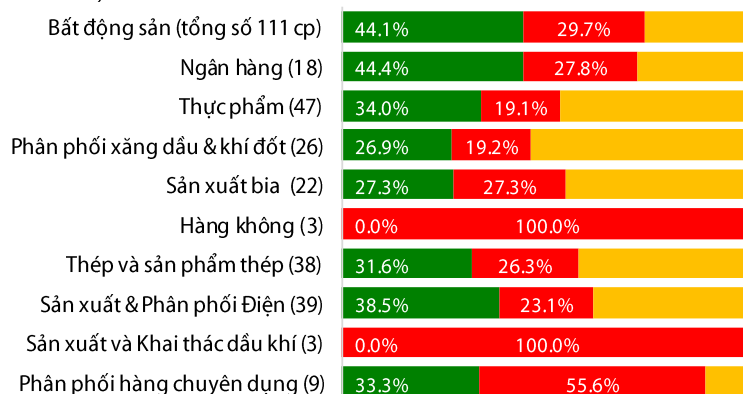


Smallcap



Cơ hội tăng giá của Top10 nhóm ngành

(theo quy mô vốn hóa)



Một số nhóm ngành khác có cơ hội tăng giá cao (6)

(tổng số cp : cơ hội tăng giá T3)

Bảo hiểm nhân thọ (1 : 100%)

Quỹ đầu tư (5 : 60%)

Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (7 : 57.1%)

Sản xuất ô tô (10 : 50%)

Bảo hiểm phi nhân thọ (8 : 50%)

Công nghệ sinh học (2 : 50%)

(hãy chú ý các nhóm có cơ hội tăng giá T-3 cao hơn 50%, nếu cả T-4 và T-5 cũng cao thì càng tốt)

GIAO DỊCH

Bảo.NQ **DỰ BÁO CHỈ SỐ VNINDEX**

Chỉ số VN-Index (1.024,91)

Xu hướng ngắn hạn: Tăng

Hỗ trợ ngắn hạn: 1.000

Kháng cự ngắn hạn: 1.035

Xu hướng trung hạn: Tăng

Hỗ trợ trung hạn: 990

KHUYẾN NGHỊ

Diễn biến phức tạp trên TTCK trong những ngày qua cho thấy dòng tiền vẫn đi vào TTCK ổn định và chủ yếu tập trung vào các mã Bluechip và các mã vốn hóa lớn. Do đó những nhà đầu tư có thể giải ngân vào nhóm cổ phiếu lớn khi có nhịp điều chỉnh xảy ra.



GIAO DỊCH ► NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ



Khải.TQ SÀN HSX:

VN-Index giảm 0.88 điểm (-0.09%), đóng cửa tại 1024.03 điểm. Thanh khoản giảm nhẹ với 166.9 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

VN-Index có phiên giảm đầu tiên sau chuỗi 4 phiên tăng liên tục và vẫn bị cản trước mức 1029 điểm; tuy nhiên số điểm giảm chỉ dừng lại ở mức thấp. Kết phiên, chỉ số tiếp tục hình thành nến Shooting Star. Chỉ báo kỹ thuật MACD vẫn theo xu hướng tích cực, RSI chỉnh nhẹ từ mức 75.

Với dấu hiệu nến Shooting Star, VN-Index có thể sẽ tạm thời điều chỉnh nhẹ trong phiên giao dịch tiếp theo với vùng hỗ trợ 1020 điểm, nhưng động lực tăng giá của VN-Index vẫn còn và vẫn có thể nới rộng nhịp tăng trong ngắn hạn.



SÀN HNX:

HNX-Index tăng 0.14 điểm (+0.13%), đóng cửa tại 106.88 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ với 21.4 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

HNX-Index đang thể hiện sự lưỡng lự sau khi vượt nhẹ ngưỡng 106.5 điểm. Chỉ báo kỹ thuật MACD tiếp tục có chuyển biến tích cực sau khi vượt đường tín hiệu, RSI vẫn tăng nhưng có phần lưỡng lự.

Điều này cho thấy HNX-Index đang diễn biến theo xu hướng tích cực nhưng đà tăng đang chậm lại và cần thêm chút thời gian để có thể nới rộng nhịp tăng điểm.



Khuyến nghị: Mặc dù đà tăng của VN-Index đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung của chỉ số vẫn đang tích cực nhờ động thái hình thành sóng tăng mới sau khi vượt vùng kháng cự 1000 điểm. Do đó, Quý nhà đầu tư tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư và xem xét giải ngân khi có mức giá tốt.

GIAO DỊCH ► CẬP NHẬT XU HƯỚNG

Tổng hợp những Bình luận về Xu hướng hiện tại của chỉ số và cổ phiếu

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng

Nhóm ngành	Tăng	Sideway	Giảm
1 Môi giới chứng khoán		SSI	

Một số nhận định kỹ thuật mới nhất trong ngày (2):

- VNIndex** Xu hướng tăng đang yếu dần do áp lực chốt lời, có thể xuất hiện rung lắc nhẹ quanh ngưỡng 1.025 điểm.
- SSI** Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.

GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

Bình luận về xu hướng hiện tại TOP30 nhóm vốn hóa tỷ USD

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

08/11/2019

Tổng số cổ phiếu 30

Xu hướng Tích cực 12

Xu hướng Tiêu cực

Trung lập 13

Vốn hóa (tỷ đ) 3,330,093

Tăng 1,713,200

Giảm

Sideway 1,372,584

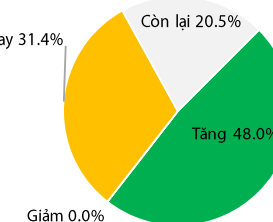
Tính riêng sàn HOSE

Tăng 1,681,993

Giảm

Sideway 1,101,445

Nhóm tỷ USD trong
cơ cấu sàn HOSE



STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1	04/11	-1.4%	Tăng	VIC HOSE	407,870	120.8		Bất động sản	Sau một thời gian sideway trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên.
2	07/11	2.8%	Tăng	VCB HOSE	337,508	91.3		Ngân hàng	Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.
3	06/11	4.5%	Tăng	VHM HOSE	332,942	99.5		Bất động sản	Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.
4	07/11	-2.5%	Sideway	VNM HOSE	226,553	129.1		Thực phẩm	Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.
5	07/11	1.5%	Sideway	GAS HOSE	202,496	106.1		Phân phối xăng dầu & khí đốt	Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.
6	01/11	-1.6%	Sideway	ACV UPCOM	174,014	78.8		Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Xu hướng phục hồi tiếp tục tốt, thanh khoản có cải thiện.
7	07/11	4.9%	Tăng	BID HOSE	169,729	41.6		Ngân hàng	Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5
8	07/11		Sideway	SAB HOSE	166,733	260.0		Sản xuất bia	Ngưỡng kháng cự 260 đang phát huy tác dụng. Nhịp điều chỉnh đang bắt đầu.
9	07/11	-1.5%	Sideway	VGI UPCOM	97,125	31.6		Viễn thông di động	Trend giảm đang hình thành.
10	07/11	1.1%	Sideway	MSN HOSE	88,840	76.5		Thực phẩm	Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.
11	07/11	4.4%	Tăng	TCB HOSE	86,628	24.8		OCT31:119.200B342	Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực
12	07/11	-0.2%	Sideway	CTG HOSE	83,032	22.3		OCT31:100.227B326	Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
13	04/11	0.4%	Tăng	VRE HOSE	81,858	35.2		OCT31:100.219M335	Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5

GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
14	07/11	-1.6%	Sideway	VJC HOSE ★🔴🟡🟢🟠	Hàng không	75,171	143.2		Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.
15	31/10	-0.8%	Tăng	PLX HOSE ★🔴🟡🟢🟠	Sản xuất và Khai thác dầu khí	69,312	58.9		Hình thành mô hình hai đáy tuy nhiên giá hiện tại nằm khá gần các ngưỡng kháng cự mạnh phía trên.
16		2.2%		VEA UPCOM ★🔴🟡🟢🟠	Máy công nghiệp	65,179	50.2		
17	29/10	3.7%	Tăng	HPG HOSE ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:150.225B320	60,744	22.7	23.5	3.5% Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ trong những phiên gần
18		0.0%		GVR UPCOM ★🔴🟡🟢🟠	Nhựa, cao su & sợi	56,368	13.9		
19	31/10	0.1%	Sideway	MWG HOSE ★🔴🟡🟢🟠	Phân phối hàng chuyên dụng	55,165	125.3		Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.
20	01/11	-1.5%	Sideway	NVL HOSE ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:106.200.300	55,018	58.1		Nhịp giảm điểm đang tạm dừng quanh hỗ trợ 59
21	06/11	2.4%	Sideway	MBB HOSE ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:100.217B312	54,770	23.5		Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.
22	07/11	2.3%	Sideway	VPB HOSE ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:100.200B311	53,309	22.0		Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới
23	04/11	0.1%	Tăng	BVH HOSE ★🔴🟡🟢🟠	Bảo hiểm nhân thọ	52,637	74.1	79.5	7.3% Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x
24		-0.2%		MCH UPCOM ★🔴🟡🟢🟠	Thực phẩm	51,820	73.9		
25	04/11	-0.8%	Tăng	HVN HOSE ★🔴🟡🟢🟠	Hàng không	50,917	36.2		Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39
26	07/11	1.7%		ACB HNX ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:103.239M300	40,750	24.6		Sideway trong vùng 23-26 trend trung hạn. Ngắn hạn có xu hướng tăng giá nhẹ về vùng 27-28.
27	25/10	1.7%	Sideway	FPT HOSE ★🔴🟡🟢🟠	Phần mềm	40,357	59.5		Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững
28	07/11	0.4%	Tăng	POW HOSE ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:100.200B318	31,849	13.6		Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.
29	06/11	1.9%	Tăng	BSR UPCOM ★🔴🟡🟢🟠	OCT31:126.243.346	31,207	9.9	10.7	8.0% Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua.
30		-2.6%		BCM UPCOM ★🔴🟡🟢🟠	Bất động sản	30,192	29.2		

GIAO DỊCH ► NHÓM TĂNG VÀ GIẢM NÓNG

Bình luận về xu hướng hiện tại 1 số cổ phiếu tăng/giảm nóng hay thuộc các nhóm ngành HOT

Danh sách bao gồm cả cổ phiếu tăng & giảm giá khác trong các ngành hot.

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

08/11/2019

STT	Ngày khuyến nghị	KLGD b/q 1 tháng	Xu hướng hiện tại	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1	08/11	1,607,045	Sideway	SSI 	HOSE 	Môi giới chứng khoán	11,025	22.1	23.5	6.6%	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.
2	07/11	906,970	Tăng	BID 	HOSE 	Ngân hàng	169,729	41.6			Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5
3	07/11	3,218,483	Sideway	CTG 	HOSE 	OCT31:100.227B326	83,032	22.3			Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
4	07/11	419,148	Sideway	DPM 	HOSE 	OCT31:100.246.349	5,381	13.8			Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.
5	07/11	85,965	Tăng	EIB 	HOSE 	OCT31:102.213.319	21,392	18.4			Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18
6	07/11	260,019	Sideway	GAS 	HOSE 	Phân phối xăng dầu & khí đốt	202,496	106.1			Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.
7	07/11	356,435	Sideway	GMD 	HOSE 	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,586	25.5			Đang tích lũy trong vùng 25-26
8	07/11	1,951,496	Sideway	HDB 	HOSE 	OCT31:100.200B313	28,547	29.2			Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.
9	07/11	376,945	Tăng	KDH 	HOSE 	Bất động sản	14,727	27.2			Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30
10	07/11	1,968,039	Tăng	LDG 	HOSE 	OCT31:108.233B331	2,570	10.7			Xu hướng tăng mới đang nhen nhóm hình thành.
11	07/11	551,393	Sideway	MSN 	HOSE 	Thực phẩm	88,840	76.5			Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.
12	07/11	454,222	Sideway	PNJ 	HOSE 	OCT31:107.200.300	18,918	85.2			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực
13	07/11	2,374,327	Tăng	POW 	HOSE 	OCT31:100.200B318	31,849	13.6			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.
14	07/11	1,541,407	Sideway	PVD 	HOSE 	OCT31:100.222M338	7,075	16.8			Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.
15	07/11	19,717	Sideway	SAB 	HOSE 	Sản xuất bia	166,733	260.0			Ngưỡng kháng cự 260 đang phát huy tác dụng. Nhịp điều chỉnh đang bắt đầu.

GIAO DỊCH ► TOP10 TUẦN QUA

Cổ phiếu còn tăng giá hay đã đến lúc chốt lời?

từ 01/11 đến 07/11

Tăng giá vs cuối tuần trước

Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên

STT	Ngày khuyến nghị	Tăng giá vs cuối tuần trước	Xu hướng hiện tại	CK	KL khớp lệnh b/q 1 tháng	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1		15.0%		C71 	UPCOM	Xây dựng	88,845	9.2	
2	06/11	12.6%	Tăng	PXS 	HOSE	Xây dựng	120,390	5.9	Bật tăng mạnh sau khi tích lũy tạo đáy quanh vùng 4.2
3	07/11	11.5%	Tăng	EIB 	HOSE	OCT31:102.213.319	85,965	18.4	Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng
4	31/10	11.1%	Giảm	TIG 	HNX	OCT31:132.220M328	623,663	5.0	4.1 -18.0% Quay đầu giảm mạnh sau khi đã tăng nhiều trước đó. Thanh khoản
5		9.2%		HVG 	HOSE	OCT31:147.242B330	1,916,770	6.0	
6		9.0%		TLH 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	120,393	4.0	
7		8.6%		MST 	HNX	Xây dựng	185,257	3.8	
8		8.4%		APG 	HOSE	Môi giới chứng khoán	455,560	9.5	
9		8.4%		SMB 	HOSE	Sản xuất bia	84,085	41.5	
10		8.1%		VRC 	HOSE	OCT31:100.210B310	566,990	17.4	

Cổ phiếu còn giảm giá hay đã đến lúc bắt đáy?

Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên

STT	Ngày khuyến nghị	Giảm giá vs cuối tuần trước	Xu hướng hiện tại	CK	KL khớp lệnh b/q 1 tháng	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1		-10.6%		VCR 	HNX	Bất động sản	200,041	16.1	
2		-7.1%		TVB 	HOSE	Môi giới chứng khoán	104,531	14.3	
3		-5.6%		DS3 	HNX	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	67,991	3.4	
4		-5.5%		TLD 	HOSE	Bất động sản	256,117	4.5	
5		-5.4%		KDF 	UPCOM	OCT31:149.206M323	56,933	33.8	
6		-5.3%		PWA 	UPCOM	Bất động sản	55,632	12.2	
7		-4.7%		NHH 	UPCOM	Nhựa, cao su & sợi	103,404	46.1	
8		-4.5%		ANV 	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	549,848	25.2	
9		-3.8%		HCD 	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	115,160	3.3	
10		-3.8%		DRH 	HOSE	Bất động sản	477,426	4.8	

GIAO DỊCH ▶ TOP10 DÒNG TIỀN 5 PHIÊN

Dòng tiền vào (tỷ đồng)

STT	Ngày khuyến nghị	Dòng tiền 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Tăng/giảm giá 5 phiên	Mức tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1	06/11	907	Tăng	VHM	HOSE	Bất động sản	332,942	99.5	4.5%		Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	
2	29/10	476	Tăng	HPG	HOSE	OCT31:150.225B320	60,744	22.7	3.7%	23.5	3.5%	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu
3	04/11	354	Tăng	VRE	HOSE	OCT31:100.219M335	81,858	35.2	0.4%			Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự
4	07/11	232	Tăng	VCB	HOSE	Ngân hàng	337,508	91.3	2.8%			Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.
5	08/11	216	Sideway	SSI	HOSE	Môi giới chứng khoán	11,025	22.1	2.6%	23.5	6.6%	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh
6	25/10	195	Sideway	FPT	HOSE	Phần mềm	40,357	59.5	1.7%			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững
7	07/11	180	Tăng	TCB	HOSE	OCT31:119.200B342	86,628	24.8	4.4%			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn
8	04/11	172	Tăng	HCM	HOSE	Môi giới chứng khoán	7,562	25.3	5.9%	25.8	2.0%	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement
9	07/11	170	Tăng	BID	HOSE	Ngân hàng	169,729	41.6	4.9%			Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5
10	31/10	163	Sideway	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	55,165	125.3	0.1%			Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp

Dòng tiền ra

STT	Ngày khuyến nghị	Dòng tiền 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Tăng/giảm giá 5 phiên	Mức tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1		-2,042		ROS	HOSE	OCT31:100.203M308	14,190	25.0	-0.8%			
2	07/11	-259	Sideway	VNM	HOSE	Thực phẩm	226,553	129.1	-2.5%		Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.	
3		-240		FLC	HOSE	OCT31:128.201B306	3,287	4.5	0.2%			
4		-131		SCR	HOSE	OCT31:112.212M321	2,069	6.0	-2.6%			
5	31/10	-86	Giảm	PHR	HOSE	OCT31:100.200B345	7,994	58.1	-1.0%	55.0	-5.3%	Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và
6		-63		HBC	HOSE	OCT31:100.226.329	2,944	12.6	-2.7%			
7	07/11	-60	#VALUE!	ACB	HNX	OCT31:103.239M300	40,750	24.6	1.7%			Sideway trong vùng 23-26 trend trung hạn. Ngắn hạn có xu hướng
8		-55		VPI	HOSE	Bất động sản	6,576	41.3	-2.1%			
9	28/10	-47	Sideway	PDR	HOSE	OCT31:114.215B304	8,552	26.1	0.4%			Tích lũy đi ngang, chưa xuất hiện xu hướng rõ ràng.
10	07/11	-42	Sideway	VJC	HOSE	Hàng không	75,171	143.2	-1.6%			Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.

GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT

Khuyến nghị mua bán MỚI 3 phiên (trong T3) theo tín hiệu kỹ thuật

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

08/11/2019

Tổng số cổ phiếu 7

Vốn hóa (tỷ.đ) 88,914

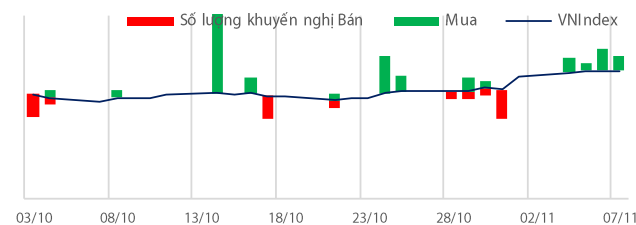
Khuyến nghị Mua 7

Mua 88,914

Khuyến nghị Bán

Bán

NEW



STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Khuyến nghị	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Giá khuyến nghị	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Cắt lỗ	Nhận định kỹ thuật	
1	08/11	2.6%	Mua	SSI	HOSE	Môi giới chứng khoán	11,025	22.1	22.1	23.5	6.6%	21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.
2	07/11	1.9%	Mua	CTR	UPCOM	Xây dựng	3,073	50.0	50.5	55.0	10.0%	48.0	Dấu hiệu tăng trưởng trở lại. ADX cho xu hướng tốt.
3	07/11	-1.6%	Mua	MFS	UPCOM	Viễn thông di động	160	22.6	22.2	26.0	15.0%	20.9	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22
4	06/11	3.4%	Mua	VCS	HNX	Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,480	89.1	90.9	98.0	10.0%	85.0	Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên EMA(26) và EMA(45)
5	06/11	1.9%	Mua	BSR	UPCOM	OCT31:126.243.346	31,207	9.9	10.0	10.7	8.0%	9.5	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua.
6	06/11	2.7%	Mua	PVS	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	9,129	19.1	19.3	20.3	6.3%	18.6	Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích lũy. Đã cắt lên trên EMA(26) và EMA(45).
7	05/11		Mua	STB	HOSE	OCT31:101.208M315	19,840	10.9	10.9	11.6	6.4%	10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại

GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT



Bảng theo dõi khuyến nghị Mua - Bán sau T3 theo tín hiệu kỹ thuật

Khuyến nghị gốc (14)						Vị thế hiện tại (42.9%)			Cập nhật trạng thái			
STT	Ngày khuyến nghị	CK	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Mục tiêu Cắt lỗ	Vị thế	Thị giá	+/-%/Giá khuyến nghị	Ngày cập nhật	Xu hướng hiện tại	Nhận định kỹ thuật	
1	04/11	BVH	MUA	74.0	79.5 71.5	Mở	74.1	0.1%	04/11	Tăng	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x	
2	04/11	HCM	MUA	23.9	25.8 22.5	Mở	25.3	5.9%	04/11	Tăng	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%	
3	31/10	D2D	BÁN	83.9	78.0 86.5	Đóng	86.7	-3.3%				
4	31/10	IDI	BÁN	5.4	4.9 5.8	Mở	5.46	-1.9%	31/10	Giảm	Thùng hỗ trợ mạnh 5.6 và có xu hướng giảm về đáy cũ quanh 4.8-4.9	
5	31/10	PHR	BÁN	59.0	55.0 62.5	Mở	58.1	1.5%	31/10	Giảm	Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và Fibonacci Retracement 50%	
6	31/10	TIG	BÁN	4.4	4.1 4.6	Đóng	5	-13.6%				
7	30/10	MBG	BÁN	44.0	38.0 48.0	Mở	45.3	-3.0%	30/10	Tăng	Đã tăng rất nóng và có phân kỳ âm với RSI, có thể đảo chiều bất kỳ lúc nào	
8	30/10	CCL	MUA	7.2	8.0 6.5	Mở	6.9	-3.5%	30/10	Sideway	Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục	
9	29/10	DXG	MUA	16.1	17.5 15.3	Mở	16.2	0.6%	29/10	Sideway	Nhịp điều chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục	
10	29/10	HPG	MUA	22.2	23.5 21.2	Mở	22.7	2.3%	29/10	Tăng	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng	
11	29/10	DBD	BÁN	53.2	50.0 55.5	Đóng	56.6	-6.4%				
12	28/10	CII	BÁN	23.9	22.5 24.8	Mở	24	-0.4%	04/11	Tăng	Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5	
13	25/10	GTN	MUA	20.8	24.3 19.4	Mở	21.35	2.6%	07/11	Tăng	Xu hướng tích cực và dẫn tăng trong ngắn hạn	
14	25/10	HT1	MUA	16.6	18.0 15.5	Mở	16.4	-0.9%	25/10	Tăng	Bứt phá thành công khỏi ngưỡng kháng cự mạnh 16	

Thông tin về chứng quyền (15)

(bảng 1) ITM : OTM = 11 : 4

Thông tin về chứng khoán cơ sở (4)

										Khuyến nghị Giao dịch					Khuyến nghị Đầu tư					
										VNIndex 1Thg: +4.2%										
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 07/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 07/11	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)			
1	CDPM1901 KIS	Call 4T	1.58 (1.9)	1N: +0.6% PH: -16.8%	13.99 (OTM)	15.57	HT: -11.4%	HT: 0	Bỏ quyền	07/01	DPM	13.8	1N: +0.4% 1Thg: -2.8% Beta: 0.86	Sideway 07/11	Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.	Mua 01/11	16.4 +18.8%	0.7 -> 19.3		
Chuyển đổi: 1:1																				
2	CFPT1903 SSI	Call 6T	15.40 (6)	1N: +0.7% PH: +156.7%	46.00 (ITM)	61.40	HT: -3.1%	HT: 13.5	Cắt lỗ	26/12	FPT	59.5	1N: 0% 1Thg: +7.2% Beta: 1.31	Sideway 25/10	Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	4.9 -> 12.2		
Chuyển đổi: 1:1																				
3	CFPT1904 MBS	Call 3T	2.45 (1.7)	1N: -2.8% PH: +44.1%	52.00 (ITM)	59.35	HT: +0.3%	HT: 2.5	Thực hiện quyền	19/11	FPT									
Chuyển đổi: 3:1																				
4	CFPT1905 SSI	Call 6.5T	10.85 (9.9)	1N: +0.9% PH: +9.6%	55.00 (ITM)	65.85	HT: -9.6%	HT: 4.5	Cắt lỗ	20/04	FPT									
Chuyển đổi: 1:1																				
5	CFPT1906 HSC	Call 6T	1.96 (1.7)	1N: -2% PH: +15.3%	57.00 (ITM)	66.80	HT: -10.9%	HT: 0.5	Cắt lỗ	06/04	FPT									
Chuyển đổi: 5:1																				
6	CFPT1907 VNDS	Call 3T	4.41 (4.2)	1N: -0.2% PH: +5%	53.00 (ITM)	61.82	HT: -3.8%	HT: 3.25	Cắt lỗ	07/01	FPT									
Chuyển đổi: 2:1																				
7	CHPG1902 KIS	Call 6T	0.07 (1)	1N: -12.5% PH: -93%	42.00 (OTM)	42.35	HT: -46.4% GD: -44.5% ĐT: -29.9%	HT: 0 GD: 0 ĐT: 0	Bỏ quyền	09/12	HPG	22.7	1N: +3.2% 1Thg: +6.6% Beta: 0.09	Tăng 29/10	Mua 29/10	MT: 23.5 (+3.5%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +30.8%	2.9 -> 7.7
Chuyển đổi: 5:1																				
8	CHPG1905 SSI	Call 6T	0.99 (3.3)	1N: +1% PH: -70%	23.10 (OTM)	24.09	HT: -5.8% GD: -2.4% ĐT: +23.3%	HT: 0 GD: 0.4 ĐT: 6.6	Bỏ quyền	26/12	HPG									
Chuyển đổi: 1:1																				
9	CHPG1906 KIS	Call 3T	0.03 (1.5)	1N: 0% PH: -98%	28.09 (OTM)	28.15	HT: -19.4% GD: -16.5% ĐT: +5.5%	HT: 0 GD: 0 ĐT: 0.81	Bỏ quyền	14/11	HPG									
Chuyển đổi: 2:1																				
10	CHPG1907 SSI	Call 6.5T	3.89 (4.2)	1N: -7.4% PH: -7.4%	21.00 (ITM)	24.89	HT: -8.8% GD: -5.6% ĐT: +19.3%	HT: 1.7 GD: 2.5 ĐT: 8.7	Cắt lỗ	20/04	HPG									
Chuyển đổi: 1:1																				
11	CMBB1902 HSC	Call 6T	4.15 (3.2)	1N: +5.1% PH: +29.7%	21.80 (ITM)	25.95	HT: -9.4%	HT: 1.7	Cắt lỗ	13/12	MBB	23.5	1N: -0.2% 1Thg: +4.9% Beta: 1.1	Sideway 06/11	Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21.3%	3.1 -> 7.6		
Chuyển đổi: 1:1																				
12	CMBB1903 SSI	Call 6.5T	4.09 (4)	1N: +2.8% PH: +2.3%	22.00 (ITM)	26.09	HT: -9.9%	HT: 1.5	Cắt lỗ	20/04	MBB									
Chuyển đổi: 1:1																				
13	CMBB1904 SSI	Call 3.5T	3.20 (2.9)	1N: +2.9% PH: +10.3%	22.00 (ITM)	25.20	HT: -6.7%	HT: 1.5	Cắt lỗ	20/01	MBB									
Chuyển đổi: 1:1																				
14	CMBB1905 HSC	Call 6T	1.85 (1.7)	1N: +6.3% PH: +8.8%	23.00 (ITM)	26.70	HT: -12%	HT: 0.25	Cắt lỗ	06/04	MBB									
Chuyển đổi: 2:1																				
15	CMBB1906 VNDS	Call 3T	2.30 (2.1)	1N: +1.3% PH: +9.5%	20.00 (ITM)	24.60	HT: -4.5%	HT: 1.75	Cắt lỗ	07/01	MBB									
Chuyển đổi: 2:1																				

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCS

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

Thông tin về chứng quyền (15)

(bảng 2) ITM : OTM = 13 : 2

Thông tin về chứng khoán cơ sở (7)

										VNIndex 1Thg: +4.2%					Khuyến nghị Giao dịch			Khuyến nghị Đầu tư		
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 07/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 07/11	1N: +0.7% 1Thg: 0% Beta: 1.12	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)		
16 CMSN1901 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	0.08 (1.92)	1N: -33.3% PH: -95.8%	88.89 (OTM)	89.29	HT: -14.3%	HT: 0 Bỏ quyền	14/11	MSN	76.5		Sideway 07/11			Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.					
17 CMWG1902 VNDS Chuyển đổi: 4:1	Call 6T	8.78 (2.99)	1N: -1.5% PH: +193.6%	90.00 (ITM)	125.12	HT: +0.1% ĐT: +33.5%	HT: 8.83 ĐT: 19.25	Thực hiện quyền	09/12	MWG	125.3		Sideway 31/10		Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.	Mua 01/11	167.0 +33.3%	8.6 -> 14.6		
18 CMWG1903 HSC Chuyển đổi: 5:1	Call 6T	6.28 (2.7)	1N: -3.4% PH: +132.6%	95.00 (ITM)	126.40	HT: -0.9% ĐT: +32.1%	HT: 6.06 ĐT: 14.4	Cắt lỗ	24/12	MWG										
19 CMWG1904 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6T	36.01 (14)	1N: -6% PH: +157.2%	90.00 (ITM)	126.01	HT: -0.6% ĐT: +32.5%	HT: 35.3 ĐT: 77	Cắt lỗ	26/12	MWG										
20 CMWG1905 VCSC Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	(5.6)	1N: -100% PH: -100%	94.00 (ITM)	94.00	HT: +33.3% ĐT: +77.7%	HT: 6.26 ĐT: 14.6	Thực hiện quyền	05/12	MWG										
21 CMWG1906 MBS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	2.39 (2.85)	1N: -4.4% PH: -16.1%	120.90 (ITM)	132.85	HT: -5.7% ĐT: +25.7%	HT: 0.88 ĐT: 9.22	Cắt lỗ	12/12	MWG										
22 CMWG1907 HSC Chuyển đổi: 10:1	Call 6T	1.82 (1.9)	1N: -4.2% PH: -4.2%	125.00 (ITM)	143.20	HT: -12.5% ĐT: +16.6%	HT: 0.03 ĐT: 4.2	Cắt lỗ	06/04	MWG										
23 CNVL1901 KIS Chuyển đổi: 4:1	Call 5T	1.74 (1.9)	1N: -1.7% PH: -8.4%	62.09 (OTM)	69.05	HT: -15.9%	HT: 0 Bỏ quyền	05/02	NVL	58.1	1N: -1% 1Thg: -7% Beta: 0.73	Sideway 01/11			Nhịp giảm điểm đang tạm dừng quanh hỗ trợ 59					
24 CREE1901 MBS Chuyển đổi: 3:1	Call 3T	0.35 (1.26)	1N: -20.5% PH: -72.2%	37.55 (ITM)	38.60	HT: -0.3% ĐT: +12.2%	HT: 0.32 ĐT: 1.92	Cắt lỗ	19/11	REE	38.5	1N: +1.6% 1Thg: +4.1% Beta: 0.82	Tăng 30/10		Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +12.5%	5.2 -> 7.4		
25 CREE1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 3.5T	4.91 (5.6)	1N: -4.1% PH: -12.3%	36.00 (ITM)	40.91	HT: -5.9% ĐT: +5.8%	HT: 2.5 ĐT: 7.3	Cắt lỗ	20/01	REE										
26 CREE1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T	7.12 (7.6)	1N: -5.4% PH: -6.3%	36.00 (ITM)	43.12	HT: -10.7% ĐT: +0.4%	HT: 2.5 ĐT: 7.3	Cắt lỗ	20/04	REE										
27 CREE1904 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T	2.96 (3.4)	1N: -8.9% PH: -12.9%	34.00 (ITM)	39.92	HT: -3.6% ĐT: +8.5%	HT: 2.25 ĐT: 4.65	Cắt lỗ	07/01	REE										
28 CSTB1901 KIS Chuyển đổi: 1:1	Call 4T	1.39 (1.39)	1N: -0.7% PH: 0%	10.89 (ITM)	12.28	HT: -11.2% GD: -5.5%	HT: 0.01 GD: 0.71	Cắt lỗ	07/01	STB	10.9	1N: -0.9% 1Thg: +3.8% Beta: 0.88	Sideway 05/11	Mua 05/11	MT: 11.6 (+6.4%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại				
29 CTCB1901 MBS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T	1.70 (1.68)	1N: -1.2% PH: +1.2%	23.50 (ITM)	26.90	HT: -7.8%	HT: 0.65 Cắt lỗ	15/01	TCB	24.8	1N: +0.2% 1Thg: +7.1% Beta: 1.83	Tăng 07/11			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực					
30 CVHM1901 KIS Chuyển đổi: 4:1	Call 5T	5.05 (3.1)	1N: +3.3% PH: +62.9%	89.89 (ITM)	110.09	HT: -9.6% ĐT: -7.3%	HT: 2.4 ĐT: 3.03	Cắt lỗ	05/02	VHM	99.5	1N: +0.1% 1Thg: +11.8% Beta: 1.98	Tăng 06/11		Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	Khả quan 26/08 (#1)	102.0 +2.5%	6.1 -> 16.4		

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

Thông tin về chứng quyền (10)

(bảng 3) ITM : OTM = 4 : 6

Thông tin về chứng khoán cơ sở (5)

										Khuyến nghị Giao dịch				Khuyến nghị Đầu tư				
										VNIndex 1Thg: +4.2%								
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 07/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn		Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 07/11	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)
31	CVHM1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 24.50 (18.6)	1N: +4.9% PH: +31.7%	85.00 (ITM)	109.50	HT: -9.1%	HT: 14.5	Cắt lỗ	20/04	VHM	99.5	1N: +0.1% 1Thg: +11.8% Beta: 1.98	Tăng	06/11	Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	Khả quan	102.0 +2.5%	6.1 -> 16.4
32	CVIC1901 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T 0.05 (1.96)	1N: -37.5% PH: -97.4%	140.89 (OTM)	141.14	HT: -14.4%	HT: 0	Bỏ quyền	14/11	VIC	120.8	1N: -0.9% 1Thg: +3.2% Beta: 0.74	Tăng	04/11	Sau một thời gian sideways trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên.	Giảm	106.7 -11.7%	1.6 -> 76.8
33	CVIC1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 22.53 (22.7)	1N: +4.8% PH: -0.7%	115.00 (ITM)	137.53	HT: -12.2%	HT: 5.8	Cắt lỗ	20/04	VIC								
34	CVJC1901 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 5T 2.69 (1.8)	1N: -4.6% PH: +49.4%	145.68 (OTM)	172.58	HT: -17%	HT: 0	Bỏ quyền	26/02	VJC	143.2	1N: -0.2% 1Thg: +4.2% Beta: 0.92	Sideway	07/11	Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.	Nắm giữ	138.0 -3.6%	10 -> 14.3
35	CVJC1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 29.50 (27.9)	1N: -5.1% PH: +5.7%	130.00 (ITM)	159.50	HT: -10.2%	HT: 13.2	Cắt lỗ	20/04	VJC								
36	CVNM1901 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 6T 0.33 (1.2)	1N: -2.9% PH: -72.5%	158.89 (OTM)	162.19	HT: -20.4%	HT: 0	Bỏ quyền	11/12	VNM	129.1	1N: -0.8% 1Thg: 0% Beta: 0.81	Sideway	07/11	Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.	Tích lũy	134.0 +3.8%	5.6 -> 23.2
37	CVNM1902 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 6T 2.61 (1.84)	1N: +1.2% PH: +41.8%	133.33 (OTM)	159.43	HT: -19%	HT: 0	Bỏ quyền	26/03	VNM								
38	CVNM1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 26.60 (26.6)	1N: +3.3% PH: 0%	120.00 (ITM)	146.60	HT: -11.9%	HT: 9.1	Cắt lỗ	20/04	VNM								
39	CVNM1904 HSC Chuyển đổi: 10:1	Call 6T 1.73 (1.9)	1N: +1.8% PH: -8.9%	133.00 (OTM)	150.30	HT: -14.1%	HT: 0	Bỏ quyền	06/04	VNM								
40	CVRE1901 KIS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T 0.07 (1.9)	1N: -36.4% PH: -96.3%	40.89 (OTM)	41.03	HT: -14.2%	HT: 0	Bỏ quyền	14/11	VRE	35.2	1N: +0.1% 1Thg: +11.7% Beta: 1.34	Tăng	04/11	Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5	Tích lũy	38.6 +9.5%	1.3 -> 28

ĐẦU TƯ

Số cổ phiếu **54**

Nhóm Tỷ USD (55.6%)

Large cap (10.7%)

Mid cap (21%)

Small cap (1.2%)

DANH MỤC PTĐT RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 44% toàn thị trường
23 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%
Top3 kỳ vọng: LHG (+60%), PAC (+45%) & DIG (+42%)

DANH MỤC TVCN RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 1.2% toàn thị trường
4 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%
Top kỳ vọng: TCW (+79%), WSB (+53%) & HAH (+41%)

CHỨNG KHOÁN HÔM NAY

Nhóm ngành (L4): Bất động sản

Đứng thứ 1/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng giá trị vốn hóa: 1070 595 tỷ đồng

Cổ phiếu hôm nay: KBC

TCT Đô thị Kinh Bắc, Ngành: Bất động sản, Mid cap, Thanh

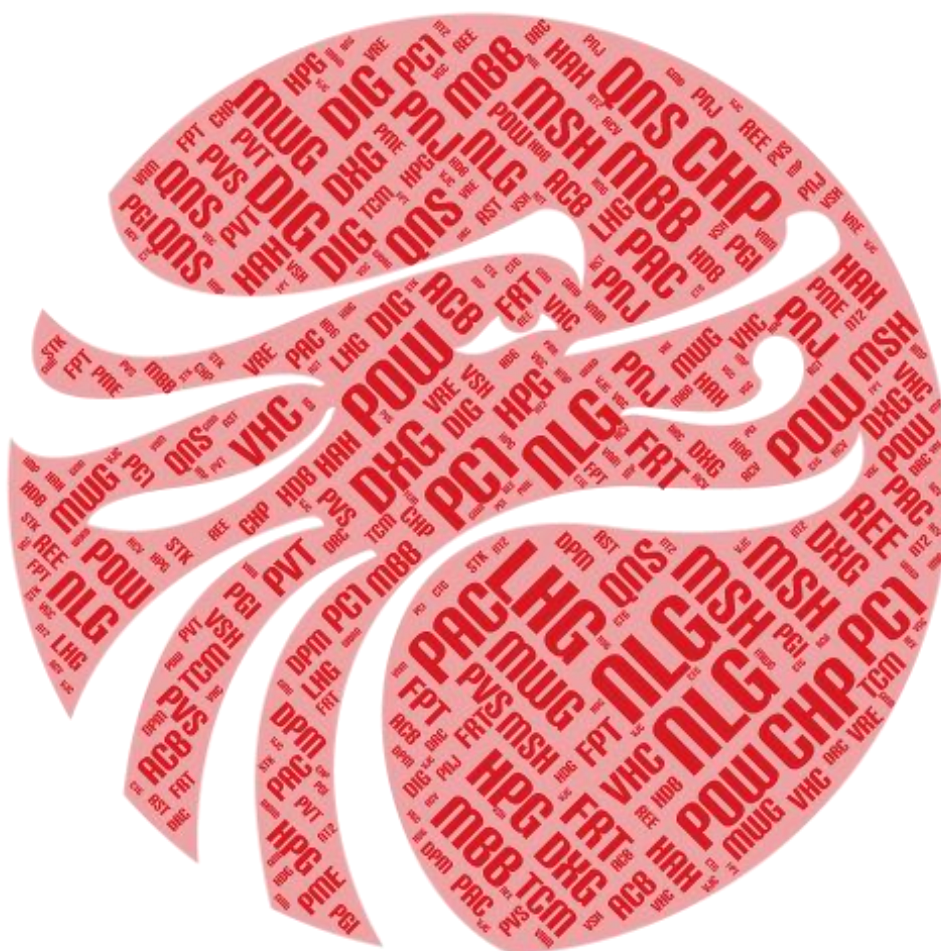
khoản: Cao, Khuyến nghị: Tích lũy, Giá mục tiêu của Rồng Việt:

16 k/cp

BCTC cập nhật đến 30/09/2019

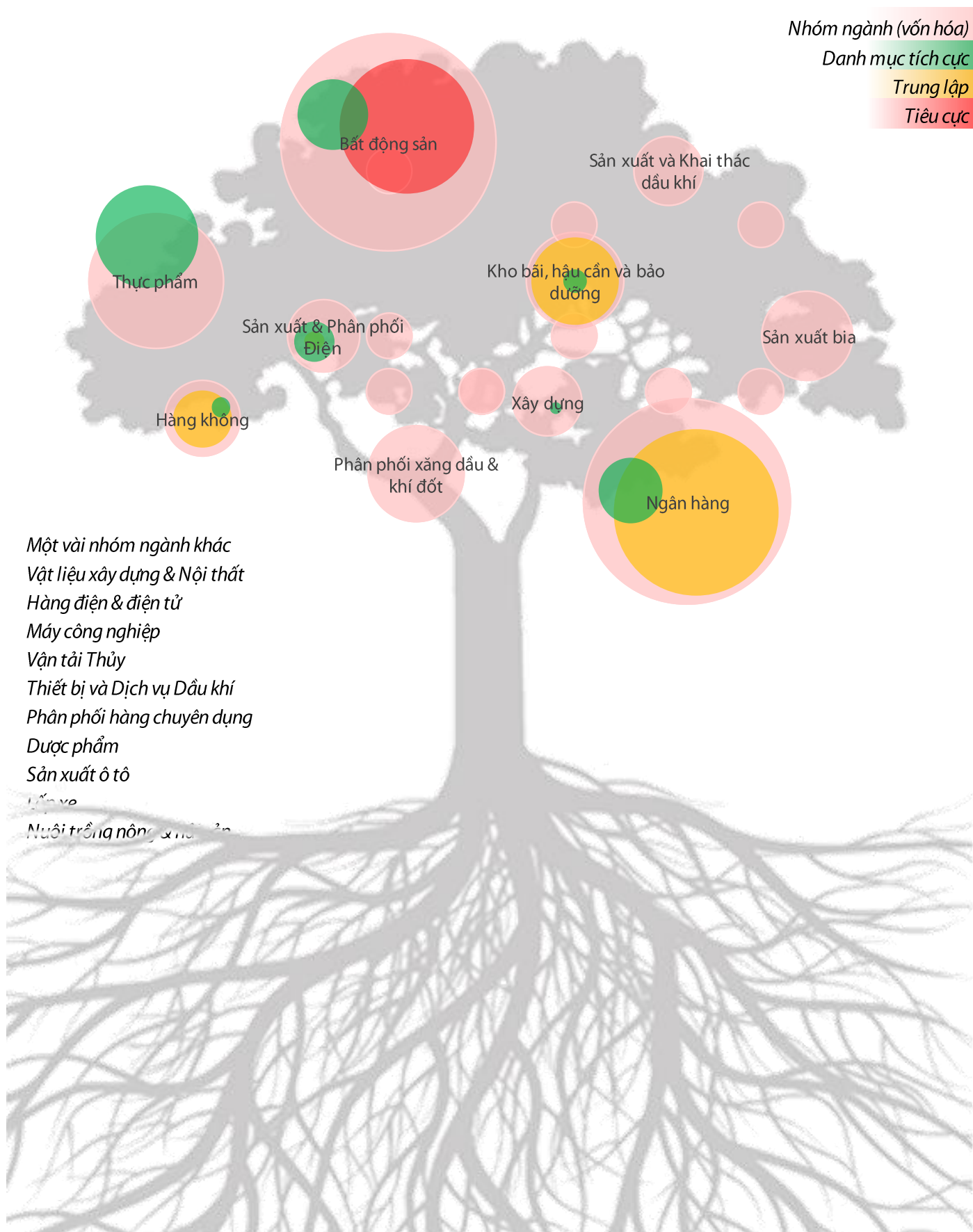
Tổng số BCTC được cập nhật

979

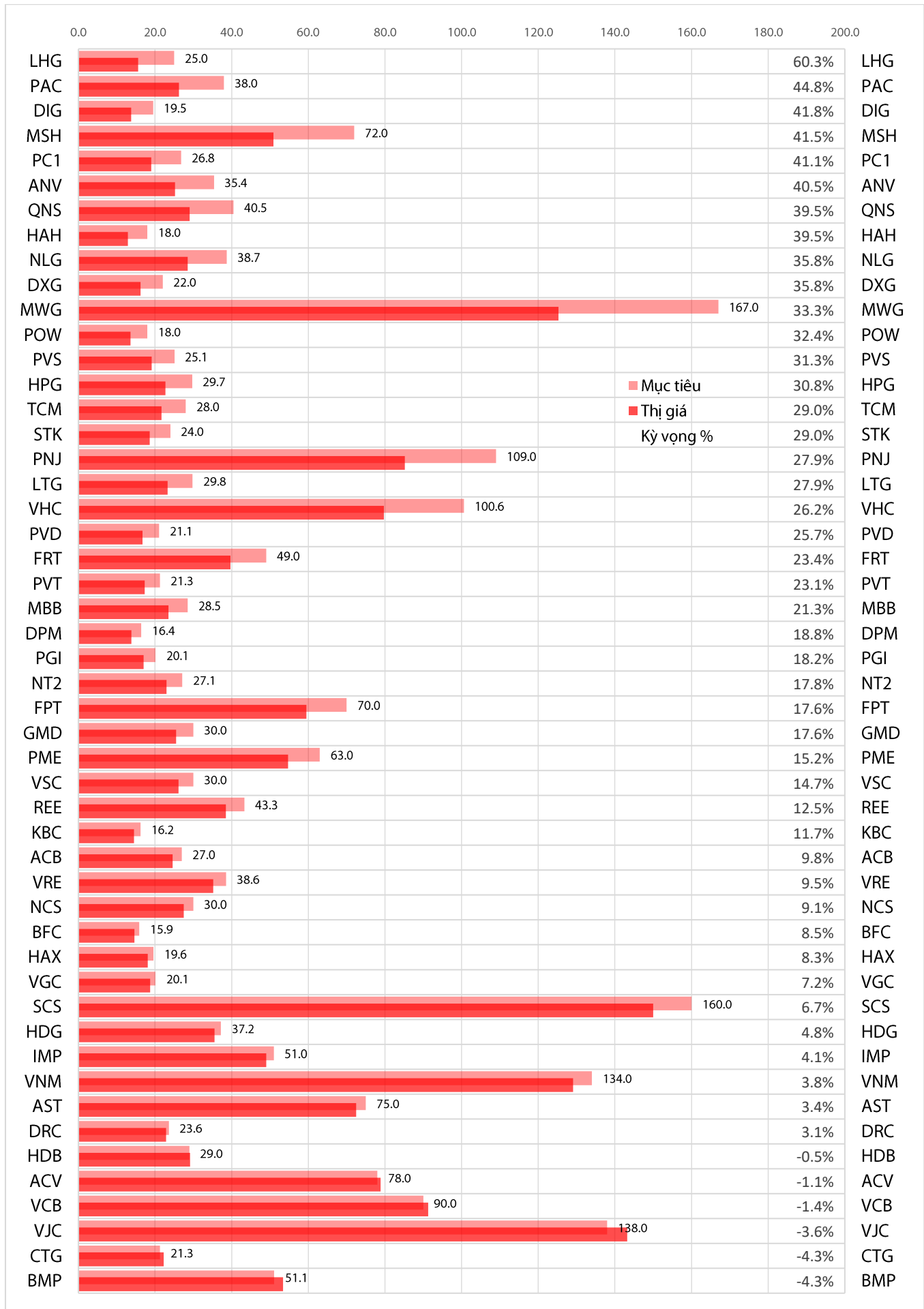


ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT

Danh mục Đầu tư Rong Việt trong Top10 ngành lớn nhất thị trường



ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ GIÁ MỤC TIÊU & KỶ VỌNG



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG DOANH THU

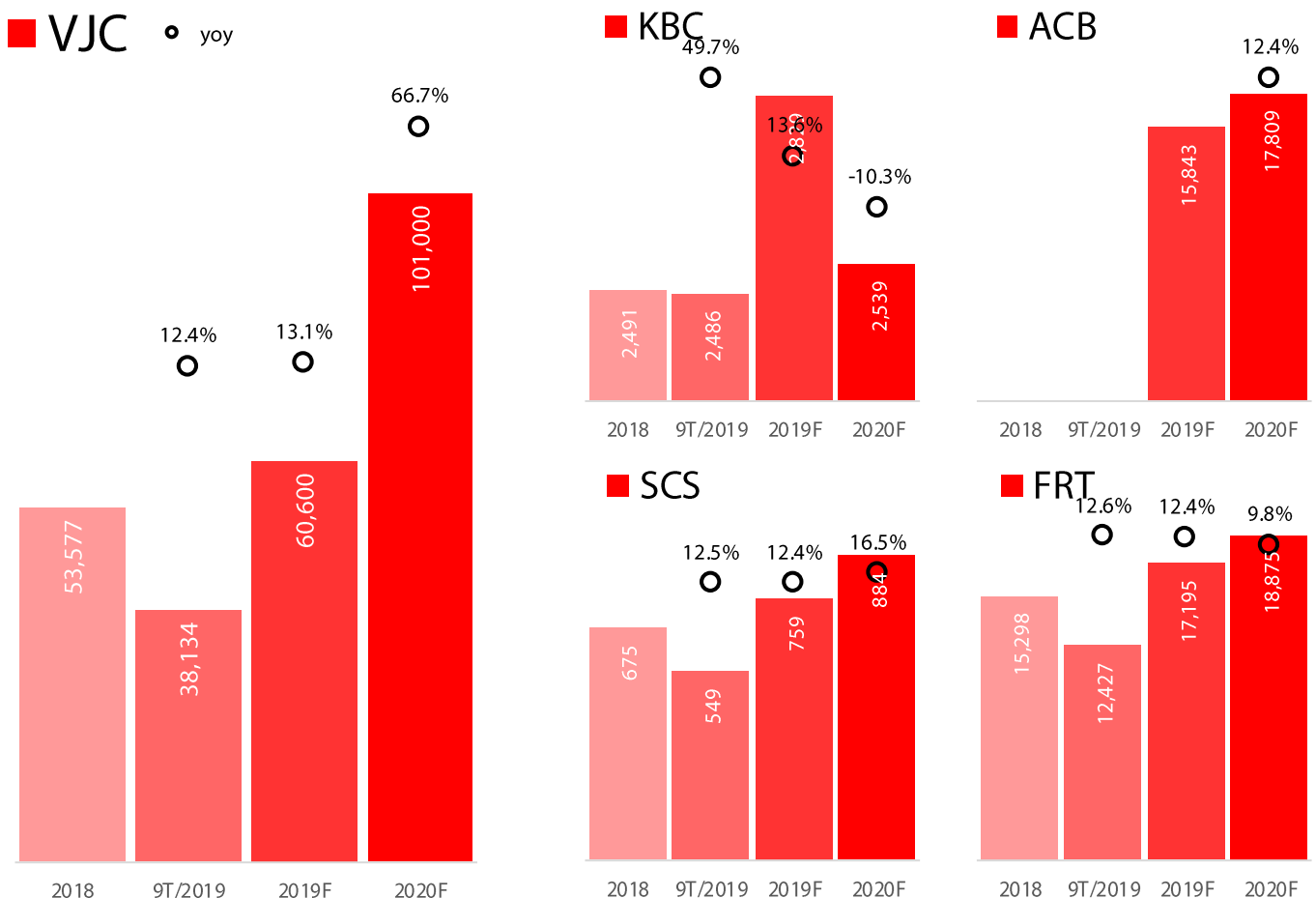
Top20 dự phóng tăng trưởng Doanh thu 2019F

Stt	CK			Nhóm vốn hóa	DT 2019F yoy	LNST cty yoy mẹ2019F	EPS 2019F
1	HDG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	4,744 48.1%	654 7.7%	5.5
2	CTG	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	39,269 36.6%	8,002 47.6%	1.6
3	AST	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap	1,146 32.5%	198 23.3%	4.4
4	BID	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	48,199 23.5%	7,583 11.7%	1.7
5	FPT	HOSE	Phần mềm	Tỷ USD	28,598 23.2%	3,319 26.9%	4.9
6	MBB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	24,060 23.1%	7,588 23.4%	3.1
7	PC1	HOSE	Xây dựng	Mid cap	6,197 22.2%	407 -11.6%	2.3
8	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Tỷ USD	105,327 21.7%	3,888 35.0%	8.6
9	HPG	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Tỷ USD	67,968 19.7%	8,612 -2.6%	2.9
10	VCB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	47,022 19.7%	18,698 27.7%	4.5
11	PVS	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap	17,258 17.9%	1,130 7.9%	2.3
12	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap	17,043 16.9%	1,156 20.4%	4.8
13	HDB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	10,828 14.7%	3,340 17.5%	3.4
14	MSH	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	4,497 13.8%	433 17.0%	8.2
15	ACV	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Tỷ USD	18,220 13.2%	7,147 16.5%	3.0
16	VJC	HOSE	Hàng không	Tỷ USD	60,600 13.1%	6,778 27.0%	10.0
17	KBC	HOSE	Bất động sản	Mid cap	2,829 12.9%	847 13.3%	1.8
18	ACB	HNX	Ngân hàng	Tỷ USD	15,843 12.9%	6,038 17.5%	3.6
19	SCS	HOSE	Hàng không	Mid cap	759 12.4%	478 14.9%	8.9
20	FRT	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Mid cap	17,195 12.4%	385 10.6%	4.7
					tỷ đồng	tỷ đồng	k/cp

tỷ đồng

tỷ đồng

k/cp



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG LỢI NHUẬN

Top20 dự phóng tăng trưởng LNST cổ đông cty mẹ 2019F

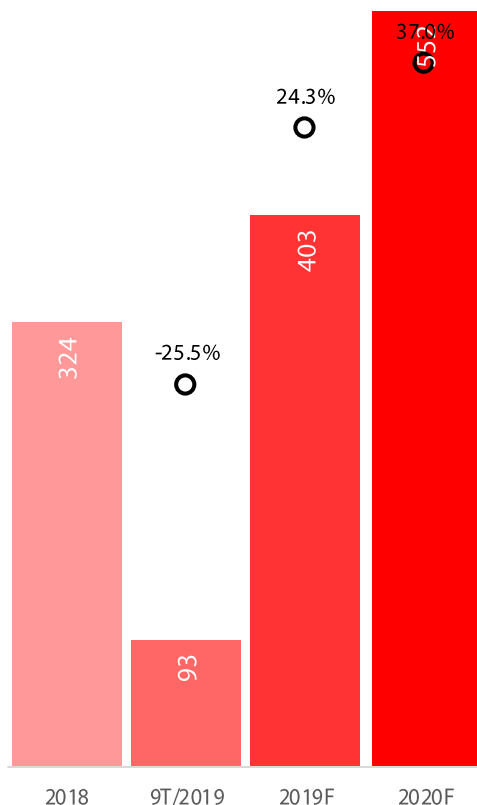
Stt	CK			Nhóm vốn hóa	DT 2019F yoy	LNST cty yoy mẹ 2019F	EPS 2019F
1	PHR	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap	1,497 -9.4%	1,018 211.4%	6.1
2	VIC	HOSE	Bất động sản	Tỷ USD	131,946 7.6%	5,020 50.0%	1.6
3	CTG	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	39,269 36.6%	8,002 47.6%	1.6
4	POW	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Tỷ USD	34,111 4.4%	2,441 45.6%	1.0
5	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Tỷ USD	105,327 21.7%	3,888 35.0%	8.6
6	NLG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	3,263 -8.2%	972 27.8%	3.8
7	VCB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	47,022 19.7%	18,698 27.7%	4.5
8	VJC	HOSE	Hàng không	Tỷ USD	60,600 13.1%	6,778 27.0%	10.0
9	FPT	HOSE	Phần mềm	Tỷ USD	28,598 23.2%	3,319 26.9%	4.9
10	DIG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	2,131 -9.2%	403 26.5%	1.3
11	MBB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	24,060 23.1%	7,588 23.4%	3.1
12	AST	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap	1,146 32.5%	198 23.3%	4.4
13	LTG	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	Mid cap	8,498 -5.7%	504 22.9%	5.3
14	VRE	HOSE	Bất động sản	Tỷ USD	9,276 2.5%	2,927 21.7%	1.3
15	STK	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	2,533 5.2%	215 20.8%	2.7
16	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap	17,043 16.9%	1,156 20.4%	4.8
17	ACB	HNX	Ngân hàng	Tỷ USD	15,843 12.9%	6,038 17.5%	3.6
18	HDB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	10,828 14.7%	3,340 17.5%	3.4
19	MSH	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	4,497 13.8%	433 17.0%	8.2
20	ACV	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Tỷ USD	18,220 13.2%	7,147 16.5%	3.0
					tỷ đồng	tỷ đồng	k/cp

tỷ đồng

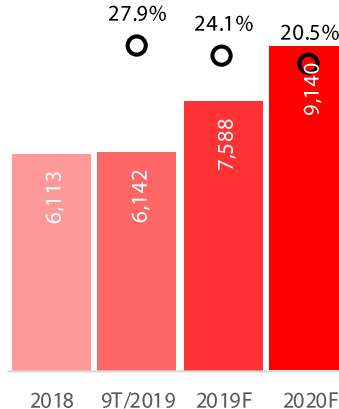
tỷ đồng

k/cp

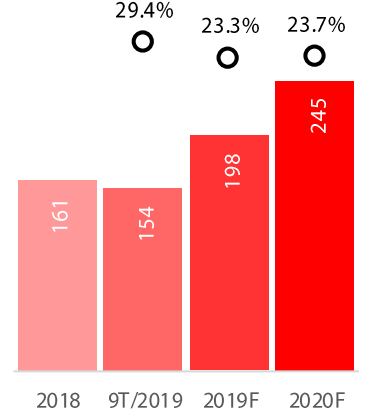
DIG • yoy



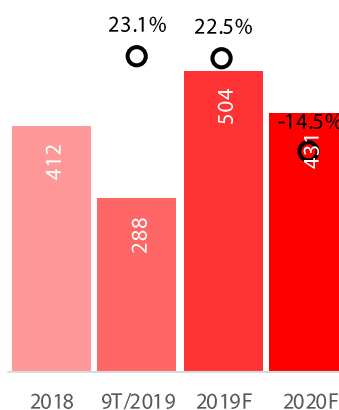
MBB



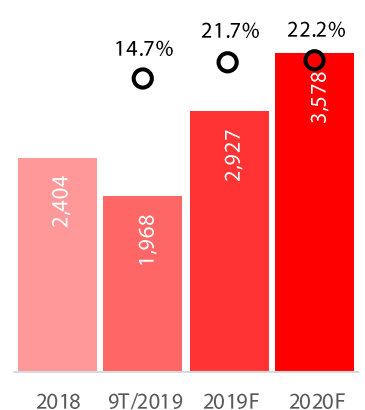
AST



LTG

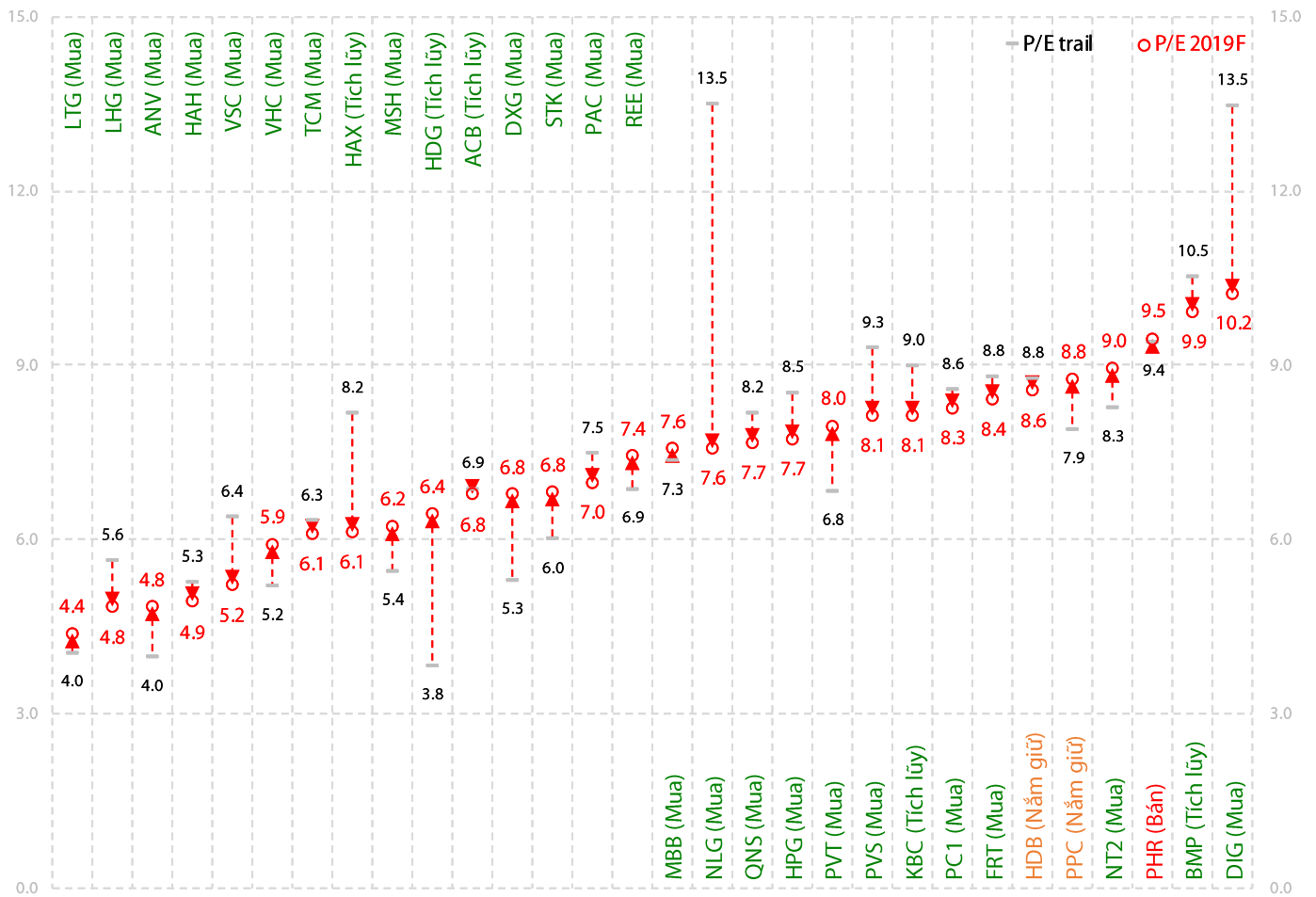


VRE

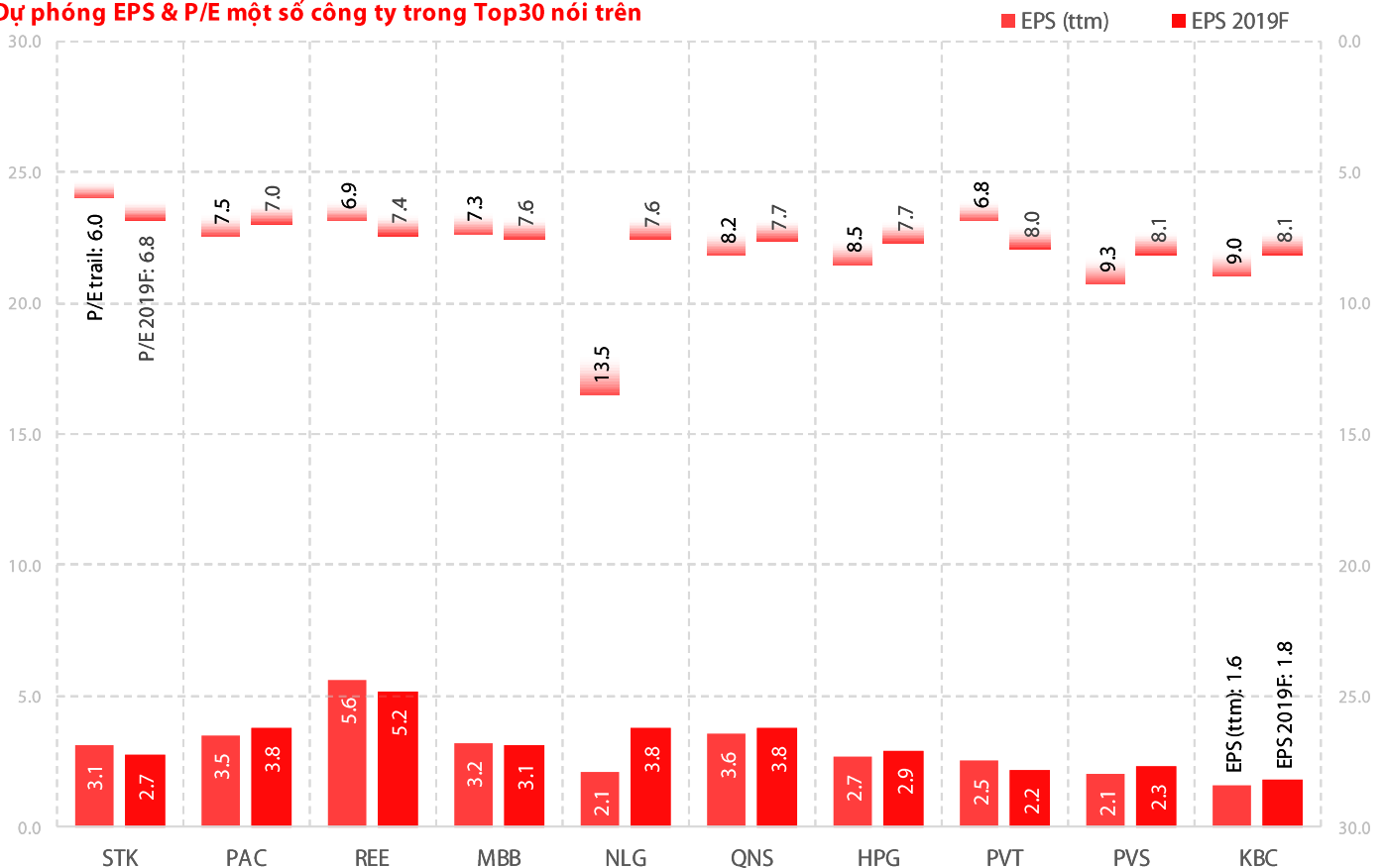


ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ DỰ PHÓNG EPS & P/E

Top30 PE forward



Dự phóng EPS & P/E một số công ty trong Top30 nói trên



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Tài chính

Bất động sản

Bất động sản

Bất động sản

Đứng thứ 1/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng số cổ phiếu: 111

Tổng giá trị vốn hóa: 1070 595 tỷ đồng

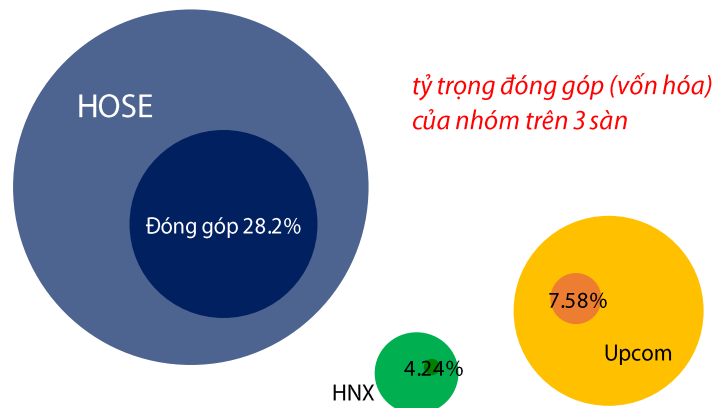
chiếm tỷ trọng 22.87% toàn thị trường

xung quanh tâm điểm **KBC**

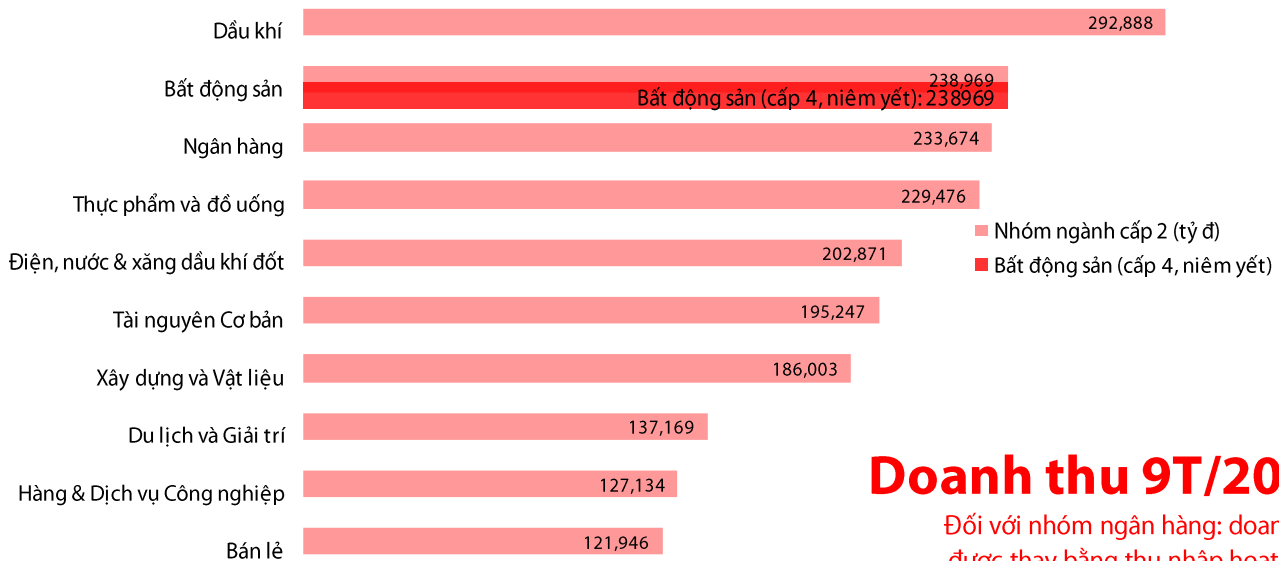
KBC xếp hạng 12 về GTT

tỷ trọng đóng góp (vốn hóa)
của nhóm trên 3 sàn

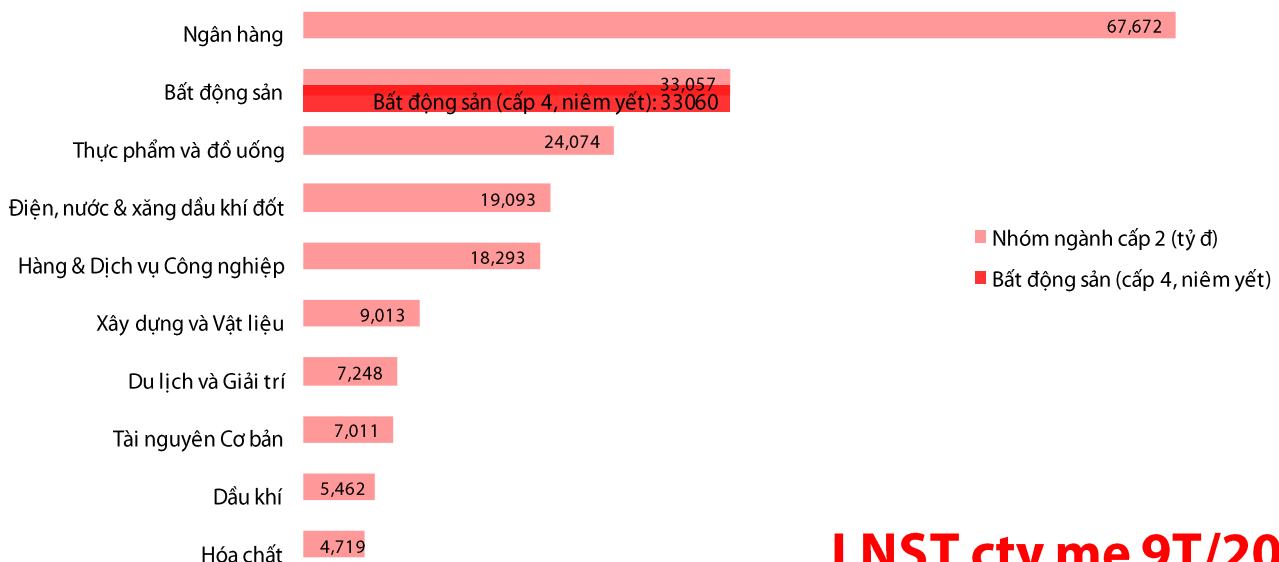
Số lượng cp	HOSE	HNX	Upcom	Tổng
Nhóm Tỷ USD	4		1	5
Large cap	1		1	2
Mid cap	22	1	6	29
Small cap	28	16	31	75
Tổng	55	17	39	111



86/111 công ty niêm yết trong ngành đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19



981 công ty đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19, một số công ty khác sắp công bố BCTC.
Một số nhóm ngành bao gồm cả công ty OTC.

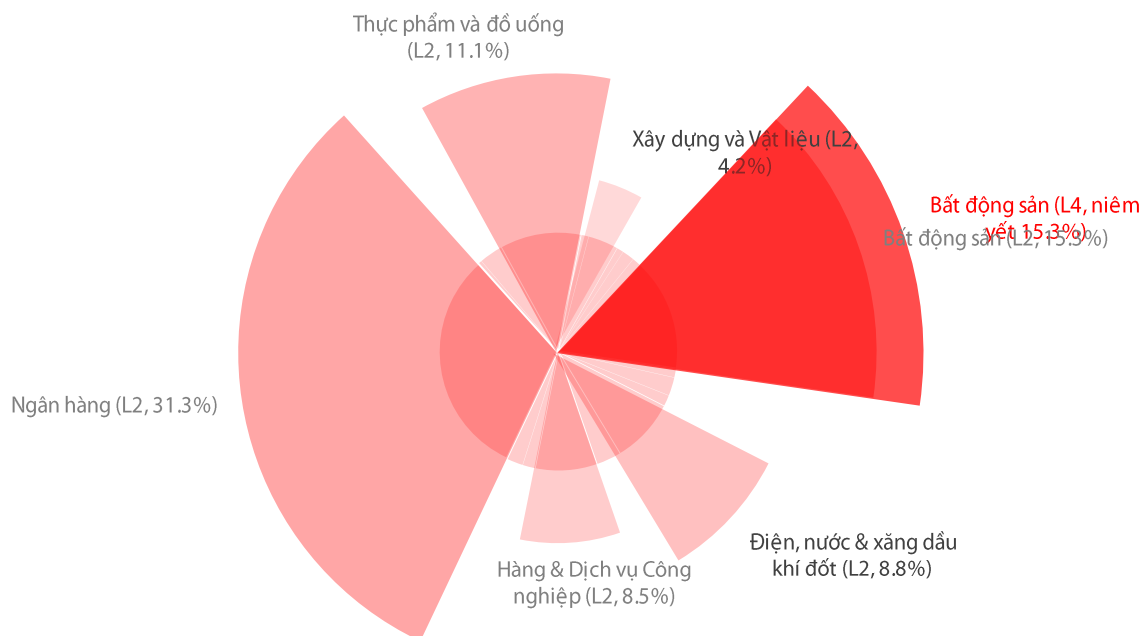


LNST cty mẹ 9T/2019

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

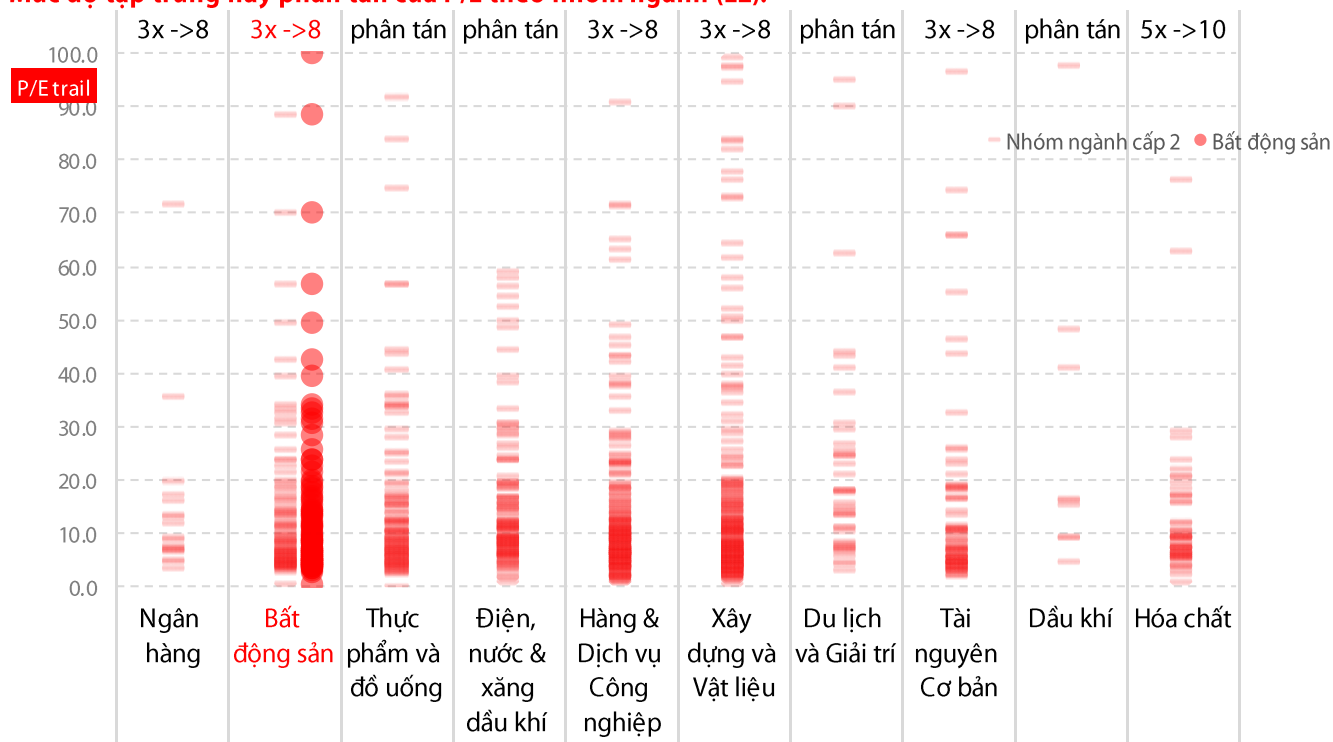
Bất động sản (L2) -> Bất động sản (L4)

Tỷ trọng ngành theo LNST cty mẹ 9T/2019



Phân bố P/E theo nhóm ngành (L2)

Mức độ tập trung hay phân tán của P/E theo nhóm ngành (L2):



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Bất động sản

Khuyến nghị ĐT gần đây

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh tâm điểm KBC

				GTĐT (tỷ đồng)	P/E trail	P/B	Khuyến nghị ĐT	Mục tiêu 1 năm	Kỳ vọng 1 năm
1	VRE	Vincom Retail	HOSE	81,858	30.8	2.9	Tích lũy	38.6	9.5%
2	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	HOSE	55,018	18.3	2.6			
3	BCM	Becamex IDC	UPCOM	30,192	11.7	2.3	Nắm giữ		
4	KDH	Nhà Khang Điền	HOSE	14,727	16.0	2.1	K khuyến nghị		
5	SDI	PT đô thị Sài Đồng	UPCOM	14,020	10.4	1.5			
6	PDR	BDS Phát Đạt	HOSE	8,552	12.2	2.2			
7	DXG	Địa ốc Đất Xanh	HOSE	8,421	5.3	1.3	Mua	22.0	35.8%
8	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	UPCOM	7,254	32.6	6.2			
9	NLG	BDS Nam Long	HOSE	7,129	13.5	1.5	Mua	38.7	35.8%
10	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	HOSE	6,718	9.0	0.7	Thêm	17.5	20.7%

B/q ngành (trọng số vốn hóa) -> 45.6 4.6

VRE



Xếp hạng 3 (theo GTĐT)
trong ngành

Vincom Retail
HOSE
Nhóm Tỷ USD
Thanh khoản Cao
OCT31:100.219M335

EPS (ttm): 1.1
P/E trail: 30.8
BV: 12
P/B: 2.9

1N: +0.1%
1Thg: +11.7%
YTD: +29.9%

~~35,150~~
35,200

Khuyến nghị ĐT ngày 01/11 (RongViet)

Tích lũy

Mục tiêu 1 năm

38,550 +9.5%

P/E 2019F: 28

EPS (ttm): 2.5
P/E trail: 11.7
BV: 12.9
P/B: 2.3

Becamex IDC
UPCOM
Nhóm Tỷ USD
Thanh khoản Thấp

BCM



RongViet (26/09)

Nắm giữ

29,171

29,155

1N: -0.1%
YTD: +21.3%

EPS (ttm): 1.7
P/E trail: 16
BV: 13.3
P/B: 2.1

Nhà Khang Điền
HOSE
Large cap
Thanh khoản Trung bình

KDH



RongViet (10/10)

K khuyến nghị

27,050

27,200

1N: +0.6%
YTD: +8.9%

NVL



Đầu tư Địa ốc No Va (Nova...)
HOSE
Nhóm Tỷ USD
Thanh khoản Trung bình
OCT31:106.200.300

EPS (ttm): 3.2
P/E trail: 18.3
BV: 22
P/B: 2.6

58,700

58,100

1N: -1%
YTD: -9.5%

EPS (ttm): 11.3
P/E trail: 10.4
BV: 76.5
P/B: 1.5

PT đô thị Sài Đồng
UPCOM
Large cap
Thanh khoản Trung bình

SDI



116,837

117,297

1N: +0.4%
YTD: +114%

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

Bất động sản

Doanh thu

LNST cổ đông cty mẹ

D/s 10 cổ phiếu có Doanh thu xung quanh tâm điểm KBC

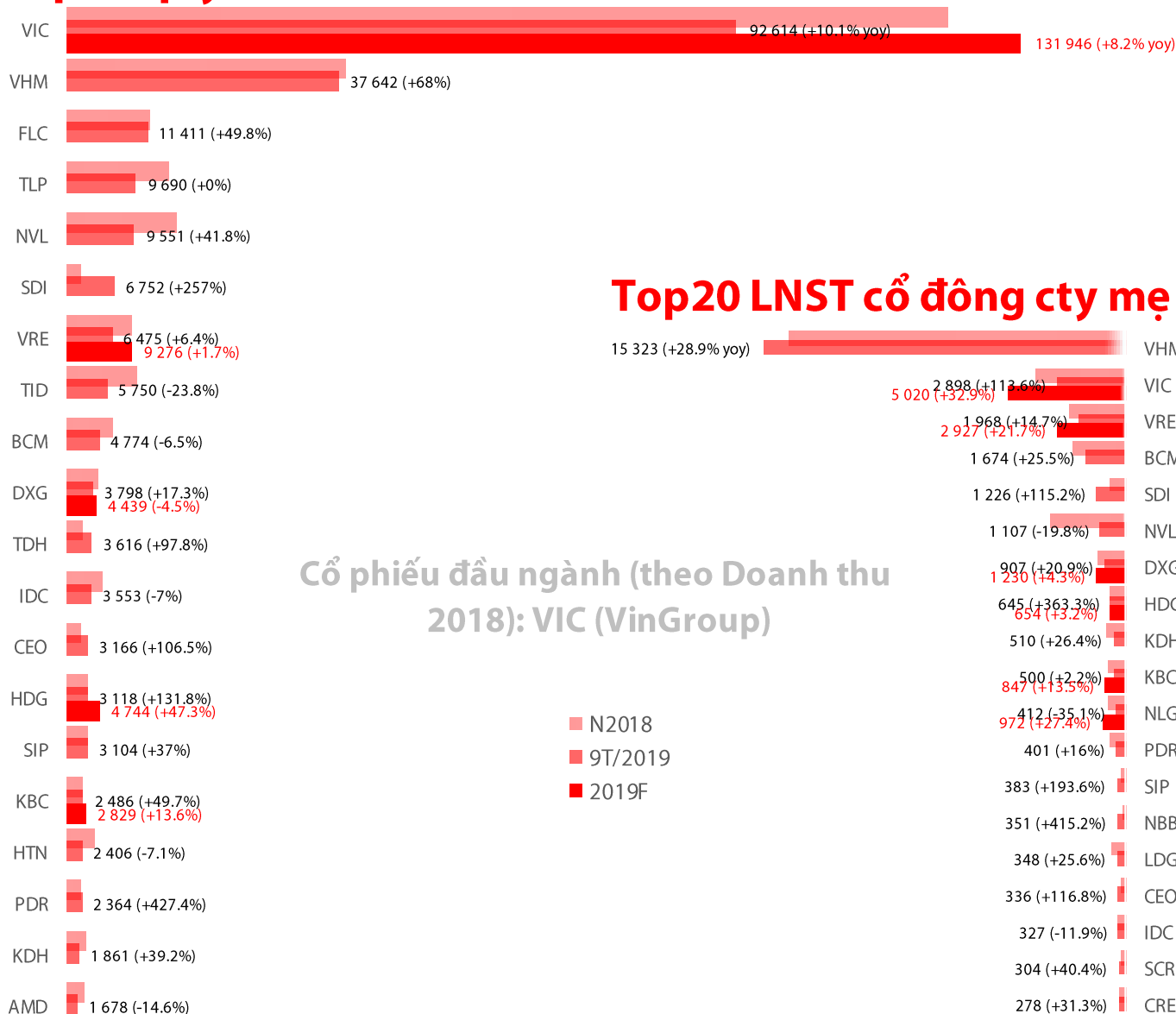
				9T/2018	9T/2019	+/- yoy	9T/2018	9T/2019	+/- yoy
1	VRE	Vincom Retail	Nhóm Tỷ USD	6,083	6,475	6.4%	1,716	1,968	14.7%
2	TID	Tổng Công ty Tín Nghĩa	Mid cap	7,544	5,750	-23.8%	84	10	-88.2%
3	BCM	Becamex IDC	Nhóm Tỷ USD	5,106	4,774	-6.5%	1,334	1,674	25.5%
4	DXG	Địa ốc Đất Xanh	Mid cap	3,237	3,798	17.3%	750	907	20.9%
5	TDH	Thủ Đức House	Small cap	1,828	3,616	97.8%	83	66	-20.6%
6	IDC	IDICO	Mid cap	3,821	3,553	-7.0%	371	327	-11.9%
7	CEO	Tập đoàn CEO	Mid cap	1,534	3,166	106.5%	155	336	116.8%
8	HDG	Xây dựng Hà Đô	Mid cap	1,345	3,118	131.8%	139	645	363.3%
9	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Mid cap	2,266	3,104	37.0%	130	383	193.6%
10	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	Mid cap	1,661	2,486	49.7%	489	500	2.2%

KBC xếp hạng 16 về quy mô Doanh thu 9T/2019

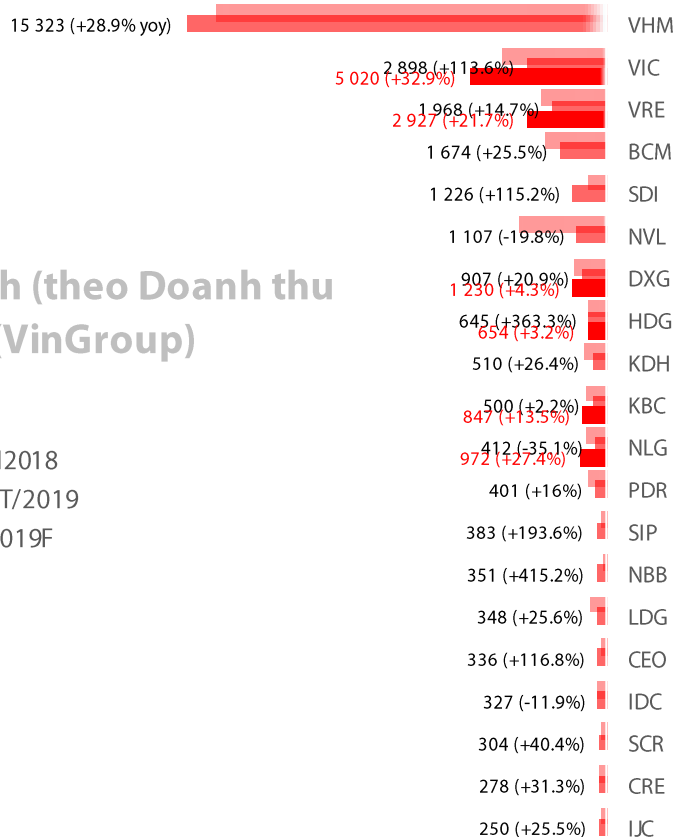
tỷ đồng

tỷ đồng

Top20 quy mô Doanh thu



Top20 LNST cổ đông cty mẹ



Cổ phiếu đầu ngành (theo Doanh thu 2018): VIC (VinGroup)

■ N2018
■ 9T/2019
■ 2019F

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

Bất động sản

Đòn bẩy tài chính

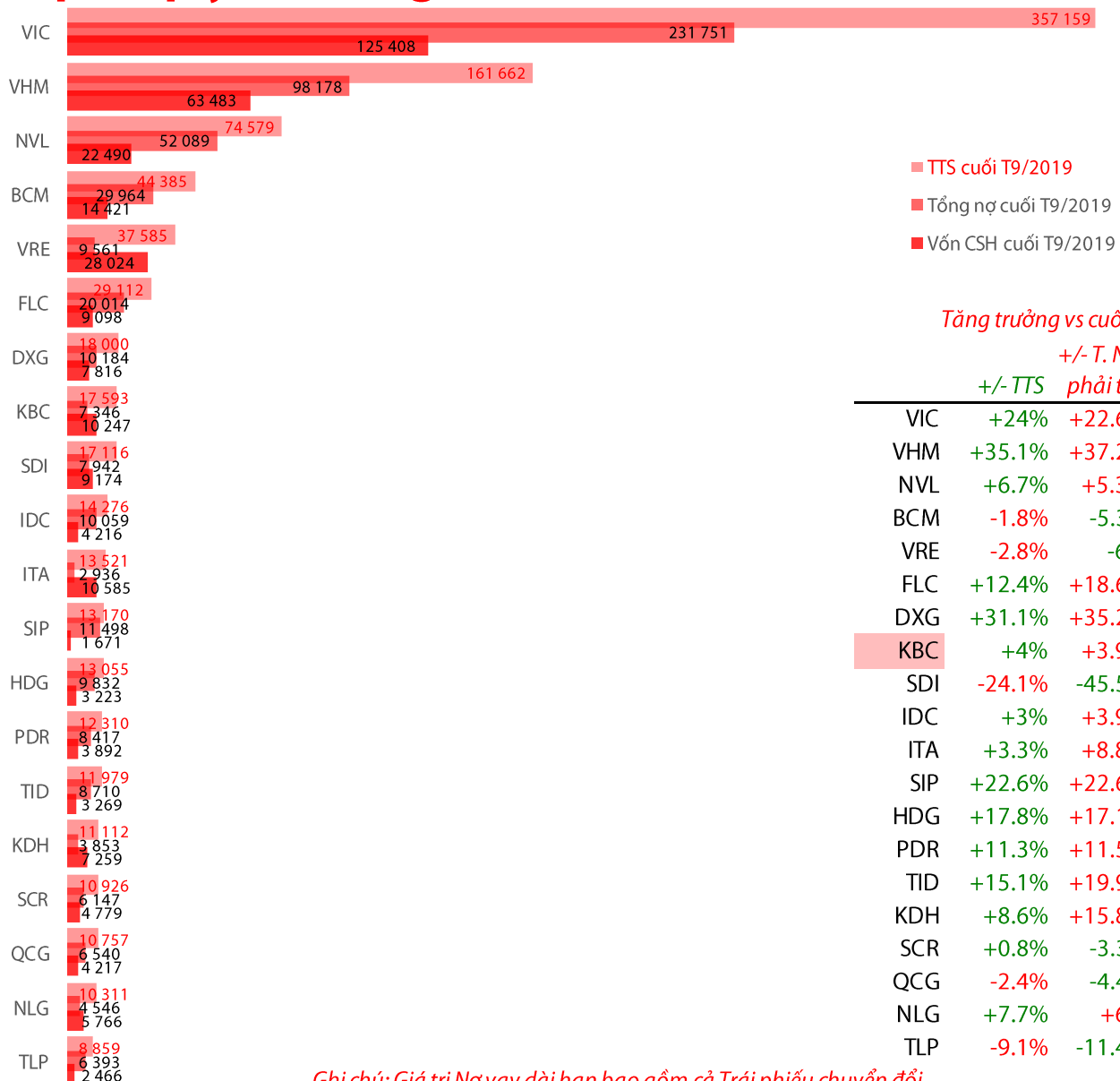
D/s 10 cổ phiếu có quy mô tổng Tài sản xung quanh tâm điểm KBC			TTS/Vốn CSH cuối T9/2019	TTS cuối T9/2019	TTS cuối 2018	+/- ytd	Vốn CSH cuối T9/2019	Vốn CSH cuối 2018	+/- ytd
1	VIC	Vingroup	2.85	357,159	287,974	24.0%	125,408	99,014	26.7%
2	VHM	Vinhomes	2.55	161,662	119,689	35.1%	63,483	48,145	31.9%
3	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	3.32	74,579	69,912	6.7%	22,490	20,460	9.9%
4	BCM	Becamex IDC	3.08	44,385	45,184	-1.8%	14,421	13,531	6.6%
5	VRE	Vincom Retail	1.34	37,585	38,684	-2.8%	28,024	28,509	-1.7%
6	FLC	Tập đoàn FLC	3.20	29,112	25,889	12.4%	9,098	9,019	0.9%
7	DXG	Địa ốc Đất Xanh	2.30	18,000	13,729	31.1%	7,816	6,199	26.1%
8	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	1.72	17,593	16,910	4.0%	10,247	9,837	4.2%
9	SDI	PT đô thị Sài Đồng	1.87	17,116	22,545	-24.1%	9,174	7,966	15.2%
10	IDC	IDICO	3.39	14,276	13,865	3.0%	4,216	4,184	0.8%

KBC xếp hạng 8 về Tổng tài sản

tỷ đồng

tỷ đồng

Top20 quy mô Tổng Tài sản



Tăng trưởng vs cuối năm trước

	+/- T. TTS	+/- T. Nợ phải trả	+/- Vốn CSH
VIC	+24%	+22.6%	+26.7%
VHM	+35.1%	+37.2%	+31.9%
NVL	+6.7%	+5.3%	+9.9%
BCM	-1.8%	-5.3%	+6.6%
VRE	-2.8%	-6%	-1.7%
FLC	+12.4%	+18.6%	+0.9%
DXG	+31.1%	+35.2%	+26.1%
KBC	+4%	+3.9%	+4.2%
SDI	-24.1%	-45.5%	+15.2%
IDC	+3%	+3.9%	+0.8%
ITA	+3.3%	+8.8%	+1.9%
SIP	+22.6%	+22.6%	+22.5%
HDG	+17.8%	+17.1%	+19.8%
PDR	+11.3%	+11.5%	+10.8%
TID	+15.1%	+19.9%	+4%
KDH	+8.6%	+15.8%	+5.2%
SCR	+0.8%	-3.3%	+6.6%
QCG	-2.4%	-4.4%	+0.9%
NLG	+7.7%	+6%	+9.1%
TLP	-9.1%	-11.4%	-2.4%

Ghi chú: Giá trị Nợ vay dài hạn bao gồm cả Trái phiếu chuyển đổi

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

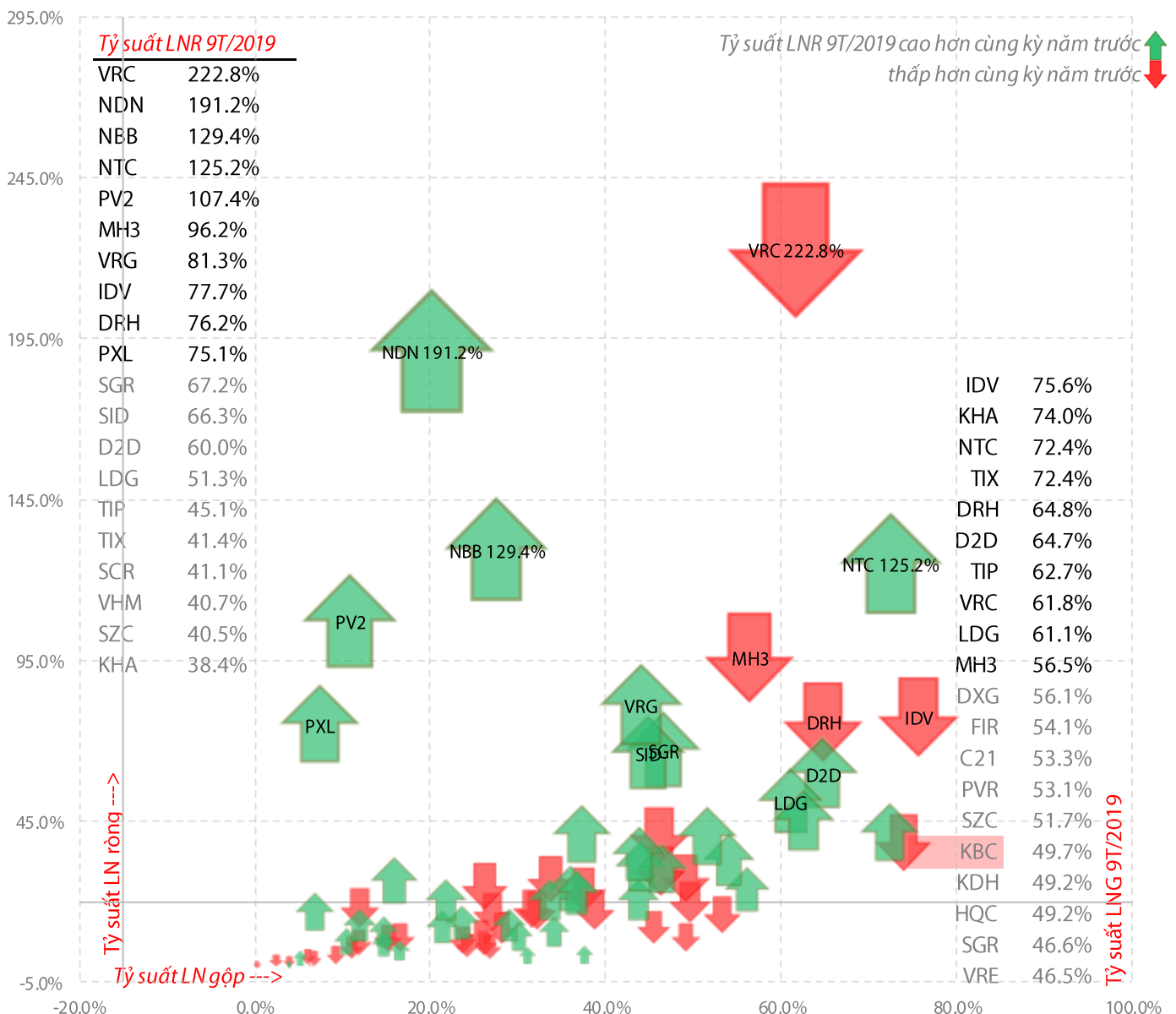
Bất động sản

Tỷ suất lợi nhuận

D/s 10 cổ phiếu có Tỷ suất LN ròng xung quanh tâm điểm KBC			Doanh thu 9T/2019	Tỷ suất LNG 9T/2018	Tỷ suất LNG 9T/2019	+/- yoy	Tỷ suất LN ròng 9T/2018	Tỷ suất LNR 9T/2019	+/- yoy
1	TIG	Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	203	19.1%	15.9%	-3.2%	18.1%	26.4%	8.3%
2	CLX	XNK và Đầu tư Chợ Lớn (CHOL	330	24.6%	26.2%	1.6%	27.5%	24.9%	-2.6%
3	NTL	Đô thị Từ Liêm	598	19.6%	36.1%	16.5%	12.9%	24.0%	11.1%
4	DXG	Địa ốc Đất Xanh	3,798	49.3%	56.1%	6.9%	23.2%	23.9%	0.7%
5	ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	820	54.0%	37.5%	-16.4%	29.1%	23.7%	-5.3%
6	HLD	Bất động sản HUDLAND	248	28.7%	36.8%	8.1%	14.3%	22.9%	8.6%
7	HDG	Xây dựng Hà Đô	3,118	31.1%	43.8%	12.7%	10.4%	20.7%	10.3%
8	HPI	Khu công nghiệp Hiệp Phước	491	13.9%	21.8%	7.9%	8.4%	20.5%	12.1%
9	TN1	TNS Holdings	421	27.6%	33.6%	6.0%	16.5%	20.5%	4.1%
10	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	2,486	57.7%	49.7%	-8.0%	29.5%	20.1%	-9.3%

KBC xếp hạng 37 về Tỷ suất LN ròng 9T/20 tỷ đồng

Tỷ suất LNR 9T/2019



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

Bất động sản

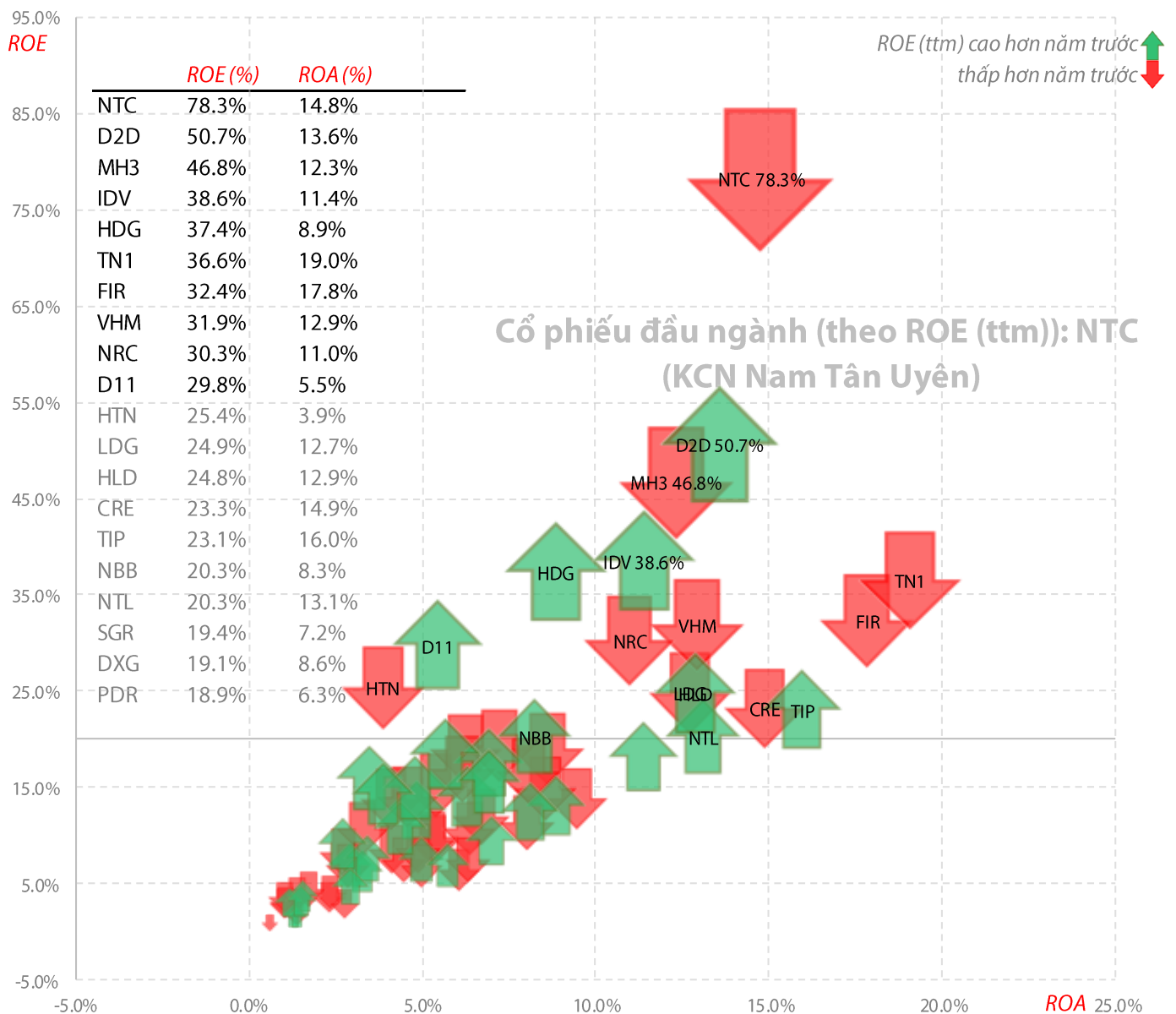
Cấu thành ROE

D/s 10 cổ phiếu có ROE (ttm) xung quanh tâm điểm KBC

			ROA (ttm)	ROE (ttm)	ROE 2018	+/-	Tỷ suất LN ròng	Vòng quay TTS b/q	TTS/ Vốn CSH b/q
1	VPH	Vạn Phát Hưng	5.3%	9.9%	14.6%	-4.7%	20.6%	0.26	1.87
2	NLG	BDS Nam Long	5.3%	9.6%	17.0%	-7.4%	27.3%	0.20	1.80
3	VRE	Vincom Retail	7.0%	9.4%	8.8%	0.6%	28.2%	0.25	1.34
4	IDC	IDICO	2.7%	9.2%	8.8%	0.4%	10.3%	0.27	3.35
5	PVL	Đầu tư Nhà Đất Việt	4.9%	8.7%	10.8%	-2.1%	73.0%	0.07	1.79
6	DIG	DIC Corp	4.1%	8.6%	10.6%	-2.0%	15.1%	0.27	2.09
7	DRH	DRH Holdings	2.7%	8.3%	9.0%	-0.7%	36.3%	0.08	3.04
8	VC3	Xây dựng Số 3	3.4%	7.6%	5.9%	1.8%	9.0%	0.38	2.23
9	KHA	Đầu tư và DV Khánh Hội	6.3%	7.6%	11.2%	-3.6%	38.5%	0.16	1.20
10	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	4.5%	7.5%	7.9%	-0.4%	27.8%	0.16	1.68

KBC xếp hạng 53 về ROE (ttm)

ROA & ROE (ttm)



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Bất động sản

Dự phóng

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh
tâm điểm KBC

			Thị giá	Doanh thu 2019F	+/-% mẹ	LNST cty 2019F	+/-%	EPS 2019F	P/E 2019F
1	VRE	Vincom Retail	35.20	9,276	1.7	2,927	21.7	1.26	28.00
2	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	58.10						
3	BCM	Becamex IDC	29.16	8,542	30.0	2,985	35.0	2.99	9.77
4	KDH	Nhà Khang Điền	27.20						
5	SDI	PT đô thị Sài Đồng	117.30						
6	PDR	BDS Phát Đạt	26.10						
7	DXG	Địa ốc Đất Xanh	16.20	4,439	-4.5	1,230	4.3	2.39	6.77
8	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	103.08						
9	NLG	BDS Nam Long	28.50	3,263	-6.2	972	27.4	3.76	7.58
10	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	14.50	2,829	13.6	847	13.5	1.78	8.15

tỷ đồng

tỷ đồng

PDR



Xếp hạng 8 (theo GTTI)
trong ngành

BDS Phát Đạt
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao
OCT31:114.215B304

EPS (ttm): 2.1
P/E trail: 12.2
BV: 11.7
P/B: 2.2

1N: 0%
1Thg: 0%
YTD: +25.9%

26,100

EPS (ttm): 3.2
P/E trail: 32.6
BV: 16.7
P/B: 6.2

Đầu tư Sài Gòn VRG
UPCOM
Mid cap
Thanh khoản Trung bình

SIP

105,052

103,079

1N: -1.9%
YTD: 0%

EPS (ttm): 2.1
P/E trail: 13.5
BV: 18.5
P/B: 1.5

BDS Nam Long
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao

NLG

28,550

28,500

1N: -0.2%
YTD: +20.7%

RongViet (01/11)

Mua

38,714 +35.8%

DXG



Địa ốc Đất Xanh
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao
OCT31:104.241B334

EPS (ttm): 3.1
P/E trail: 5.3
BV: 13
P/B: 1.3

RongViet (01/11)

Mua

22,000 +35.8%

16,200

1N: 0%
YTD: -13.4%

EPS (ttm): 1.6
P/E trail: 9
BV: 19.8
P/B: 0.7

TCT Đô thị Kinh Bắc
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Cao

KBC

14,300

14,500

1N: +1.4%
YTD: +17.8%

Cty #9 (06/11)

Thêm

17,500 +20.7%

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Bất động sản

Một số cổ phiếu ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ & ĐÁNG CHÚ Ý khác trong ngành (không thuộc Top10 vốn hóa bên trên):

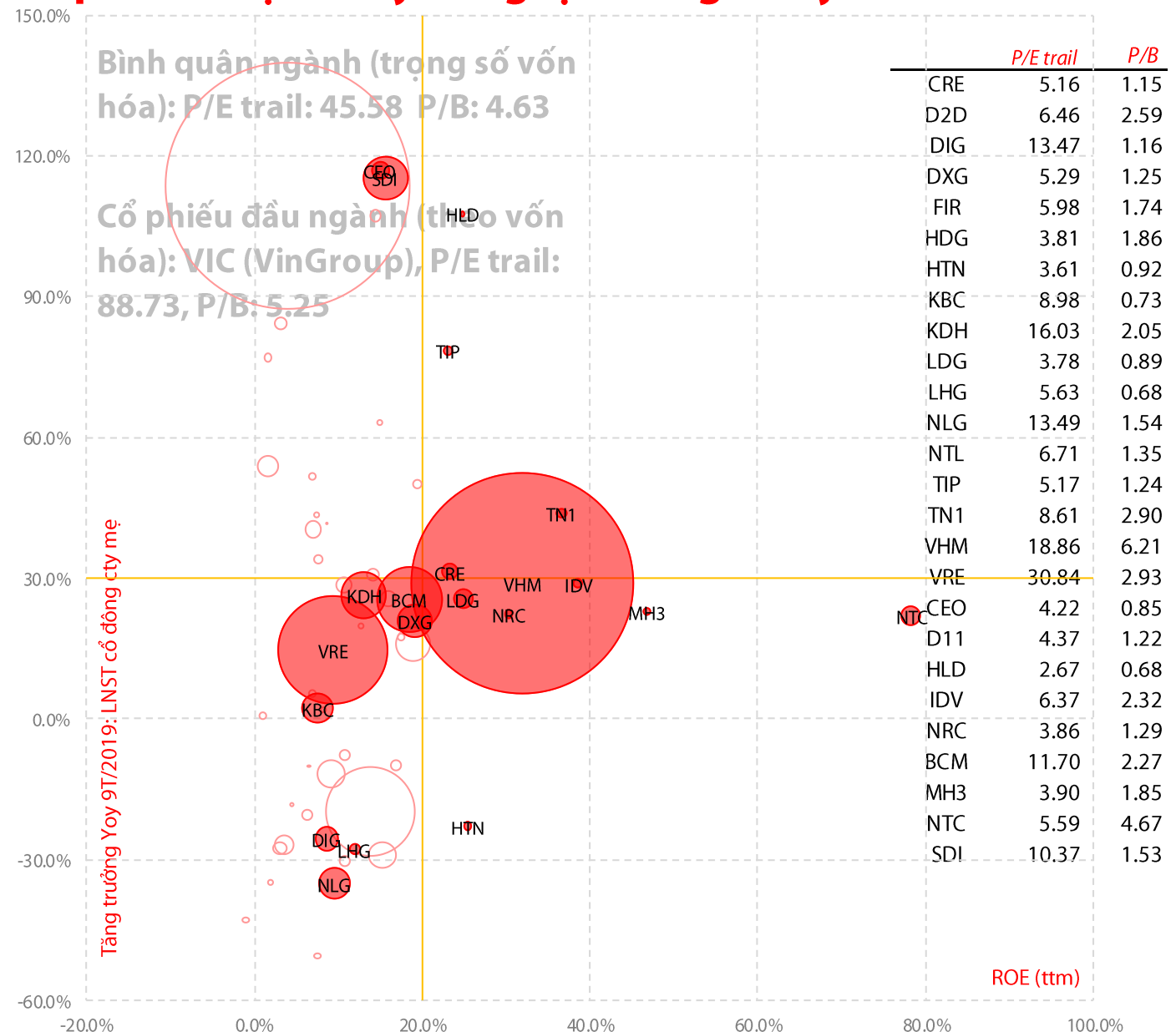
Khuyến nghị ĐT gần đây

Tăng trưởng Yoy 9T/2019

			GTĐT (tỷ đồng)	Khuyến nghị ĐT	Mục tiêu 1 năm	Kỳ vọng 1 năm	Doanh thu	LNST cổ đông cty mẹ	ROE (ttm)
1	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	1,968				85.3%	31.3%	23.3%
2	D2D	Phát triển Đô thị số 2	1,854				137.0%	410.9%	50.7%
3	DIG	DIC Corp	4,346	Mua	19.5	41.8%	-21.0%	-25.5%	8.6%
4	FIR	Địa ốc First Real	553						32.4%
5	HDG	Xây dựng Hà Đô	4,230	Tích lũy	37.2	4.8%	131.8%	363.3%	37.4%
6	HTN	Hưng Thịnh Incons	579				-7.1%	-22.9%	25.4%
7	LDG	Đầu tư LDG	2,570				12.1%	25.6%	24.9%
8	LHG	KCN Long Hậu	765	Mua	25.0	60.3%	11.6%	-27.8%	12.0%
9	NTL	Đô thị Từ Liêm	1,378				95.3%	263.3%	20.3%
10	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	621				46.6%	78.5%	23.1%

Cổ phiếu Đáng chú ý chủ yếu gồm (1) tăng trưởng LNST từ +30% yoy, hoặc (2) ROE (ttm) $\geq 20\%$; (3) P/E trail khá thấp so với bình quân ngành, và 1 số tiêu chí phụ khác... Quý vị hãy chọn ít nhất 1 mã và xem xét cơ hội đầu tư cho mình!

Cổ phiếu được khuyến nghị & đáng chú ý



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY

KBC

Xếp hạng 12 (theo GTT)
trong ngành

TCT Đô thị Kinh Bắc

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 6 718

GTTT (tr.USD): 286

Thanh khoản: Cao

~~14,300~~

14,500

1N: +1.4%

1Thg: +0.2%

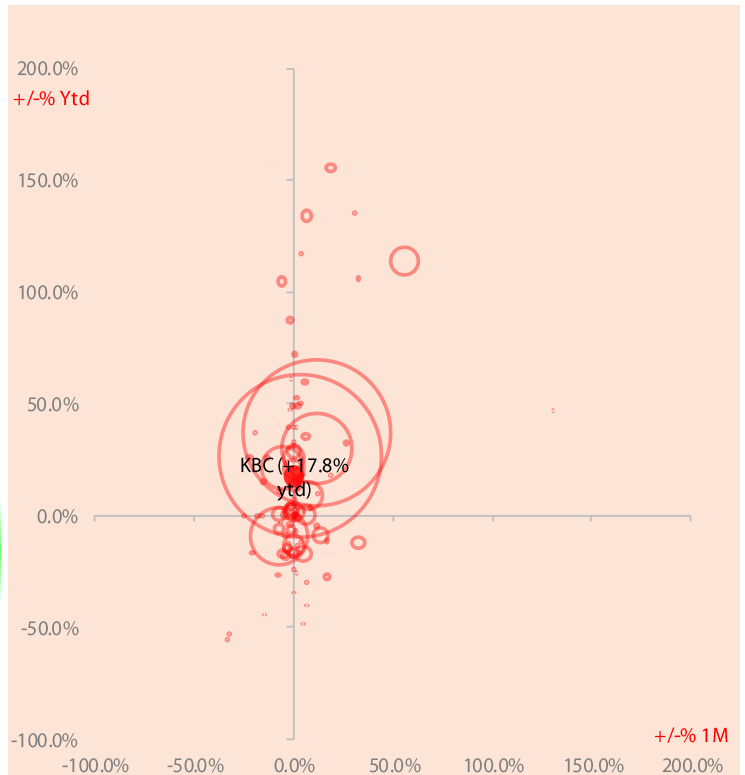
YTD: +17.8%

Khuyến nghị ĐT ngày 31/10 (Cty #8)

Mua

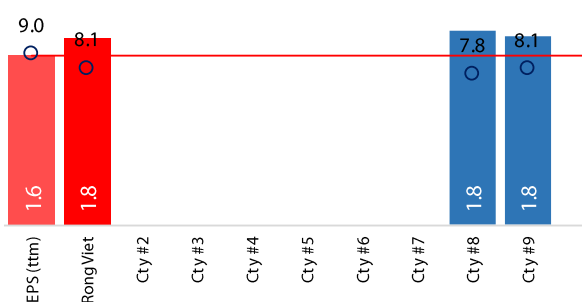
Mục tiêu 1 năm

17,700 +22.1%



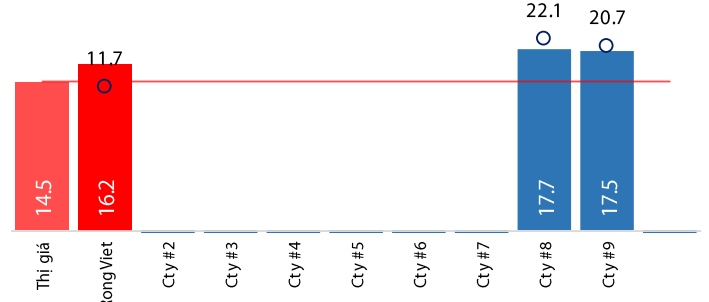
EPS & P/E dự phóng 2019

o P/E



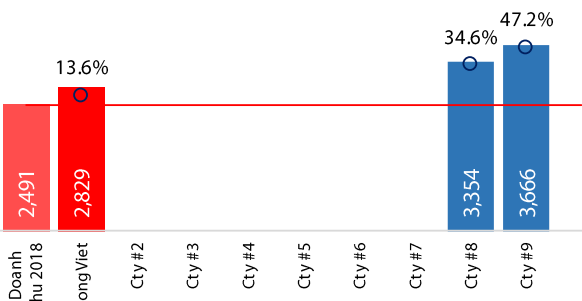
Thị giá vs giá mục tiêu

+/-% Thị giá



Doanh thu 2018 vs dự phóng 2019

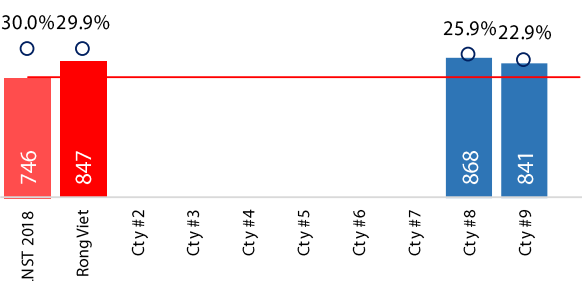
+/-% DT



Bình luận về doanh nghiệp

LNST 2018 vs dự phóng 2019

tỷ suất LNST



(có thể một số báo cáo TVCN chỉ thu thập được bản tiếng Anh)

ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG



14,500

1N: +1.4%
1Thg: +0.2%
YTD: +17.8%

TCT Đô thị Kinh Bắc

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 6 718

GTTT (tr.USD): 286

Ngành: Bất động sản

Tổng số cổ phiếu: 111

86/111 BCTC cập nhật đến 30/09/19

KBC xếp hạng 12 về GTTT

KBC xếp hạng 16 về quy mô Doanh thu 9T/2019

KBC xếp hạng 10 về LNST cty mẹ 9T/2019

xem thêm chi tiết trên các trang về nhóm ngành này

tham chiếu ->



18,750

Tổng Công ty Viglacera

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 8 474

GTTT (tr.USD): 361



175,046

KCN Nam Tân Uyên

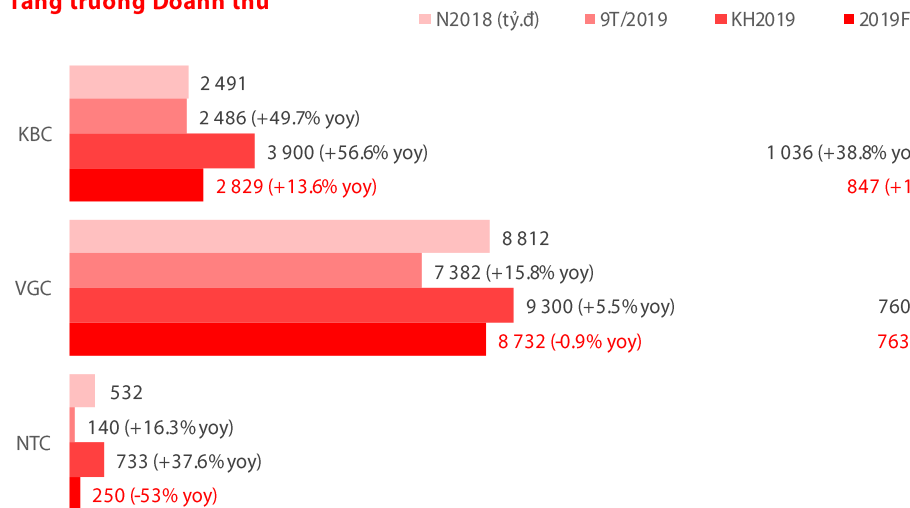
UPCOM

Mid cap

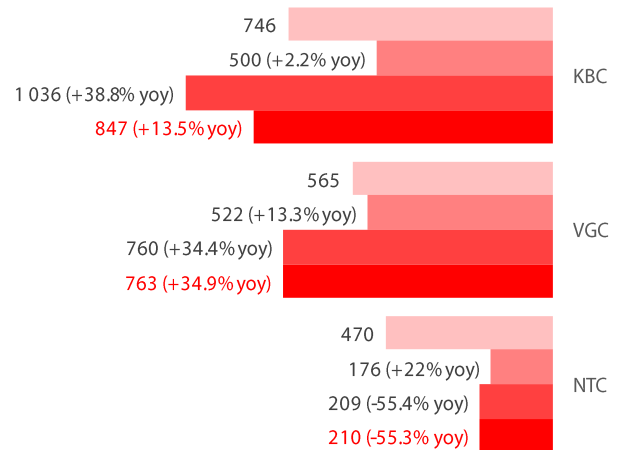
GTTT (tỷ đ): 2 827

GTTT (tr.USD): 120

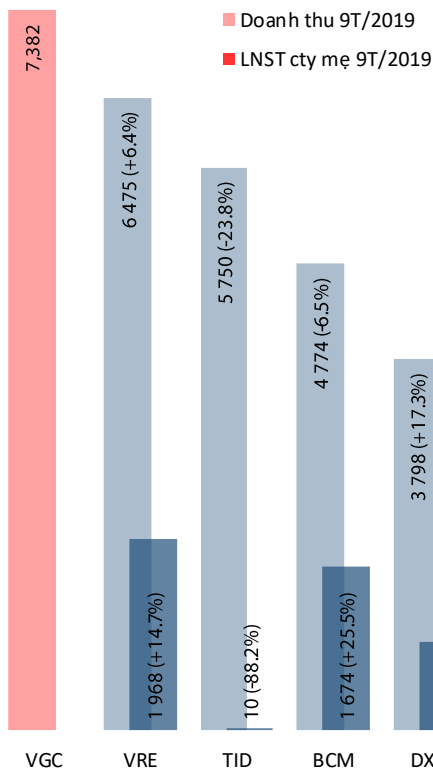
Tăng trưởng Doanh thu



Tăng trưởng LNST cty mẹ

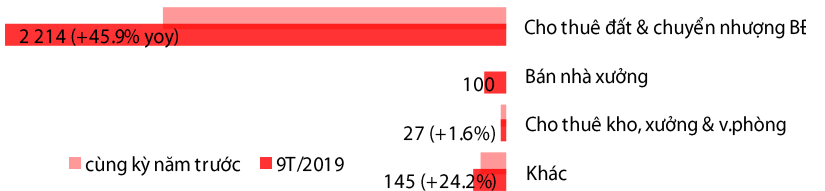


KBC, cp tham chiếu & 1 số cp khác có Doanh thu xung quanh



Cơ cấu Tăng trưởng Doanh thu

Lũy kế 9T/2019 theo sản phẩm



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► HIỆU QUẢ



TCT Đô thị Kinh Bắc
HOSE
Thanh khoản: Cao

14,500

EPS (ttm): 1.6
P/E trail: 9
BV: 19.8
P/B: 0.7

Ngành: Bất động sản

Tổng số cổ phiếu: 111
86/111 BCTC cập nhật đến 30/09/19
KBC xếp hạng 16 về Tỷ suất LNG 9T/2019
KBC xếp hạng 37 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019
KBC xếp hạng 53 về ROE (ttm)

tham chiếu ->

VGC

18,750

Tích lũy

Tổng Công ty Viglacera

EPS (ttm): 1.4
P/E trail: 13.5
BV: 14
P/B: 1.3

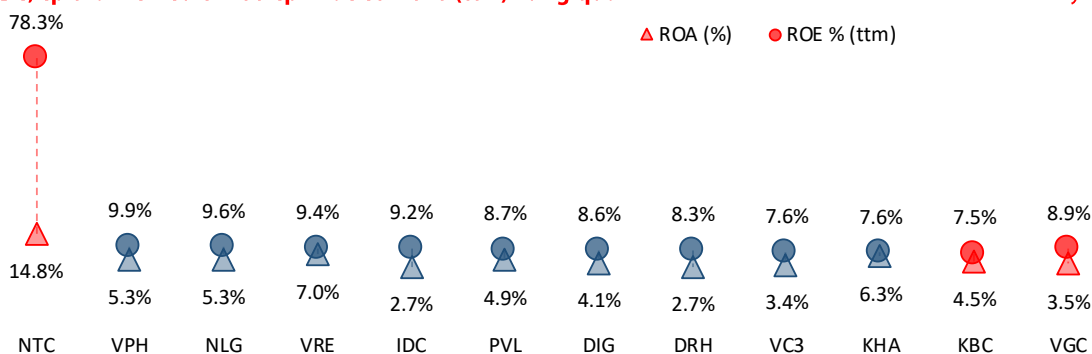
NTC

175,046

KCN Nam Tân Uyên

EPS (ttm): 31.3
P/E trail: 5.6
BV: 37.5
P/B: 4.7

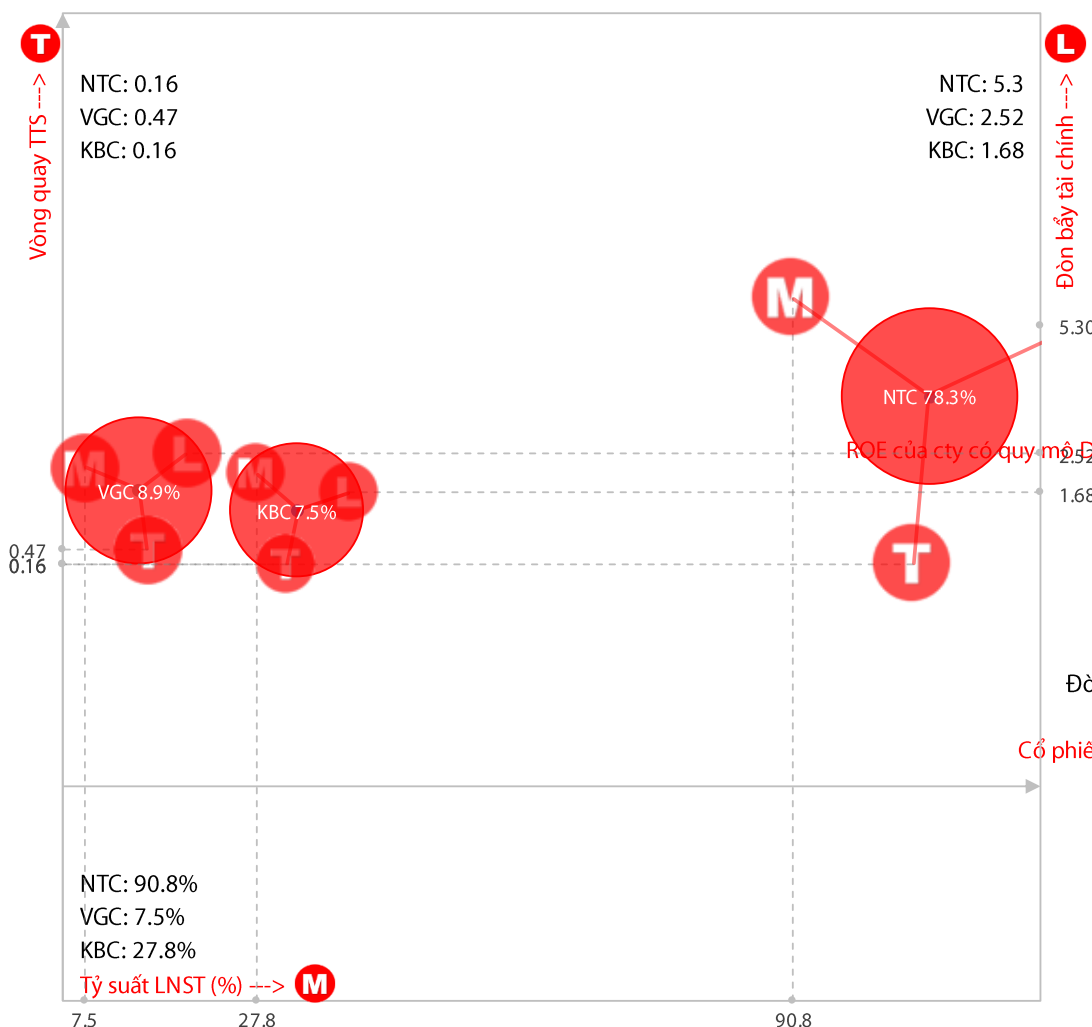
KBC, cp tham chiếu & 1 số cp khác có ROEs (ttm) xung quanh



Tỷ suất LNST cty mẹ 9T/2019

NTC	125.2%
VPH	12.0%
NLG	31.1%
VRE	30.4%
IDC	9.2%
PVL	-47.4%
DIG	7.2%
DRH	76.2%
VC3	12.5%
KHA	38.4%
KBC	20.1%
VGC	

So sánh ROE (ttm) & các thành phần



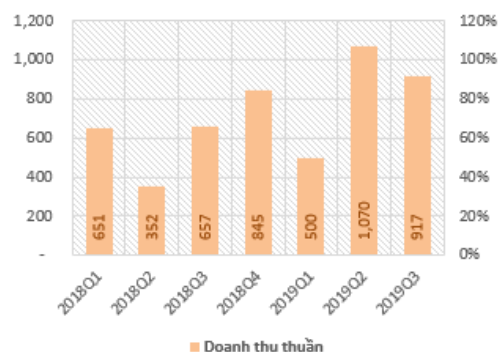
Cổ phiếu có ROE lớn nhất ngành:

NTC (UPCOM)
KCN Nam Tân Uyên

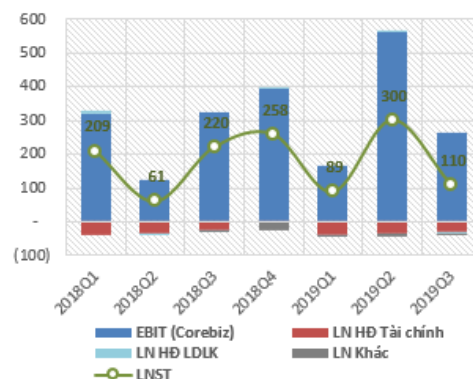


KBC

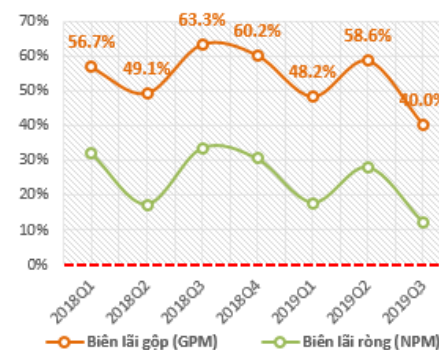
Doanh thu thuần



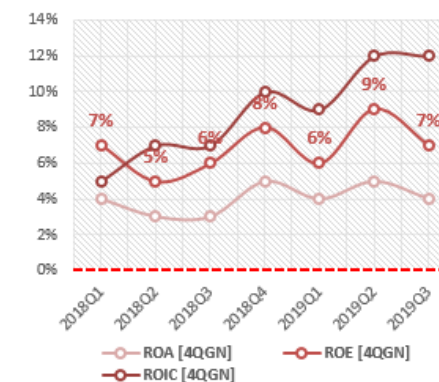
Cơ cấu lợi nhuận



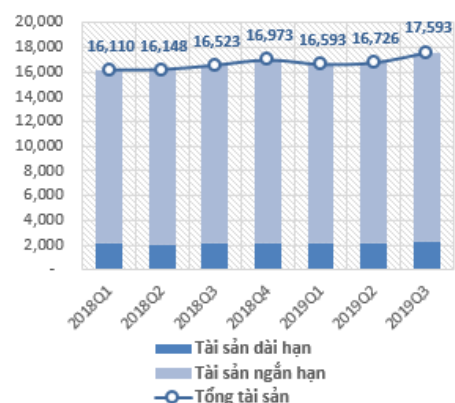
Biên lợi nhuận (Margin)



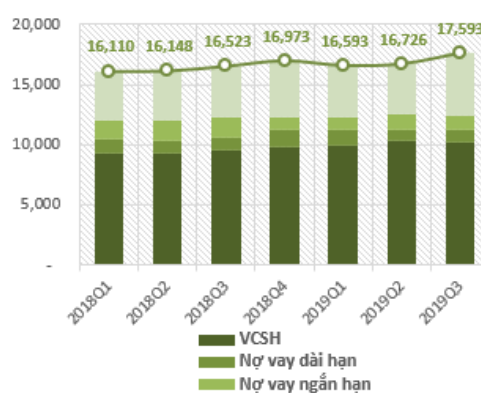
ROA, ROE, ROIC [4QGN]



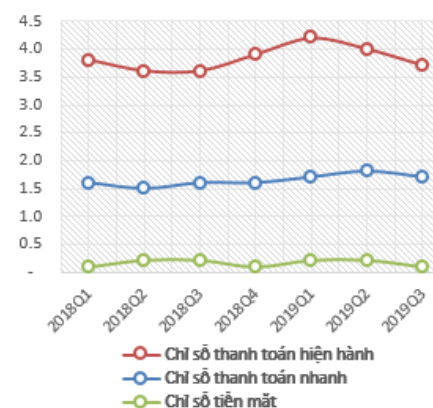
Cơ cấu tài sản



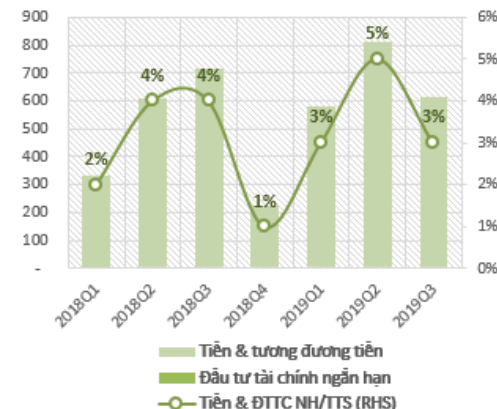
Cơ cấu nguồn vốn



Chỉ số thanh khoản

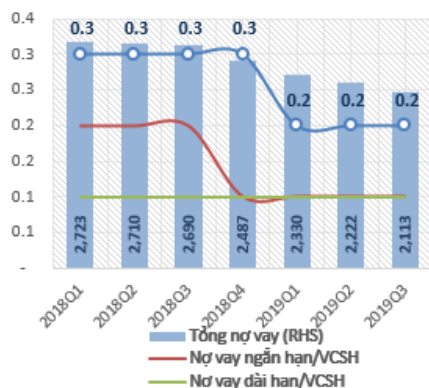


Tiền & Đầu tư tài chính

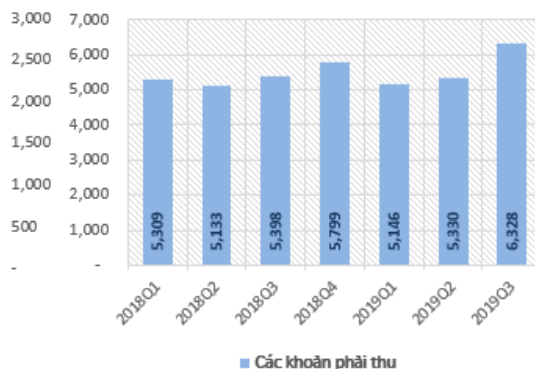


ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► FAVIZ

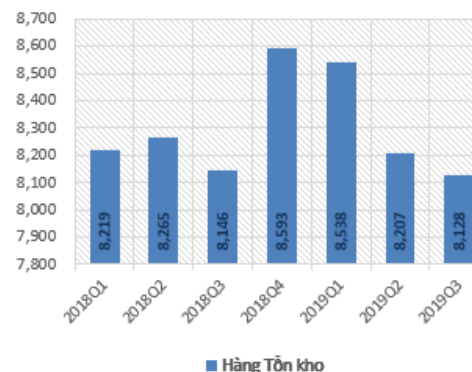
Nợ vay/VCSH



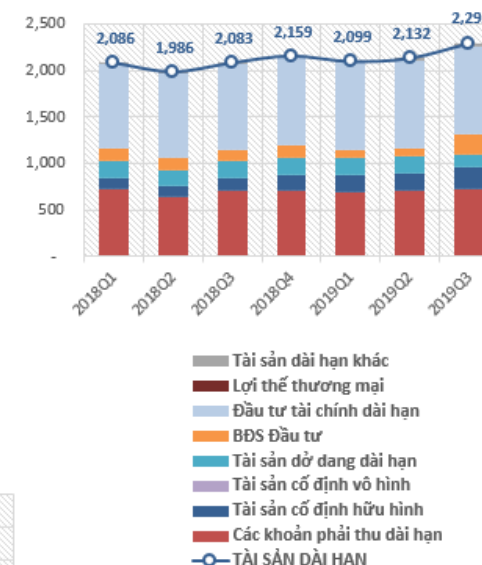
Các khoản phải thu ngắn hạn



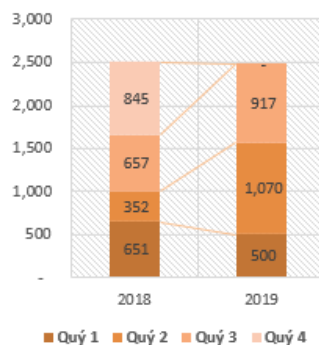
Hàng tồn kho



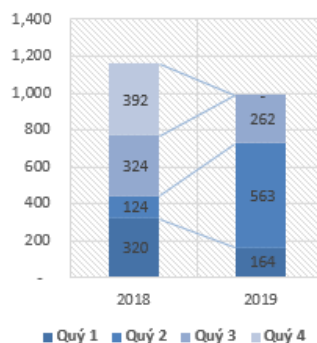
Cơ cấu Tài sản dài hạn



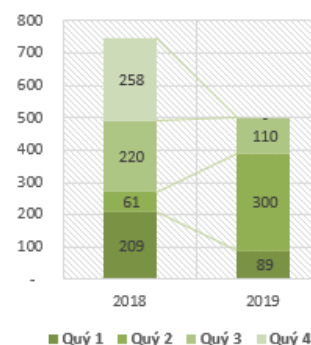
Doanh thu thuần



EBIT

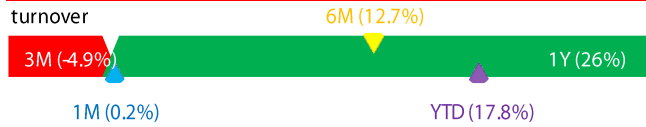


Lợi nhuận sau thuế



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► PTKT

KBC



HOSE



Thanh khoản cao



Dòng tiền 5 phiên: Ra (giảm)



Xu hướng ngắn hạn: Giảm



Đầu tư: Rộng Việt - Tích cực



Bảo.NQ

Sau thời gian sideways giảm, cổ phiếu KBC test lại ngưỡng hỗ trợ 14 và có dấu hiệu cân bằng trở lại. Các chỉ báo như RSI đang tỏ tín hiệu tích cực, MACD hiện vẫn chưa rõ ràng xu hướng. Như vậy, trong tương lai gần, KBC sẽ có nhịp hồi phục nhẹ và về lại vùng đỉnh cũ 16 trước đó.



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ GẦN ĐÂY

Danh sách cổ phiếu đã được giới thiệu trong các số Bản tin gần đây

Thị giá & số liệu thị trường khác đã được update đến hiện tại

VHC Bản tin ngày 07/11 Thủy sản Vinh Hoàn HOSE Mid cap Thanh khoản: Trung bình EPS (ttm): 15.4 P/E trail: 5.2 BV: 52.7 P/B: 1.5 Ngành: Nuôi trồng nông & hải sản (VHC xếp hạng 3 theo GTT) 79,700 <- Thị giá 106,600 <- Giá mục tiêu (đ/cp) Khuyến nghị ĐT (Cty #2) Mua Kỳ vọng +33.8%	Bản tin 04/11 EPS (ttm): 4.1 P/E trail: 13.4 BV: 24.8 P/B: 2.2 Dược phẩm Pymepharco HOSE Mid cap Thanh khoản: Thấp OCT31:117.200.300 PME 54,700 63,000 Kỳ vọng +15.2% Khả quan
QNS Đường Quảng Ngãi UPCOM Mid cap Thanh khoản: Trung bình OCT31:111.200.300 Bản tin 06/11 EPS (ttm): 3.6 P/E trail: 8.2 BV: 16.8 P/B: 1.7 29,022 40,500 Kỳ vọng +39.5% Mua	Bản tin 01/11 EPS (ttm): 4.1 P/E trail: 6.4 BV: 29.9 P/B: 0.9 VICONSHIP HOSE Mid cap Thanh khoản: Trung bình VSC 26,150 30,000 Kỳ vọng +14.7% Mua
VPB VPBank HOSE Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao OCT31:100.200B311 Bản tin 05/11 EPS (ttm): 3.4 P/E trail: 6.4 BV: 16.8 P/B: 1.3 22,000 25,300 Kỳ vọng +15% Tích lũy	Bản tin 31/10 EPS (ttm): 2.1 P/E trail: 13.5 BV: 18.5 P/B: 1.5 BĐS Nam Long HOSE Mid cap Thanh khoản: Cao NLG 28,500 39,600 Kỳ vọng +38.9% Mua
	Bản tin 30/10 EPS (ttm): 3.5 P/E trail: 7.5 BV: 21.3 P/B: 1.2 Thế Giới Số HOSE Small cap Thanh khoản: Cao DGW 25,950 Khả quan

PHỤ LỤC

Môi giới 15

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +4.2%

Khuyến nghị Giao dịch (2)

Thống kê xu hướng: Tăng 3 vs Giảm 2

Khuyến nghị Đầu tư (7)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13

Khuyến nghị: Mua 2 vs Bán 0

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: +7+8- 1Thg: 6+8- Beta: 0.56	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng Hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 BTP	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Small cap Thanh khoản: Thấp	12.4	1N: -0.4% 1Thg: -0.8% Beta: 0.56	1.6 -> 7.6 18.2 -> 0.7									
2 DBC	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	24.1	1N: +2.6% 1Thg: +7.6% Beta: n/a	1.8 -> 13.7 30.4 -> 0.8									
3 DPG	HOSE	Xây dựng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	47.5	1N: +2.8% 1Thg: +2.2% Beta: 1.29	1 -> 49.8 15.9 -> 3	Tăng	40.00			Xu hướng giảm vẫn chủ đạo.				
4 DRC	HOSE	Lốp xe	Mid cap OCT31:100.200B325	22.9	1N: +0.2% 1Thg: -1.7% Beta: 1.94	1.7 -> 13.4 13.6 -> 1.7	Giảm	22.50			Biến động giảm co xung quanh vùng giá 23.5, xu hướng tăng có dấu hiệu suy yếu.	Tích lũy 01/11	23.6 +3.1%	Doanh thu: 3,875 (+9.1% yoy). LNST Cty mẹ: 155 (+10%)	1.2 -> 18.9
5 EVF	UPCOM	Quản lý tài sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	6.0	1N: +1.3% 1Thg: -4.8% Beta: 2.49	0.9 -> 6.9 13.5 -> 0.4									
6 GMD	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.5	1N: -0.2% 1Thg: +0% Beta: 0.96	2 -> 12.5 21.1 -> 1.2	Sideway	25.00			Đang tích lũy trong vùng 25-26	Tích lũy 01/11	30.0 +17.6%	Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST Cty mẹ: 524 (-71.6%)	1.7 -> 14.7
7 GVR	UPCOM	Nhựa, cao su & sợi	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	13.9	1N: -1.5% 1Thg: +1.5% Beta: 2.1	0.8 -> 16.7 11.4 -> 1.2									
8 HDG	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	35.5	1N: -0.4% 1Thg: 0% Beta: 1.4	9.3 -> 3.8 19.1 -> 1.9						Tích lũy 01/11	37.2 +4.8%	Doanh thu: 4,744 (+47.3% yoy). LNST Cty mẹ: 654 (+3.2%)	5.5 -> 6.4
9 HPG	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	22.7	1N: +3.2% 1Thg: +6.6% Beta: 0.09	2.7 -> 8.5 16.6 -> 1.4	Tăng	20.50	Mua	29/10	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +30.8%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST Cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.7
10 KSB	HOSE	Khai khoáng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	18.3	1N: -2.7% 1Thg: -13.9% Beta: -0.52	5.7 -> 3.2 21.8 -> 0.8	Giảm	18.50		31/10	Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật				
11 MFS	UPCOM	Viễn thông di động	Small cap Thanh khoản: Thấp	22.6	1N: -0.1% 1Thg: +0% Beta: 2.02	4 -> 5.6 23.4 -> 1	Sideway	21.50	Mua	07/11	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22				
12 NLG	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	28.5	1N: -0.2% 1Thg: -0.3% Beta: 0.41	2.1 -> 13.5 18.5 -> 1.5						Mua 01/11	38.7 +35.8%	Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST Cty mẹ: 972 (+27.4%)	3.8 -> 7.6
13 PC1	HOSE	Xây dựng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	19.0	1N: +0.3% 1Thg: -5% Beta: 0.78	2.2 -> 8.6 21.2 -> 0.9						Mua 01/11	26.8 +41.1%	Doanh thu: 6,197 (+21.9% yoy). LNST Cty mẹ: 407 (-12.8%)	2.3 -> 8.3
14 SAV	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Small cap Thanh khoản: Thấp	9.3	1N: +0.9% 1Thg: -6.4% Beta: 0.41	1.6 -> 5.7 19.7 -> 0.5									
15 VHC	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	79.7	1N: -0.5% 1Thg: -0.4% Beta: 1.42	15.4 -> 5.2 52.7 -> 1.5	Tăng	75.00		29/10	Xuất hiện tín hiệu tăng ngắn hạn tuy nhiên VHC sẽ sớm phải đối mặt vùng kháng cự mạnh 83x	Mua 01/11	100.6 +26.2%	Doanh thu: 7,955 (-14.2% yoy). LNST Cty mẹ: 1,234 (-14.4%)	13.5 - > 5.9

PHỤ LỤC

CN Cần Thơ

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +4.2%

Khuyến nghị Giao dịch (6)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15

Thống kê xu hướng: Tăng 8 vs Giảm 1

Khuyến nghị: Mua 5 vs Bán 1

Khuyến nghị Đầu tư (8)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: 9+4- 1Thg: 9+6-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 AAA	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap Thanh khoản: Cao	15.8	1N: +0.6% 1Thg: +5.7% Beta: 0.5	2.7 -> 5.9 16.8 -> 0.9	Tăng 04/11	14.80 17.00			Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17				
2 BSR	UPCOM	Sản xuất và Khai thác dầu khí	Nhóm Tỷ USD OCT31:126.243.346	9.9	1N: -1.6% 1Thg: +7% Beta: 0.41	0.1 -> 97.8 10.5 -> 0.9	Tăng 06/11	9.20 10.50	Mua 06/11	MT: 10.7 (+8%) Cắt lỗ: 9.5	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời	Mua 01/10 (#2)	10.3 +4%	Doanh thu: 103,354 (-7.7% yoy). LNST cty mẹ: 1,623 (-55%)	0.6 -> 16.9
3 BVH	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	74.1	1N: -1.3% 1Thg: +4.8% Beta: 1.32	1.8 -> 41.9 22.4 -> 3.3	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+7.3%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x				
4 CII	HOSE	Xây dựng	Mid cap OCT31:133.237.341	24.0	1N: 0% 1Thg: -1.8% Beta: 0.3	1.9 -> 12.6 21.9 -> 1.1	Tăng 04/11	22.00 25.50	Bán 28/10	MT: 22.5 (-6.3%) Cắt lỗ: 24.8	Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5				
5 DPM	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap OCT31:100.246.349	13.8	1N: +0.4% 1Thg: -2.8% Beta: 0.86	0.7 -> 18.5 19.9 -> 0.7	Sideway 07/11	10.40 16.00			Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.	Mua 01/11	16.4 +18.8%	Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy). LNST cty mẹ: 329 (-53%)	0.7 -> 19.3
6 GAS	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	106.1	1N: +0.3% 1Thg: +5.4% Beta: 1.82	6.4 -> 16.7 23.8 -> 4.5	Sideway 07/11	96.00 114.00			Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.				
7 HPG	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	22.7	1N: +3.2% 1Thg: +6.6% Beta: 0.09	2.7 -> 8.5 16.6 -> 1.4	Tăng 29/10	20.50 24.00	Mua 29/10	MT: 23.5 (+3.5%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +30.8%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.7
8 HT1	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Mid cap OCT31:144.200.300	16.4	1N: -1.2% 1Thg: +5.1% Beta: 1.16	1.9 -> 8.5 14.7 -> 1.1	Tăng 25/10	15.00 18.00	Mua 25/10	MT: 18 (+9.8%) Cắt lỗ: 15.5	Bứt phá thành công khỏi ngưỡng kháng cự mạnh 16				
9 MPC	UPCOM	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: +0.9% 1Thg: -9.8% Beta: 0.4	4 -> 5.7 25.4 -> 0.9	Giảm 25/10	21.50 32.00			Có thể tạo đáy tại vùng hỗ trợ mạnh 21.5				
10 POW	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B318	13.6	1N: 0% 1Thg: +4.6% Beta: 0.93	1.1 -> 12.7 11.4 -> 1.2	Tăng 07/11	10.00 14.00			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.	Mua 01/11	18.0 +32.4%	Doanh thu: 34,111 (+4.4% yoy). LNST cty mẹ: 2,441 (+27%)	1 -> 13.1
11 PPC	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.9	1N: +1% 1Thg: -0.6% Beta: 0.97	3.3 -> 7.9 18.6 -> 1.4						Nắm giữ 01/11	23.0 -11.2%	Doanh thu: 6,862 (-3.6% yoy). LNST cty mẹ: 993 (-11.6%)	3 -> 8.8
12 PVD	HOSE	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap OCT31:100.222M338	16.8	1N: -0.3% 1Thg: -0.3% Beta: 2.38	1 -> 16.2 32.4 -> 0.5	Sideway 07/11	15.50 20.00			Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.	Mua 01/11	21.1 +25.7%	Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy). LNST cty mẹ: -38	
13 SSI	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	22.1	1N: +1.6% 1Thg: +4.5% Beta: 1.73	1.7 -> 12.9 19 -> 1.2	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua 08/11	MT: 23.5 (+6.6%) Cắt lỗ: 21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.				
14 VEA	UPCOM	Máy công nghiệp	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	50.2	1N: +2.4% 1Thg: -8.4% Beta: 1.97	5.5 -> 9.2 22.3 -> 2.3						Mua 21/08 (#1)	59.8 +19.1%	Doanh thu: 6,015 (-14.9% yoy). LNST cty mẹ: 7,534 (+7.5%)	5.7 -> 8.9
15 VRE	HOSE	Bất động sản	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.219M335	35.2	1N: +0.1% 1Thg: +11.7% Beta: 1.34	1.1 -> 30.8 12 -> 2.9	Tăng 04/11	33.50 37.50			Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5	Tích lũy 01/11	38.6 +9.5%	Doanh thu: 9,276 (+1.7% yoy). LNST cty mẹ: 2,927 (+21.7%)	1.3 -> 28

PHỤ LỤC

Môi giới 17

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +4.2%

Khuyến nghị Giao dịch (2)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15

Thống kê xu hướng: Tăng 3 vs Giảm 2

Khuyến nghị: Mua 2 vs Bán 0

Khuyến nghị Đầu tư (7)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: +6- 1Thg: 5+9-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	Small cap Thanh khoản: Trung bình	6.9	1N: -0.9% 1Thg: -9% Beta: -0.04	2.1 -> 3.4 12.8 -> 0.5									
2 	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	27.2	1N: +5% 1Thg: +1.5% Beta: 0.68	5.3 -> 5.2 25.4 -> 1.1									
3 	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap OCT31:100.246.349	13.8	1N: +0.4% 1Thg: -2.8% Beta: 0.86	0.7 -> 18.5 19.9 -> 0.7	Sideway 07/11	10.40 16.00			Dấu hiệu downtrend vẫn tiếp tục.	Mua 01/11	16.4 +18.8%	Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy). LNST cty mẹ: 329 (-53%)	0.7 -> 19.3
4 	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:104.241B334	16.2	1N: 0% 1Thg: 0% Beta: 2.58	3.1 -> 5.3 13 -> 1.3	Sideway 29/10	15.00 17.00	Mua 29/10	MT: 17.5 (+8%) Cắt lỗ: 15.3	Nhịp điệu chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục	Mua 01/11	22.0 +35.8%	Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)	2.4 -> 6.8
5 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: 0% 1Thg: +7.2% Beta: 1.31	4.7 -> 12.7 20 -> 3	Sideway 25/10	52.00 60.00			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2
6 	HOSE	Xây dựng	Mid cap OCT31:100.226.329	12.6	1N: -1.2% 1Thg: -8.7% Beta: 0.81	1.7 -> 7.4 14.8 -> 0.9									
7 	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Thấp	14.4	1N: +0.3% 1Thg: -5.8% Beta: 1.82	1.7 -> 8.4 11.8 -> 1.2									
8 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	22.7	1N: +3.2% 1Thg: +6.6% Beta: 0.09	2.7 -> 8.5 16.6 -> 1.4	Tăng 29/10	20.50 24.00	Mua 29/10	MT: 23.5 (+3.5%) Cắt lỗ: 21.2	Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ	Mua 01/11	29.7 +30.8%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.7
9 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Mid cap OCT31:129.204B303	7.4	1N: +0.7% 1Thg: +1.9% Beta: 0.8	0.9 -> 8.7 12.9 -> 0.6						Tích lũy 13/09		Doanh thu: 28,000LNST cty mẹ: 387	0.9 -> 8.1
10 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	15.5	1N: -1% 1Thg: -6.1% Beta: -1.56	2.1 -> 7.5 13.2 -> 1.2	Sideway 28/10	14.00 16.00			Chạm target trung hạn 17 và đang điều chỉnh xuống.				
11 	HOSE	Khai khoáng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	18.3	1N: -2.7% 1Thg: -13.9% Beta: -0.52	5.7 -> 3.2 21.8 -> 0.8	Giảm 31/10	18.50 20.00			Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật				
12 	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:108.233B331	10.7	1N: -0.5% 1Thg: -7.4% Beta: -0.13	2.8 -> 3.8 11.9 -> 0.9	Tăng 07/11	9.90 11.00			Xu hướng tăng mới đang nhen nhóm hình thành.				
13 	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Thấp	23.3	1N: -0.5% 1Thg: -5.2% Beta: -0.33	5.8 -> 4 32 -> 0.7						Mua 01/11	29.8 +27.9%	Doanh thu: 8,498 (-5.9% yoy). LNST cty mẹ: 504 (+22.5%)	5.3 -> 4.4
14 	HOSE	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	38.5	1N: +1.6% 1Thg: +4.1% Beta: 0.82	5.6 -> 6.9 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +12.5%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.4
15 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Cao	10.2	1N: 0% 1Thg: -13.2% Beta: 1.07	1.7 -> 6.1 17.6 -> 0.6	Giảm 01/11	9.50 10.00			Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ thuật.				

PHỤ LỤC

Môi giới 16

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +4.2%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15				Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0				Thống kê khuyến nghị: tích cực 5 vs tiêu cực 0		
CK	Phân ngành		Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: 11+2- 1Thg: 11+4-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1	AAA 	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap Thanh khoản: Cao	15.8	1N: +0.6% 1Thg: +5.7% Beta: 0.5	Tăng	14.80 17.00			Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17					
2	ACB 	HNX	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:103.239M300	24.6	1N: 0% 1Thg: +6% Beta: 1.61						Tích lũy 01/11	27.0 +9.8%	TN hoạt động: 15,843 (+12.9% yoy). LNST cty mẹ: 6,038 (+17.5%)	3.6 -> 6.8	
3	CCL 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Trung bình	6.9	1N: +0.1% 1Thg: -11.5% Beta: -0.08	Sideway	6.00 7.50	Mua	MT: 8 (+15.9%) Cắt lỗ: 6.5	Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục hồi tiếp tục.					
4	CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.2% 1Thg: +8.3% Beta: 1.43	Sideway	19.50 24.50			Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.3%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3	
5	DGW 	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Small cap Thanh khoản: Cao	26.0	1N: -0.2% 1Thg: +2.6% Beta: 1.35	Tăng	21.00 27.50			Nhịp tăng có thể nối rộng đến vùng cản 27					
6	FPT 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: 0% 1Thg: +7.2% Beta: 1.31	Sideway	52.00 60.00			Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2	
7	HCM 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	25.3	1N: +2.2% 1Thg: +12.9% Beta: 2.82	Tăng	22.00 27.00	Mua	MT: 25.8 (+2%) Cắt lỗ: 22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%					
8	HDC 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	22.9	1N: +0.4% 1Thg: -1.5% Beta: 0.8	Sideway	21.00 24.00			Dao động cân bằng xung quanh vùng giá 22.					
9	HVN 	HOSE	Hàng không	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	36.2	1N: +0.8% 1Thg: +10.9% Beta: 1.68	Tăng	34.00 39.00			Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39					
10	KDH 	HOSE	Bất động sản	Large cap Thanh khoản: Trung bình	27.2	1N: +0.6% 1Thg: +7.9% Beta: 0.12	Tăng	26.00 30.00			Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30					
11	PNJ 	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap OCT31:107.200.300	85.2	1N: +0.2% 1Thg: +7.8% Beta: 1.11	Sideway	82.00 89.00			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực	Mua 01/11	109.0 +27.9%	Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)	4.8 -> 17.6	
12	QNS 	UPCOM	Thực phẩm	Mid cap OCT31:111.200.300	29.0	1N: +0.1% 1Thg: -2.6% Beta: 0.07	Sideway	28.00 36.00			Sideway downtrend trung hạn. Sắp chạm ngưỡng đáy 28. Chưa xuất hiện dấu hiệu hồi phục.	Mua 01/11	40.5 +39.5%	Doanh thu: 7,818 (-2.7% yoy). LNST cty mẹ: 1,162 (-6.3%)	3.8 -> 7.7	
13	REE 	HOSE	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	38.5	1N: +1.6% 1Thg: +4.1% Beta: 0.82	Tăng	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +12.5%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.4	
14	SCI 	HNX	Xây dựng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	11.2	1N: +4.7% 1Thg: -28.2% Beta: -2.29										
15	SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	22.1	1N: +1.6% 1Thg: +4.5% Beta: 1.73	Sideway	20.50 23.50	Mua	MT: 23.5 (+6.6%) Cắt lỗ: 21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.					

PHỤ LỤC

Môi giới 9

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 07/11	VNIndex 1Thg: +4.2%		Khuyến nghị Giao dịch (0)		Thống kê xu hướng: Tăng 3 vs Giảm 1		Khuyến nghị Đầu tư (9)			
				1N: 7+4- 1Thg: 8+7-	EPS -> P/E BV -> P/B	Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 14	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 BMP	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	53.4	1N: -0.2% 1Thg: -0.2% Beta: 1.44	5.1 -> 10.5 31 -> 1.7					Tích lũy 01/11	51.1 -4.3%	Doanh thu: 4,123 (+5.2% yoy). LNST Cty mẹ: 518 (+21.2%)	5.4 -> 9.9
2 DGC	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	27.2	1N: +5% 1Thg: +1.5% Beta: 0.68	5.3 -> 5.2 25.4 -> 1.1								
3 FPT	HOSE	Phần mềm	59.5	1N: 0% 1Thg: +7.2% Beta: 1.31	4.7 -> 12.7 20 -> 3	Sideway 25/10	52.00 60.00		Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST Cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2
4 HAH	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	12.9	1N: 0% 1Thg: -7.5% Beta: 0.56	2.5 -> 5.3 20 -> 0.6					Mua 01/11	18.0 +39.5%	Doanh thu: 1,093 (+3.7% yoy). LNST Cty mẹ: 128 (-5.5%)	2.6 -> 4.9
5 HND	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	14.4	1N: +0.3% 1Thg: -5.8% Beta: 1.82	1.7 -> 8.4 11.8 -> 1.2								
6 IJC	HOSE	Bất động sản	15.5	1N: -1% 1Thg: -6.1% Beta: -1.56	2.1 -> 7.5 13.2 -> 1.2	Sideway 28/10	14.00 16.00		Chạm target trung hạn 17 và đang điều chỉnh xuống.				
7 MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	125.3	1N: +0.6% 1Thg: +3.6% Beta: 1.05	8.3 -> 15 25.5 -> 4.9	Sideway 31/10	120.00 130.00		Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.	Mua 01/11	167.0 +33.3%	Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST Cty mẹ: 3,888 (+35.1%)	8.6 -> 14.6
8 NDN	HNX	Bất động sản	16.7	1N: +0.6% 1Thg: -0.6% Beta: 0.68	1.5 -> 11.4 13.4 -> 1.2								
9 NTC	UPCOM	Bất động sản	175.0	1N: -0.9% 1Thg: +6.7% Beta: 3.28	31.3 -> 5.6 37.5 -> 4.7	Tăng 06/11	165.00 180.00		Đang dần khôi phục lại xu hướng tăng, đã vượt lên SMA(100)	Tích lũy 24/10	170.1 -2.8%	Doanh thu: 227 (-57.4% yoy). LNST Cty mẹ: 193 (-58.9%)	14.7 -> 11.9
10 PET	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	7.8	1N: 0% 1Thg: +2.2% Beta: 0.22	1.9 -> 4.1 17.1 -> 0.5								
11 PVD	HOSE	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	16.8	1N: -0.3% 1Thg: -0.3% Beta: 2.38	1 -> 16.2 32.4 -> 0.5	Sideway 07/11	15.50 20.00		Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.	Mua 01/11	21.1 +25.7%	Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy). LNST Cty mẹ: -38	
12 REE	HOSE	Máy công nghiệp	38.5	1N: +1.6% 1Thg: +4.1% Beta: 0.82	5.6 -> 6.9 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00		Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +12.5%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST Cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.4
13 TCW	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	24.6	1N: +2.6% 1Thg: +5.7% Beta: 1.03	4.3 -> 5.8 21.4 -> 1.2					Mua 19/09	44.0 +78.6%	Doanh thu: 670 (+1.5% yoy). LNST Cty mẹ: 61 (+5.1%)	4 -> 6.1
14 TDH	HOSE	Bất động sản	10.2	1N: 0% 1Thg: -13.2% Beta: 1.07	1.7 -> 6.1 17.6 -> 0.6	Giảm 01/11	9.50 10.00		Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ thuật.				
15 VCB	HOSE	Ngân hàng	91.3	1N: +0.3% 1Thg: +10.3% Beta: 0.93	5.3 -> 17.3 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.4%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST Cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.2

PHỤ LỤC

VN Diamond Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 13)

			VNIndex 1Thg: +4.2%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 1 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 9 vs tiêu cực 0				
CK		Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: 5+5- 1Thg: 11+1-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1	CTG 	HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.2% 1Thg: +8.3% Beta: 1.43	1.6 -> 13.5 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50		Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.3%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3	
2	DXG 	HOSE 	Bất động sản	Mid cap OCT31:104.241B334	16.2	1N: 0% 1Thg: 0% Beta: 2.58	3.1 -> 5.3 13 -> 1.3	Sideway 29/10	15.00 17.00	Mua 29/10	MT: 17.5 (+8%) Cắt lỗ: 15.3	Nhập điều chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục	Mua 01/11	22.0 +35.8%	Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)	2.4 -> 6.8
3	FPT 	HOSE 	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	59.5	1N: 0% 1Thg: +7.2% Beta: 1.31	4.7 -> 12.7 20 -> 3	Sideway 25/10	52.00 60.00		Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững	Mua 01/11	70.0 +17.6%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.2	
4	GMD 	HOSE 	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.5	1N: -0.2% 1Thg: +0% Beta: 0.96	2 -> 12.5 21.1 -> 1.2	Sideway 07/11	25.00 28.00		Đang tích lũy trong vùng 25-26	Tích lũy 01/11	30.0 +17.6%	Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST cty mẹ: 524 (-71.6%)	1.7 -> 14.7	
5	KDH 	HOSE 	Bất động sản	Large cap Thanh khoản: Trung bình	27.2	1N: +0.6% 1Thg: +7.9% Beta: 0.12	1.7 -> 16 13.3 -> 2.1	Tăng 07/11	26.00 30.00		Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30					
6	MBB 	HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.5	1N: -0.2% 1Thg: +4.9% Beta: 1.1	3.2 -> 7.3 15.6 -> 1.5	Sideway 06/11	21.00 24.50		Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21.3%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.6	
7	MWG 	HOSE 	Phân phối hàng chuyên dụng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	125.3	1N: +0.6% 1Thg: +3.6% Beta: 1.05	8.3 -> 15 25.5 -> 4.9	Sideway 31/10	120.00 130.00		Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.	Mua 01/11	167.0 +33.3%	Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,888 (+35.1%)	8.6 -> 14.6	
8	NLG 	HOSE 	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	28.5	1N: -0.2% 1Thg: -0.3% Beta: 0.41	2.1 -> 13.5 18.5 -> 1.5					Mua 01/11	38.7 +35.8%	Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST cty mẹ: 972 (+27.4%)	3.8 -> 7.6	
9	PNJ 	HOSE 	Hàng cá nhân	Large cap OCT31:107.200.300	85.2	1N: +0.2% 1Thg: +7.8% Beta: 1.11	4.8 -> 17.6 18.5 -> 4.6	Sideway 07/11	82.00 89.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực	Mua 01/11	109.0 +27.9%	Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)	4.8 -> 17.6	
10	REE 	HOSE 	Máy công nghiệp	Large cap Thanh khoản: Cao	38.5	1N: +1.6% 1Thg: +4.1% Beta: 0.82	5.6 -> 6.9 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00		Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +12.5%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.4	
11	TCB 	HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	24.8	1N: +0.2% 1Thg: +7.1% Beta: 1.83	2.7 -> 9.3 16.8 -> 1.5	Tăng 07/11	24.00 28.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực					
12	TPB 	HOSE 	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: 0% 1Thg: +0.9% Beta: 0.73	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6									
13	VPB 	HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	22.0	1N: -0.7% 1Thg: +1.1% Beta: 0.63	3.4 -> 6.4 16.8 -> 1.3	Sideway 07/11	21.00 23.00		Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới	Tích lũy 31/10	25.3 +15%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a		

PHỤ LỤC

VNFIN Select Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +4.2%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15				Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0			Thống kê khuyến nghị: tích cực 2 vs tiêu cực 0		
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: 8+6- 1Thg: 15+0-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1 BID 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	41.6	1N: +2% 1Thg: +6.5% Beta: 1.22	2.1 -> 19.8 19 -> 2.2	Tăng 07/11	41.50 46.00		Xu hướng tích cực sau khi vượt vùng kháng cự 41.5	Nắm giữ 01/11	38.0 -8.7%	TN hoạt động: 48,199 (+8.4% yoy). LNST cty mẹ: 7,583 (+3.1%)	1.7 -> 24.3	
2 BMI 	HOSE	Bảo hiểm phi nhân thọ	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	27.3	1N: +1.1% 1Thg: +11% Beta: 2.46	1.6 -> 16.7 24.5 -> 1.1									
3 BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	74.1	1N: -1.3% 1Thg: +4.8% Beta: 1.32	1.8 -> 41.9 22.4 -> 3.3	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+7.3%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x				
4 CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.2% 1Thg: +8.3% Beta: 1.43	1.6 -> 13.5 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50		Chạm trendline trên và đuổi sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -4.3%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3	
5 EIB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:102.213.319	18.4	1N: +5.7% 1Thg: +8.9% Beta: -0.05	0.5 -> 35.6 12.9 -> 1.4	Tăng 07/11	15.50 +8.00		Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18					
6 HDB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B313	29.2	1N: +0.2% 1Thg: +6.4% Beta: 0.91	3.3 -> 8.8 18.5 -> 1.6	Sideway 07/11	24.00 30.00		Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	29.0 -0.5%	TN hoạt động: 10,828 (+14.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%)	3.4 -> 8.6	
7 MBB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.5	1N: -0.2% 1Thg: +4.9% Beta: 1.1	3.2 -> 7.3 15.6 -> 1.5	Sideway 06/11	21.00 24.50		Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21.3%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.6	
8 SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	22.1	1N: +1.6% 1Thg: +4.5% Beta: 1.73	1.7 -> 12.9 19 -> 1.2	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua 08/11	MT: 23.5 (+6.6%) Cắt lỗ: 21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.				
9 STB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:101.208M315	10.9	1N: -0.9% 1Thg: +3.8% Beta: 0.88	1.5 -> 7.1 14.5 -> 0.7	Sideway 05/11	10.60 11.50	Mua 05/11	MT: 11.6 (+6.4%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại				
10 TCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	24.8	1N: +0.2% 1Thg: +7.1% Beta: 1.83	2.7 -> 9.3 16.8 -> 1.5	Tăng 07/11	24.00 28.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực					
11 TPB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: 0% 1Thg: +0.9% Beta: 0.73	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6									
12 VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.3	1N: +0.3% 1Thg: +10.3% Beta: 0.93	5.3 -> 17.3 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.4%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.2	
13 VCI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Thấp	34.1	1N: -1.3% 1Thg: +1.3% Beta: 0.71	3.8 -> 8.9 23.1 -> 1.5	Sideway 04/11	31.00 37.00		Tích lũy khá ổn định tại mức 34 và có thể bật tăng khi có cơ hội					
14 VND 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	14.1	1N: +2.2% 1Thg: +0.7% Beta: 0.51	1.3 -> 10.6 14.9 -> 0.9									
15 VPB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	22.0	1N: -0.7% 1Thg: +1.1% Beta: 0.63	3.4 -> 6.4 16.8 -> 1.3	Sideway 07/11	21.00 23.00		Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới	Tích lũy 31/10	25.3 +15%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a		

PHỤ LỤC

VNFIN Lead **Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu** (Tổng số cổ phiếu: 13)

			VNIndex 1Thg: +4.2%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 4 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 2 vs tiêu cực 0			
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 07/11	1N: 7+5- 1Thg: 13+0-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)	
1 BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	74.1	1N: -1.3% 1Thg: +4.8% Beta: 1.32	1.8 -> 41.9 22.4 -> 3.3	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+7.3%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x				
2 CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.3	1N: -0.2% 1Thg: +8.3% Beta: 1.43	1.6 -> 13.5 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50			Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Năm giữ 01/11	21.3 -4.3%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.3
3 EIB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:102.213.319	18.4	1N: +5.7% 1Thg: +8.9% Beta: -0.05	0.5 -> 35.6 12.9 -> 1.4	Tăng 07/11	15.50 +8.00			Tăng từ vùng lưỡng lự 16.5 nhưng vẫn nhiều khả năng bị cản tại vùng 18				
4 HCM 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	25.3	1N: +2.2% 1Thg: +12.9% Beta: 2.82	1.4 -> 17.5 14.2 -> 1.8	Tăng 04/11	22.00 27.00	Mua 04/11	MT: 25.8 (+2%) Cắt lỗ: 22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%				
5 HDB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B313	29.2	1N: +0.2% 1Thg: +6.4% Beta: 0.91	3.3 -> 8.8 18.5 -> 1.6	Sideway 07/11	24.00 30.00			Dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn.	Năm giữ 01/11	29.0 -0.5%	TN hoạt động: 10,828 (+14.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%)	3.4 -> 8.6
6 MBB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.5	1N: -0.2% 1Thg: +4.9% Beta: 1.1	3.2 -> 7.3 15.6 -> 1.5	Sideway 06/11	21.00 24.50			Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.	Mua 01/11	28.5 +21.3%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.6
7 SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	22.1	1N: +1.6% 1Thg: +4.5% Beta: 1.73	1.7 -> 12.9 19 -> 1.2	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua 08/11	MT: 23.5 (+6.6%) Cắt lỗ: 21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.				
8 STB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:101.208M315	10.9	1N: -0.9% 1Thg: +3.8% Beta: 0.88	1.5 -> 7.1 14.5 -> 0.7	Sideway 05/11	10.60 11.50	Mua 05/11	MT: 11.6 (+6.4%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại				
9 TCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	24.8	1N: +0.2% 1Thg: +7.1% Beta: 1.83	2.7 -> 9.3 16.8 -> 1.5	Tăng 07/11	24.00 28.00			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực				
10 TPB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.5	1N: 0% 1Thg: +0.9% Beta: 0.73	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6									
11 VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.3	1N: +0.3% 1Thg: +10.3% Beta: 0.93	5.3 -> 17.3 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00			Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Năm giữ 01/11	90.0 -1.4%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.2
12 VND 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	14.1	1N: +2.2% 1Thg: +0.7% Beta: 0.51	1.3 -> 10.6 14.9 -> 0.9									
13 VPB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	22.0	1N: -0.7% 1Thg: +1.1% Beta: 0.63	3.4 -> 6.4 16.8 -> 1.3	Sideway 07/11	21.00 23.00			Đã được hỗ trợ gần mức 21.2 và đang trong quá trình tích lũy để hình thành sóng tăng mới	Tích lũy 31/10	25.3 +15%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a	

KHẢO SÁT Ý KIẾN BẠN ĐỌC

Nhằm nâng cao chất lượng bản tin sáng hàng ngày, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp về mọi nội dung lẫn hình thức. Xin vui lòng ghi rõ các phần của bản tin mà quý vị muốn góp ý, và ghi ý kiến vào các ô trống dưới đây (thêm/sửa/xóa), rồi gửi về địa chỉ email của Hoàng Thạch Lâm (lan.ht@vdsc.com.vn). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Chương	Nội dung	Ý kiến
Tin tức và bình luận	Tin quốc tế. Vietnam vs Global indexes. Tin trong nước. Tin chứng khoán.	
Thị trường	Diễn biến trong phiên. Biến động giá hôm nay. So với tuần trước. Xu hướng gần đây. Đánh chứng T3 dễ hay khó.	
Giao dịch	Nhận định chỉ số. Vốn hóa tỷ USD. Top10 tuần qua. Top10 dòng tiền 5 phiên. Khuyến nghị kỹ thuật mới (trong T3). Cổ phiếu hôm nay. Theo dõi khuyến nghị kỹ thuật (ngoài T3). Chứng quyền.	
Đầu tư	Danh mục đầu tư (giá mục tiêu và kỳ vọng, dự phóng doanh thu và LNST, dự phóng EPS và P/E forward). Nhóm ngành hôm nay. Cổ phiếu hôm nay.	
Phụ lục	Bảng tổng hợp cổ phiếu (PTKT, PTCB) theo yêu cầu của 1 số phòng môi giới/Chi nhánh	

HỆ THỐNG ICONS

Mục đích: giúp người đọc dễ dàng nắm được các yếu tố quan trọng liên quan đến chỉ số, nhóm ngành hay bất kỳ cổ phiếu cụ thể. Biết được cổ phiếu đang được khuyến nghị mua hay bán, đầu tư hay lướt sóng mà không cần phải tra cứu các bảng khuyến nghị đầu tư hay PTKT. Giúp tiết kiệm không gian đăng tải số liệu liên quan.

1. **Quy mô vốn hóa:** các mã có vốn hóa lớn (large cap) có Giá trị thị trường từ 500 tr.USD trở lên sẽ hiển thị icons, đi kèm với biến động giá trong ngày gần nhất.

	Tăng giá	Đứng giá	Giảm giá
Nhóm vốn hóa 1 tỷ USD trở lên			
Large cap (500 tr.USD trở lên)			

2. **Thanh khoản:** tính theo khối lượng khớp lệnh bình quân 1 tháng gần nhất:

Cao (từ 500.000 cp/ phiên)	Trung bình (từ 50.000 cp/ phiên)	Thấp (dưới 50.000 cp/ phiên)
		

3. **Dòng tiền 5 phiên:** là tổng giá trị giao dịch trong 5 phiên gần nhất, trong đó giá trị mỗi ngày được lấy dấu vào (+) hoặc ra (-) theo biến động giá cổ phiếu so với ngày liền trước.

	Đảo chiều	Tăng	Giảm
Dòng tiền vào (Tổng giá trị 5 phiên là dương)			
Dòng tiền ra (Tổng giá trị 5 phiên là âm)			

4. **Xu hướng ngắn hạn:** là nhận định của nhóm PTKT – TVCN về diễn biến giá cổ phiếu trong ngắn hạn, bao gồm:

Tích cực	Trung lập	Tiêu cực
		
Mua	Bán	
		

5. **Khuyến nghị Mua – Bán theo PTKT:**

6. **Khuyến nghị đầu tư:** được phân thành các nhóm tích cực (mua, thêm, khả quan, tích lũy...), trung lập (nắm giữ) hay tiêu cực (giảm, kém khả quan, bán). Bao gồm:

	Tích cực	Trung lập	Tiêu cực
Rồng Việt			
Một số công ty CK khác			



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu

nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**